

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

(Kèm theo E-HSMT - loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh; điều chỉnh giá theo phương pháp bù trừ trực tiếp)

Số: []/2026/HĐXD

Đà Nẵng, ngày [] tháng [] năm 2026

Gói thầu: [Ghi theo E-HSMT]

Tên gói thầu dự kiến:

Dự án:

GIỮA

Chủ đầu tư: KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ III

VỚI

Nhà thầu: [Ghi tên nhà thầu/ liên danh nhà thầu trúng thầu sau khi có kết quả lựa chọn nhà thầu]

- NĂM 2026 -

MỤC LỤC

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG VÀ CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

Điều 4. Thông báo

Điều 5. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, nghiệm thu, bàn giao

Điều 8. Thời gian thực hiện, tiến độ và kiểm soát tiến độ

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán và kiểm soát dòng tiền

Điều 10. Điều chỉnh khối lượng, đơn giá và giá hợp đồng theo phương pháp bù trừ trực tiếp

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Quản lý dự án

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Tư vấn giám sát

Điều 15. Nhà thầu phụ, kiểm soát chuyển nhượng thầu

Điều 16. An toàn lao động, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và PCCC

Điều 17. Điện, nước và an ninh công trường

Điều 18. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Điều 19. Bảo hiểm, bảo hành và xử lý khiếm khuyết

Điều 20. Rủi ro và bất khả kháng

Điều 21. Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại

Điều 22. Khiếu nại và xử lý tranh chấp

Điều 23. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

Điều 24. Hiệu lực của hợp đồng

Điều 25. Điều khoản chung

PHỤ LỤC 1. Thông tin nhà thầu/ liên danh và phân chia phạm vi công việc

PHỤ LỤC 2. Giá hợp đồng, bảng giá hợp đồng và nguyên tắc thanh toán

PHỤ LỤC 3. Tiến độ cơ sở, mốc tiến độ trọng yếu và biểu huy động nguồn lực

PHỤ LỤC 4. Nhân sự chủ chốt, thiết bị chính, phòng thí nghiệm, trạm trộn và nguồn vật liệu

PHỤ LỤC 5. Phương pháp điều chỉnh giá theo bù trừ trực tiếp

PHỤ LỤC 6. Ma trận kiểm soát rủi ro, chế tài và ngưỡng xử lý vi phạm

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nội dung
E-HSMT	Hồ sơ mời thầu điện tử
E-HSDT	Hồ sơ dự thầu điện tử
HĐ	Hợp đồng
QLDA	Đơn vị/Tư vấn quản lý dự án hoặc bộ phận quản lý dự án được Chủ đầu tư giao nhiệm vụ
TVGS	Tư vấn giám sát thi công xây dựng
NTTC	Nhà thầu thi công xây dựng
BTN	Bê tông nhựa
ATGT	An toàn giao thông
ATLĐ	An toàn lao động
VSMT	Vệ sinh môi trường
PCCC	Phòng cháy, chữa cháy
BOQ	Bảng tiên lượng/ bảng khối lượng mời thầu và bảng giá hợp đồng
VNĐ	Đồng Việt Nam

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU

Hôm nay, ngày [] tháng [] năm 2026, tại [], chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư

Nội dung	Thông tin
Tên giao dịch	Khu Quản lý đường bộ III
Người đại diện	[Ông/Bà ...]
Chức vụ	[...]
Căn cứ đại diện/ủy quyền	[Ghi quyết định phân công/ủy quyền của người đại diện ký hợp đồng]
Địa chỉ	[...]
Tài khoản	[...]
Mã số thuế	[...]
Điện thoại/Fax/Email	[...]

2. Nhà thầu

Thông tin Nhà thầu được hoàn thiện sau khi có kết quả lựa chọn nhà thầu. Trường hợp Nhà thầu là liên danh, thông tin từng thành viên liên danh và phân chia phạm vi công việc được thể hiện tại Phụ lục 1 của Hợp đồng.

Nội dung	Thông tin
Tên nhà thầu/ liên danh	[...]
Người đại diện hợp pháp	[...]
Chức vụ	[...]
Địa chỉ	[...]
Tài khoản	[...]
Mã số thuế	[...]
Điện thoại/Fax/Email	[...]
Thỏa thuận liên danh	[Số, ngày tháng, phạm vi, tỷ lệ phân chia công việc - nếu là liên danh]

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng thi công xây dựng công trình cho gói thầu nêu trên với các điều khoản sau đây.

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 và các luật sửa đổi, bổ sung có liên quan còn hiệu lực tại thời điểm phát hành E-HSMT;

Căn cứ Nghị định số 210/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ các Nghị định số 336/2025/NĐ-CP ngày 22/12/2025 của Chính phủ hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đường bộ;

Căn cứ các Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công; Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/6/2026 của Chính phủ quy định quyết toán vốn đầu tư dự án

.

Căn cứ các quy định hiện hành về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công/vốn ngân sách nhà nước và quản lý bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định phê duyệt dự án số [] ngày [] của [];

Căn cứ Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu số [] ngày [] của [];

Căn cứ E-HSMT gói thầu số [] được Chủ đầu tư phê duyệt và phát hành trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ E-HSDT của Nhà thầu, các văn bản làm rõ E-HSDT, biên bản thương thảo/hoàn thiện hợp đồng (nếu có);

Căn cứ Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu số [] ngày [] của Chủ đầu tư;

Căn cứ Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số [] ngày [] của Chủ đầu tư gửi Nhà thầu.

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG VÀ CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

- 1.1. “Bên” là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tùy theo ngữ cảnh diễn đạt.
- 1.2. “Bảng tiên lượng/BOQ” là bảng kê chi tiết khối lượng và giá các công việc trong hợp đồng, là căn cứ để xác định giá hợp đồng, thanh toán, điều chỉnh và quyết toán.
- 1.3. “E-HSMT” là toàn bộ hồ sơ mời thầu điện tử, các tài liệu sửa đổi, làm rõ, Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật, bản vẽ, BOQ, điều kiện hợp đồng và các tài liệu đính kèm do Chủ đầu tư phát hành.
- 1.4. “E-HSDT” là toàn bộ hồ sơ dự thầu điện tử của Nhà thầu, bao gồm các cam kết về giá, kỹ thuật, tiến độ, nhân sự, thiết bị, trạm trộn, phòng thí nghiệm, nguồn vật liệu, nhà thầu phụ và các văn bản làm rõ.
- 1.5. “Hợp đồng” là thỏa thuận bằng văn bản giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, bao gồm văn bản hợp đồng, phụ lục hợp đồng và toàn bộ tài liệu kèm theo theo thứ tự ưu tiên tại Điều 2.
- 1.6. “Công trình” là công trình, hạng mục công trình thuộc gói thầu nêu tại Hợp đồng, bao gồm công trình chính và công trình tạm phục vụ thi công.
- 1.7. “Công trường” là phạm vi mặt bằng Chủ đầu tư bàn giao cho Nhà thầu để thi công, bao gồm các vị trí thi công trên tuyến đường đang khai thác, khu vực tập kết vật tư, thiết bị, trạm trộn, bãi đổ thải và các khu vực liên quan được Chủ đầu tư chấp thuận.
- 1.8. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu để thực hiện một phần công việc của gói thầu theo đúng phạm vi, giá trị, danh sách được nêu trong E-HSDT hoặc được Chủ đầu tư, TVGS chấp thuận bằng văn bản.
- 1.9. “Chuyển nhượng thầu” là hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật đấu thầu và Điều 15 của Hợp đồng này, bao gồm việc giao, khoán, bán lại hoặc chuyển cho tổ chức/cá nhân khác thực hiện phần việc trái với phạm vi, giá trị, điều kiện nhà thầu phụ đã được phép.
- 1.10. “Thời gian thực hiện gói thầu” là thời gian từ ngày bàn giao mặt bằng thi công hoặc ngày ghi trong thông báo khởi công/thực hiện hợp đồng đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, không bao gồm thời gian bảo hành.
- 1.11. “Thời gian thực hiện hợp đồng” là thời gian từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng, bao gồm nghĩa vụ bảo hành, quyết toán và thanh lý hợp đồng.
- 1.12. “Ngày” được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
- 1.13. “Ngày làm việc” là ngày dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.
- 1.14. “Mốc tiến độ trọng yếu” là các mốc có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng hoàn thành gói thầu đúng thời hạn, bao gồm mốc khởi công, mốc huy động nhân sự/thiết bị/phòng thí nghiệm/trạm trộn, mốc thí nghiệm vật liệu (kết cấu tái sinh, kết cấu có sử dụng vật liệu xi măng, bê tông nhựa...), mốc hoàn thành ATGT và mốc nghiệm thu hoàn thành.

1.15. “Phương pháp bù trừ trực tiếp” là phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng bằng cách xác định trực tiếp phần chênh lệch giá của yếu tố chi phí được phép điều chỉnh theo khối lượng thực tế nghiệm thu, chứng từ hợp lệ và nguyên tắc tại Điều 10.

1.16. Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản được định nghĩa tại Điều [Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản].

1.17. Sửa đổi là sự thay đổi, điều chỉnh về khối lượng, tiến độ, thời gian thực hiện, đơn giá, giá hợp đồng, các nội dung khác của hợp đồng có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ hợp đồng xây dựng gồm văn bản hợp đồng này và các tài liệu kèm theo hợp đồng. Tất cả tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng, có giá trị ràng buộc Nhà thầu trong quá trình thực hiện.

2.2. Tất cả các tài liệu nêu tại khoản 2.3 Điều này (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.

2.3. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng, bao gồm:

2.3.1. Thỏa thuận hợp đồng xây dựng (nếu có);

2.3.2. Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;

2.3.3. Đơn dự thầu;

2.3.4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng xây dựng hoặc điều khoản tham chiếu đối với hợp đồng tư vấn xây dựng;

2.3.5. Điều kiện chung của hợp đồng xây dựng;

2.3.6. Hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu của Bên giao thầu;

2.3.7. Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;

2.3.8. Hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ đề xuất của Bên nhận thầu;

2.3.9. Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng xây dựng;

2.3.10. Các phụ lục của hợp đồng xây dựng;

2.3.11. Các tài liệu khác có liên quan.

2.4. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng do các bên thỏa thuận áp dụng, trường hợp các bên không thỏa thuận thì áp dụng theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 2.3 Điều này.

2.5. Các thông tin còn để trống trong dự thảo hợp đồng kèm theo E-HSMT sẽ được hoàn thiện sau khi có kết quả lựa chọn nhà thầu nhưng không được làm thay đổi bản chất, điều kiện cơ bản của E-HSMT và E-HSDT được chấp thuận.

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

3.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3.2. Ngôn ngữ sử dụng cho Hợp đồng và mọi giao dịch, thông báo, hồ sơ thanh toán, nghiệm thu, quyết toán là tiếng Việt.

Điều 4. Thông báo

4.1. Mọi thông báo liên quan đến Hợp đồng phải được lập bằng văn bản, bao gồm văn bản giấy, văn bản điện tử, thông điệp dữ liệu hoặc hình thức khác được pháp luật công nhận và có thể lưu trữ, truy xuất.

4.2. Thông báo được coi là hợp lệ khi được gửi đến địa chỉ, email, tài khoản trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc đầu mối được các bên đăng ký trong Hợp đồng.

4.3. Đối với thông báo của Chủ đầu tư/QLDA/TVGS về sự kiện hiện trường, vi phạm tiến độ, vi phạm chất lượng, yêu cầu khắc phục, yêu cầu bổ sung hồ sơ, nhân sự, thiết bị, vật liệu, Nhà thầu có trách nhiệm phản hồi bằng văn bản trong thời hạn do Chủ đầu tư/QLDA/TVGS yêu cầu phù hợp với tính chất và mức độ của từng vụ việc.

Đối với trường hợp khẩn cấp liên quan đến an toàn công trình, an toàn giao thông, an toàn lao động, sự cố công trình hoặc nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng công trình, Nhà thầu phải kịp thời phối hợp xử lý theo yêu cầu tại thông báo.

Trường hợp Nhà thầu không phản hồi văn bản hoặc triển khai thực hiện yêu cầu của Chủ đầu tư trong thời hạn quy định, Chủ đầu tư/QLDA/TVGS được quyền sử dụng nội dung thông báo làm cơ sở xem xét, xử lý trách nhiệm của Nhà thầu theo hợp đồng.

4.4. Quy định tại khoản 4.3 không thay thế yêu cầu phải ký phụ lục hợp đồng hoặc phê duyệt điều chỉnh đối với các nội dung pháp luật bắt buộc phải lập thành phụ lục/văn bản chấp thuận riêng.

Điều 5. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

a) Trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Chủ đầu tư số tiền bảo lãnh là: ... VNĐ (tương đương 6% giá hợp đồng) trong vòng ... ngày trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 210/2016/NĐ- CP.

(Bằng chữ: ... ngàn đồng).

Trong đó:

+ Thành viên đứng đầu Liên danh: Công ty .., bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị: ... đồng (Bằng chữ: ... ngàn đồng);

+ Thành viên thứ hai trong Liên danh: Công ty .., bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị: .. đồng (Bằng chữ: .. ngàn đồng);

b) Hình thức bảo đảm là thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành; bảo lãnh phải là loại không điều kiện, không hủy ngang, thanh toán khi Chủ đầu tư có yêu cầu.

c) Trường hợp Nhà thầu là liên danh, từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm tương ứng với phần giá trị công việc đảm nhận, trừ trường hợp thỏa thuận liên danh quy định thành viên đứng đầu liên danh nộp thay và được Chủ đầu tư chấp thuận.

d) Bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực kể từ ngày phát hành đến ngày công trình được Chủ đầu tư ký nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành công trình. Nếu đến trước ngày hết hiệu lực 15 ngày mà nghĩa vụ chưa hoàn thành, Nhà thầu phải gia hạn bảo lãnh; nếu không gia hạn, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu ngân hàng thanh toán bảo lãnh.

e) Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư hoàn trả bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu sau khi công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, đồng thời nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định và Chủ đầu tư nhận được văn bản đề nghị hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu.

f) Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng nếu từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực, vi phạm hợp đồng đến mức bị chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư, vi phạm chuyển nhượng thầu.

5.2. Bảo lãnh tạm ứng:

a) Trước khi nhận tạm ứng, Nhà thầu phải nộp bảo lãnh tạm ứng có giá trị tương đương số tiền tạm ứng được nhận. Bảo lãnh phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực từ ngày phát hành cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng. Giá trị bảo lãnh tạm ứng được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng đã thu hồi qua các kỳ thanh toán. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.

b) Loại và mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng: bảo lãnh phải là loại không điều kiện, không hủy ngang, thanh toán khi Chủ đầu tư có yêu cầu.

c) Trường hợp Nhà thầu là liên danh thì từng thành viên trong liên danh phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị tương đương khoản tiền tạm ứng cho từng thành viên, trừ trường hợp các thành viên trong liên danh thỏa thuận để nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo lãnh tạm ứng hợp đồng cho Chủ đầu tư.

d) Trường hợp đến trước ngày hết hiệu lực 15 ngày mà chưa thu hồi đủ tiền tạm ứng, Nhà thầu phải gia hạn bảo lãnh; nếu không gia hạn, Chủ đầu tư có quyền tạm dừng thanh toán, thu hồi ngay số tạm ứng còn lại hoặc yêu cầu ngân hàng thanh toán bảo lãnh.

Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc

6.1. Nhà thầu thực hiện toàn bộ công việc thi công xây dựng công trình theo hồ sơ thiết kế được duyệt, E-HSMT, E-HSDT, Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng và các chỉ đạo hợp pháp của Chủ đầu tư/QLDA/TVGS.

6.2. Nội dung và khối lượng công việc của hợp đồng thi công xây dựng được quy định tại Nghị định số 210/2026/NĐ-CP và có thể bao gồm toàn bộ hoặc một số công việc sau:

a) Bàn giao và tiếp nhận, quản lý mặt bằng xây dựng, tiếp nhận và bảo quản tim, cốt, mốc giới công trình;

b) Cung cấp vật liệu xây dựng, nhân lực, máy và thiết bị thi công để thi công xây dựng công trình theo hợp đồng;

- c) Thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt (kể cả phần hạng mục, khối lượng sửa đổi, bổ sung được cấp có thẩm quyền phê duyệt) và quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành;
- d) Thực hiện trắc đạc, quan trắc công trình theo yêu cầu thiết kế. Thực hiện thí nghiệm, theo kế hoạch trước khi đề nghị nghiệm thu;
- đ) Kiểm soát chất lượng công việc xây dựng; giám sát thi công xây dựng công trình đối với công việc xây dựng do Nhà thầu phụ thực hiện trong trường hợp là Nhà thầu chính;
- e) Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng (nếu có), kể cả trong các giai đoạn tiếp theo - nếu chứng minh được sai sót là do quá trình thi công của Nhà thầu;
- g) Thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng;
- h) Thực hiện nghiệm thu công việc chuyển bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng;
- i) Thực hiện các công tác bảo đảm an toàn (cả an toàn lao động và an toàn giao thông), bảo vệ và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ;
- k) Bảo vệ công trường, mặt bằng thi công trong phạm vi hợp đồng thi công;
- l) Thực hiện các công tác bảo đảm an ninh trật tự cho khu vực công trường;
- m) Hợp tác với các Nhà thầu khác trên công trường (nếu có);
- n) Thu dọn công trường và bàn giao sản phẩm xây dựng sau khi hoàn thành;
- o) Các công việc khác trong quá trình thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận của hợp đồng (Hồ sơ hoàn thành công trình, Hồ sơ quyết toán hoàn thành công trình,...), các tài liệu kèm theo hợp đồng và quy định của pháp luật.

6.4. Nhà thầu phải tự xem xét đầy đủ điều kiện hiện trường, điều kiện giao thông đang khai thác, thời tiết, nguồn vật liệu, đường vận chuyển, vị trí trạm trộn, bãi tập kết, bãi đổ thải và các yếu tố ảnh hưởng đến giá dự thầu, tiến độ, biện pháp thi công. Mọi chi phí phát sinh do Nhà thầu không khảo sát, đánh giá đầy đủ điều kiện thực hiện gói thầu sẽ do Nhà thầu chịu, trừ trường hợp được Chủ đầu tư chấp thuận theo quy định của Hợp đồng.

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, nghiệm thu và bàn giao sản phẩm hợp đồng

7.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của hợp đồng thi công xây dựng

- a) Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế được phê duyệt (kể cả phần sửa đổi, bổ sung), chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong E-HSMT phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình, xây dựng của nhà nước có liên quan. Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư/TVGS chấp thuận trước khi thi công đối với: biện pháp tổ chức thi công; biện pháp đảm bảo ATGT; tiến độ chi tiết; nguồn vật liệu; cấp phối; trạm trộn BTN; phòng thí nghiệm; thiết bị chính; quy trình thi công đặc biệt; kế hoạch thí nghiệm; mẫu vật liệu; hồ sơ kiểm định thiết bị. Nhà thầu phải thiết lập hệ thống

quản lý chất lượng nội bộ, tổ chức KCS và chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng công việc do mình và nhà thầu phụ thực hiện.

b) Nhà thầu đảm bảo vật tư, thiết bị được cung cấp có nguồn gốc xuất xứ, đáp ứng các yêu cầu về chỉ dẫn chất lượng sản phẩm, thi công.

c) Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm (hoặc Trạm thí nghiệm hiện trường kèm quyết định thành lập theo quy định) đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động chuyên ngành xây dựng¹, đủ danh mục phép thử tương ứng. Kết quả thí nghiệm phải đầy đủ, trung thực, hợp lệ và là căn cứ nghiệm thu, thanh toán.

d) Phòng thí nghiệm: Nhà thầu phải bố trí phòng thí nghiệm đủ tiêu chuẩn (là phòng thí nghiệm có giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng hoặc quyết định công nhận phòng thí nghiệm LAS-XD theo quy định còn hiệu lực, kèm theo danh mục được thực hiện các phép thử). Phòng thí nghiệm LAS-XD có đầy đủ các danh mục phép thử đáp ứng yêu cầu công tác thí nghiệm của gói thầu. Trường hợp nhà thầu không có phòng thí nghiệm đủ tiêu chuẩn thì phải thuê một đơn vị tư vấn chuyên ngành thí nghiệm đủ năng lực theo quy định. Trước khi thi công phải bố trí lực lượng và cơ sở thí nghiệm phù hợp với gói thầu tại hiện trường đủ thiết bị, nhân sự thí nghiệm theo yêu cầu của gói thầu để phục vụ kiểm tra chất lượng thi công xây dựng. Các thiết bị thí nghiệm đủ điều kiện được sử dụng nhằm tránh sử dụng thiết bị quá thời hạn, thiết bị không được hiệu chỉnh theo quy định.

e) Nhà thầu không được đưa vào công trình vật liệu, thiết bị, trạm trộn, phòng thí nghiệm, biện pháp thi công hoặc nguồn cung cấp chưa được TVGS/Chủ đầu tư chấp thuận. Khối lượng thực hiện bằng nguồn lực chưa được chấp thuận không được nghiệm thu, thanh toán và Nhà thầu chịu mọi chi phí tháo dỡ, làm lại, thí nghiệm, kiểm định phát sinh.

f) Đối với gói thầu có công tác sản xuất hỗn hợp bê tông nhựa (BTN), bê tông xi măng (BTXM) thương phẩm:

- Trong trường hợp thay đổi Trạm trộn BTN, BTXM so với hồ sơ trúng thầu phải được Chủ đầu tư chấp thuận trên cơ sở đảm bảo các điều kiện²: các trạm trộn BTN, BTXM của chính Nhà thầu sản xuất hoặc do Nhà thầu đi thuê hoặc thuê Nhà thầu phụ cung cấp BTN, BTXM cho Nhà thầu thi công: (i) Được cơ quan chức năng cấp phép hoạt động; (ii) Đạt chất lượng kiểm định và còn trong thời gian hoạt động theo quy định; (iii) Đáp ứng được kế hoạch hoạt động bảo vệ môi trường được cấp thẩm quyền phê duyệt³; (iv) Bảo đảm công tác phòng cháy chữa cháy và được cấp có thẩm quyền kiểm tra, nghiệm thu theo quy định⁴.

¹ Quy định tại Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ

² Hồ sơ trúng thầu Trạm trộn BTN, BTXM đã được Tổ chuyên gia kiểm tra tại Hồ sơ dự thầu và đã được chấp thuận trúng thầu – chỉ áp dụng khi bổ sung trạm trộn, thay đổi trạm trộn

³ Theo quy định tại khoản 1 Mục 12 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.

⁴ Theo quy định tại Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025

- Để bảo đảm chất lượng công trình, yêu cầu trong quá trình sản xuất BTN, BTXM thương phẩm, Nhà thầu thi công chịu trách nhiệm bảo đảm kết nối, gửi thông tin quá trình vận hành, sản xuất và thí nghiệm kiểm tra chất lượng hỗn hợp BTN, BTXM tại trạm trộn (từ khâu kiểm tra vật liệu trong quá trình sản xuất BTN, BTXM; công tác kiểm tra các khâu công nghệ tại trạm trộn; công tác cung cấp, sàng lọc định lượng bột khoáng, phụ gia và nhựa nóng (đối với BTN) hoặc phụ gia, xi măng (đối với BTXM) theo quy định; nhiệt độ hỗn hợp khi ra khỏi thùng trộn (BTN) hoặc độ sụt (BTXM)...) qua hình thức camera được kết nối wifi, sóng 3G, 4G... hoặc hình ảnh, video...(đối với nơi sản xuất không có sóng wifi, 3G, 4G...) để truyền dữ liệu trực tiếp các bên liên quan (Quản lý dự án, Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư) khi Chủ đầu tư yêu cầu để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát chất lượng.

- Nghiêm cấm hành vi tập kết vật liệu không đạt chất lượng nằm lẫn lộn tại bãi tập kết, nhà kho chứa vật liệu sản xuất bê tông nhựa, cấp phối đá dăm tại khu vực Trạm trộn phục vụ thi công gói thầu Thi công xây dựng thuộc Dự án trên. Vật liệu không đạt yêu cầu phải đưa ra khỏi khu vực Trạm trộn.

- Ngoài ra, phải tuân thủ các quy trình thi công và nghiệm thu BTN TCVN 13567-1:2022 và TCVN 13567-2:2022

- Tất cả các thông số về thời gian thực hiện mẻ trộn, nhiệt độ hỗn hợp đều phải được thi công thí điểm và được xác định thông qua thí nghiệm, Tư vấn giám sát kiểm tra và báo cáo Chủ đầu tư chấp thuận trước khi thi công đại trà.

g) Bên B phải cập nhật và chấp hành các yêu cầu kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật mới áp dụng cho dự án khi cấp có thẩm quyền thông báo thay đổi (nếu có);

7.2. Kiểm tra, giám sát của chủ đầu tư:

a) Trong quá trình thi công xây dựng trên công trường, Chủ đầu tư được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu mà nhà thầu sử dụng cho công trình; kiểm tra, giám sát bảo đảm chất lượng các nội dung tại Khoản 7.1.

b) Nhà thầu phải có trách nhiệm phối hợp và bảo đảm cho việc thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động này cho người của Chủ đầu tư, Quản lý dự án và Tư vấn giám sát (Bao gồm các công việc ra/vào trạm trộn, truyền dữ liệu, hình ảnh; cung cấp phương tiện cho việc đi lại ở khu vực trên công trường, thiết bị an toàn; cung cấp các giấy phép/văn bản được cấp...ở khu vực Trạm trộn, trên công trường). Những hoạt động này không làm giảm nghĩa vụ và trách nhiệm của Nhà thầu.

c) Việc ngăn cản hoặc không thực hiện theo yêu cầu được quy định tại Khoản 7.1 và điểm a, b của Khoản này nhằm bảo đảm chất lượng công trình, bảo đảm môi trường, Chủ đầu tư sẽ xem xét xử lý theo quy định Điều 18 và Điều 21 của Hợp đồng.

7.3. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành:

a) Chủ đầu tư chỉ nghiệm thu các sản phẩm của hợp đồng đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định tại Khoản 7.1 Điều này.

b) Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của Hợp đồng là các hồ sơ thiết kế được phê duyệt (kể cả phần sửa đổi, bổ sung); thuyết minh kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ kết quả thí nghiệm; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao... Các công việc cần nghiệm thu là các công việc xây dựng trong quá trình thi công cấu thành các bộ phận, hạng mục công trình; nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình để đưa vào sử dụng. Đối với các giai đoạn chuyển bước thi công quan trọng của công trình, Chủ đầu tư sẽ tiến hành nghiệm thu hoặc nghiệm thu chuyển giai đoạn.

c) Đối với những công việc theo yêu cầu phải được nghiệm thu trước khi chuyển qua các công việc khác, Nhà thầu phải thông báo trước để nghiệm thu theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

d) Đối với các bộ phận bị che khuất của công trình phải được nghiệm thu theo đúng quy định hiện hành và bản vẽ hoàn công trước khi tiến hành các công việc tiếp theo.

e) Đối với các sản phẩm sai sót (chưa bảo đảm yêu cầu của hợp đồng) thì phải được sửa chữa, trường hợp không sửa chữa được thì phải loại bỏ. Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí liên quan đến sửa chữa, kiểm định lại và các chi phí khác liên quan đến việc khắc phục sai sót, cũng như tiến độ thực hiện hợp đồng.

f. Chủ đầu tư/QLDA/TVGS có quyền yêu cầu thí nghiệm đối chứng, kiểm định độc lập khi có nghi ngờ về chất lượng, hồ sơ không đầy đủ, kết quả không thống nhất, phát hiện khiếm khuyết hoặc trước các mốc nghiệm thu quan trọng. Nếu kết quả không đạt, hoặc nguyên nhân kiểm định phát sinh do lỗi/thiếu hồ sơ chứng minh của Nhà thầu, Nhà thầu chịu toàn bộ chi phí kiểm định, sửa chữa, làm lại và mọi chậm trễ liên quan.

g) Thành phần nhân sự tham gia nghiệm thu, bàn giao gồm: Chủ đầu tư, Nhà thầu thi công, Đơn vị quản lý điều hành dự án, Nhà thầu giám sát thi công xây dựng, Nhà thầu tư vấn thiết kế (khi Chủ đầu tư yêu cầu) và các thành phần khác (nếu có).

h) Hồ sơ nghiệm thu, bàn giao gồm: Hồ sơ hoàn công công trình theo quy định; Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng hoàn thành theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý thi công xây dựng công trình liên quan đến quản lý, kiểm tra, giám sát của Chủ đầu tư.

7.4. Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình

- Nghiệm thu chỉ được thực hiện đối với công việc đã hoàn thành, có đầy đủ hồ sơ chất lượng, hồ sơ thí nghiệm, nhật ký, bản vẽ hoàn công, biên bản nghiệm thu nội bộ của Nhà thầu và xác nhận của TVGS. Việc nghiệm thu, bàn giao, đưa vào khai thác sử dụng phải tuân thủ quy định pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Sau khi các công việc theo hợp đồng được hoàn thành, công trình chạy thử (nếu có) đáp ứng các điều kiện để nghiệm thu theo quy định tại Nghị định số 207/2026/NĐ-CP và yêu cầu của hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ tiến hành nghiệm thu công trình.

- Nhà thầu phải thực hiện hoàn thiện hồ sơ hoàn thành công trình, làm các thủ tục nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng theo mốc thời gian quy định. Trường hợp ngoài

thời gian quy định nêu trên, Nhà thầu phải thực hiện việc quản lý công trình tuân thủ Giấy phép thi công, theo các quy định của pháp luật bằng kinh phí của nhà thầu.

- Trường hợp công trình chưa đủ điều kiện để nghiệm thu, bàn giao; các bên xác định lý do và nêu cụ thể những công việc và thời hạn mà Nhà thầu phải làm để hoàn thành công trình.
- Việc kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của nhà nước.

7.5. Trách nhiệm của Nhà thầu đối với các sai sót

a) Bằng kinh phí của mình Nhà thầu phải hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong biên bản nghiệm thu, bàn giao trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư yêu cầu.

b) Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Chủ đầu tư có thể tự tiến hành thuê đơn vị khác thực hiện sửa chữa và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí (Nhà thầu không được kiến nghị về chi phí sửa chữa nếu không cung cấp được tài liệu chứng minh sự thiếu chính xác trong cách xác định chi phí sửa chữa của Chủ đầu tư). Trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo hợp đồng.

c) Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư không sử dụng được công trình hay phần lớn công trình cho mục đích đã định thì Chủ đầu tư sẽ chấm dứt hợp đồng; khi đó, Nhà thầu sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư theo hợp đồng và theo các quy định pháp luật.

d) Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa ngay trên công trường được và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu có thể chuyển khỏi công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.

e) Nếu Nhà thầu là Liên danh: Trường hợp thi công các hạng mục, kết cấu chịu lực liên quan tới nhau nhưng do các thành viên liên danh cùng thực hiện (như nền, móng mặt đường...), nếu hạng mục không đảm bảo chất lượng thuộc trách nhiệm thành viên liên danh nào thì thành viên đó phải chịu trách nhiệm khắc phục những hạng mục không đảm bảo chất lượng đó. Đồng thời các thành viên liên danh cùng có trách nhiệm phối hợp để khắc phục nhằm đảm bảo chất lượng tổng thể công trình, không làm ảnh hưởng đến tiến độ chung của gói thầu. Trường hợp có hạng mục không đảm bảo chất lượng mà không phân định được trách nhiệm giữa các thành viên liên danh, Chủ đầu tư sẽ thuê Tư vấn độc lập để kiểm định chất lượng, thí nghiệm đối chứng, đánh giá nguyên nhân và kết luận của Tư vấn độc lập là cơ sở để các thành viên liên danh xác định trách nhiệm phải khắc phục. Chi phí chi trả cho Tư vấn độc lập sẽ được khấu trừ qua kinh phí của Nhà thầu (theo tỷ lệ giữa các thành viên liên danh). Trong mọi trường hợp Nhà thầu không thực hiện đúng theo hợp đồng mà bị tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng, chi phí bảo hành, thì việc tịch thu sẽ thực hiện đối với tất cả các thành viên liên danh.

7.6. Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành

Sau khi đã cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao, mỗi bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện tại thời điểm đó. Hợp đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa được hoàn thành.

7.7. Nhà thầu phải thu dọn công trường, hoàn trả mặt bằng, xử lý vật liệu thừa, phế thải, hoàn thiện hồ sơ hoàn công trước khi đề nghị nghiệm thu hoàn thành.

Điều 8. Thời gian thực hiện hợp đồng, thời gian thực hiện gói thầu và tiến độ thực hiện

8.1. Thời gian thực hiện hợp đồng tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng, bao gồm nghĩa vụ bảo hành, quyết toán, thanh lý hoặc hợp đồng chấm dứt theo quy định Điều 18 của Hợp đồng.

8.2. Thời gian thực hiện gói thầu là: ...ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình, đưa vào khai thác sử dụng (không bao gồm thời gian thực hiện các thủ tục để bàn giao mặt bằng / khởi công theo thông báo của Chủ đầu tư; thời gian tạm dừng do nghỉ lễ theo quy định của nhà nước; tạm dừng thực hiện công việc do yêu cầu của chủ đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do nguyên nhân thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư; thời gian ảnh hưởng đến gói thầu do nguyên nhân rủi ro, bất khả kháng như thiên tai, mưa, bão, dịch bệnh,...và thời gian thực hiện công tác hoàn thiện hồ sơ hoàn thành⁵).

8.3. Tiến độ thực hiện:

a) Nhà thầu có trách nhiệm lập tiến độ chi tiết thực hiện hợp đồng trình Chủ đầu tư chấp thuận để làm căn cứ thực hiện:

- Trong vòng 05 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu phải trình tiến độ thi công chi tiết bằng sơ đồ ngang, biểu đồ huy động nhân lực, biểu đồ huy động thiết bị chính, kế hoạch cung cấp vật liệu, kế hoạch thí nghiệm, kế hoạch tổ chức giao thông và biện pháp bù tiến độ khi có thời tiết bất lợi.

- Tiến độ thi công chi tiết phải thể hiện rõ các hạng mục chính, các mũi thi công độc lập, quan hệ kỹ thuật giữa các công tác, nguồn lực tương ứng và các mốc tiến độ trọng yếu. Tiến độ sau khi được Chủ đầu tư chấp thuận là tiến độ cơ sở để kiểm soát, đánh giá chậm tiến độ và áp dụng chế tài.

- Sau khi đủ điều kiện để tổ chức bàn giao mặt bằng, Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu bằng văn bản và Nhà thầu có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao mặt bằng theo thông báo của Chủ đầu tư và khởi công công trình trong thời gian không quá 03 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công cho nhà thầu. Nếu Nhà thầu không tiếp nhận bàn giao mặt bằng hoặc không triển khai khởi công trong thời gian quy định nêu trên mà không có lý do chính đáng thì Chủ đầu tư sẽ xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định.

⁵ Thời gian thực hiện công tác hoàn thiện hồ sơ hoàn thành nộp cho Chủ đầu tư không quá 15 ngày

- Ít nhất là 02 ngày trước ngày khởi công, nếu có thay đổi về điều kiện và biểu đồ tiến độ thi công so với nội dung đã được Chủ đầu tư chấp thuận, Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư và các bên có liên quan (Điều hành dự án, Tư vấn giám sát,...) hồ sơ Biện pháp tổ chức thi công và bảng tiến độ thi công chi tiết phù hợp với tình hình thực tế của nhà thầu để các bên xem xét chấp thuận trước khi triển khai thực hiện.

b) Nhà thầu phải báo cáo tiến độ hằng ngày/tuần theo yêu cầu của Chủ đầu tư/TVGS. Báo cáo phải nêu rõ khối lượng thực hiện, nhân sự, thiết bị, vật liệu, tồn tại, nguy cơ chậm tiến độ và biện pháp khắc phục.

c) Trường hợp phát sinh nguyên nhân khách quan có thể ảnh hưởng tiến độ, Nhà thầu phải thông báo trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi phát sinh, kèm hồ sơ chứng minh và đề xuất biện pháp khắc phục. Quá thời hạn này, Nhà thầu được xem là từ bỏ quyền yêu cầu xem xét gia hạn đối với sự kiện đó, trừ trường hợp bất khả kháng rõ ràng.

e) Trường hợp gói thầu có hạng mục cào bóc tái sinh (CBTS), hoàn trả mặt đường bê tông nhựa (BTN):

- Chậm nhất sau 03 ngày kể từ ngày khởi công, Nhà thầu phải triển khai lấy mẫu hiện trường để thí nghiệm; chậm nhất sau 02 ngày kể từ ngày có kết quả thí nghiệm, Nhà thầu phải huy động thiết bị, nhân lực để triển khai thi công tại hiện trường. Hạng mục tái sinh phải đảm bảo yêu cầu chất lượng theo tiêu chuẩn tương ứng trong E-HSMT để có thể thi công ngay các lớp kết cấu phía trên và hoàn thiện.

- Đối với hạng mục CBTS: Nhà thầu phải chủ động phối hợp Tư vấn giám sát, Điều hành dự án và các bên liên quan tăng cường kiểm soát chất lượng ngay trong giai đoạn thực hiện thi công lớp vật liệu CBTS và lán nhũ tương nhựa đường a xít theo quy định để làm cơ sở nghiệm thu hạng mục CBTS ngay sau khi đủ điều kiện; công tác bàn giao hạng mục CBTS phải đảm bảo khối lượng tối thiểu 1.500 m² để bố trí một ca thảm hoàn trả mặt đường BTN trên lớp CBTS; trong vòng 48 giờ (trừ trường hợp bất khả kháng), Nhà thầu triển khai thi công hoàn trả mặt đường BTN. Trong điều kiện thời tiết bất lợi (trời mây mù, trời có thể có mưa ..), Nhà thầu phải thực hiện ngay một số biện pháp như: xẻ rãnh ngang để thoát nước, thi công hoàn trả bằng mặt đường cũ bằng vật liệu tạm....để ngăn ngừa, hạn chế hư hỏng lớp vật liệu CBTS sau khi thi công xong. Khi điều kiện thời tiết thuận lợi, thực hiện cào bóc bỏ, vệ sinh làm sạch lớp bề mặt lớp CBTS, tưới lớp nhũ tương và hoàn trả mặt đường BTN theo hồ sơ thiết kế.

- Trường hợp thi công hạng mục CBTS không bảo đảm theo tiến độ chi tiết, tổng thể và hợp đồng đã ký làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thi công hoàn trả mặt đường BTN và tiến độ chung của dự án, Quản lý dự án, Tư vấn giám sát theo dõi và ghi chép Nhật ký, báo cáo Chủ đầu tư sẽ xử lý theo quy định tại Điều 18 Hợp đồng.

- Đối với hạng mục thi công hoàn trả mặt đường BTN: Nhà thầu phải triển khai hoàn trả mặt đường BTN ngay sau khi lớp CBTS được nghiệm thu (khối lượng tối thiểu 1.500 m² để bố trí một ca thảm hỗn hợp BTN theo quy định là 48 giờ kể từ thời điểm thi công xong lớp CBTS). Chậm nhất 48 giờ khi lớp CBTS được nghiệm thu nếu không thảm hỗn hợp BTN mà hỏng lớp CBTS (do phương tiện lưu thông trên lớp CBTS hoặc bị ảnh hưởng của điều

kiện thời tiết mưa) thì Nhà thầu thi công hạng mục hỗn hợp BTN chịu trách nhiệm và đảm nhận khi phí sửa chữa lớp CBTS (trừ trường hợp bất khả kháng) và công tác tổ chức thực hiện đảm bảo giao thông trên đoạn tuyến sửa chữa CBTS. Ngoài ra, Nhà thầu vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 21.4 Điều 21 Hợp đồng.

8.5. Điều chỉnh tiến độ:

a) Tiến độ và thời gian thực hiện gói thầu được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- Do ảnh hưởng của thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, dịch bệnh, do điều kiện thời tiết như mưa, bão... hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng không thể triển khai thi công đảm bảo chất lượng công trình hoặc các sự kiện bất khả kháng khác. Chủ đầu tư và Nhà thầu đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp. Đối với việc kéo dài thời gian thực hiện để bù lại những ngày không thể thi công do thời tiết mưa, bão thì phải trừ những ngày nhà thầu không thi công mà không có lý do chính đáng⁶.
- Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của bên giao thầu làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;
- Do việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên giao thầu, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng mà không do lỗi của bên nhận thầu gây ra;
- Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của bên giao thầu gây ra;
- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì cần thực hiện các công việc sau:
 - + Bên giao thầu, Bên nhận thầu căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.
 - + Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Bên giao thầu, Bên nhận thầu căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.
- Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư.

b) Thẩm quyền quyết định việc điều chỉnh tiến độ hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP, Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự

⁶ Ví dụ: Tiến độ thực hiện hợp đồng là 120 ngày; thời gian mưa, bão không thể thi công là 45 ngày; thời gian nhà thầu dừng, không thi công là 30 ngày thì chỉ được kéo dài với khoảng thời gian 15 ngày (45-30)

kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

8.6. Khắc phục tiến độ chậm trễ:

Khi tiến độ thi công thực tế bị chậm hơn so với tiến độ thi công được duyệt (hoặc được điều chỉnh) của công việc nào đó mà không phải do những nguyên nhân đã nêu tại khoản 8.5 Điều này, Chủ đầu tư sẽ yêu cầu Nhà thầu trình một bảng tiến độ thi công sửa đổi để chấp thuận làm cơ sở cho nhà thầu thực hiện nhằm bảo đảm hoàn thành hợp đồng trong thời gian yêu cầu.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán và kiểm soát dòng tiền

9.1. Giá hợp đồng: ... đồng (bao gồm thuế VAT 8% và chi phí dự phòng cho gói thầu)

(Bằng chữ: ... ngàn đồng)

- Chi phí xây dựng và ĐBGT : đồng
- Chi phí dự phòng : ... đồng.

Trong đó:

+ Thành viên đứng đầu Liên danh: Công ty ... thực hiện hợp đồng với giá trị: .. đồng (Bằng chữ: .. ngàn đồng). Trong đó:

+ Thành viên thứ hai trong Liên danh: Công ty .. thực hiện hợp đồng với giá trị: ... đồng (Bằng chữ: .. ngàn đồng).

+ Nhà thầu phụ (nếu có): Công ty .. thực hiện hợp đồng với giá trị: ... đồng (Bằng chữ: .. ngàn đồng).

- Chi phí dự phòng cho gói thầu chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng, được Chủ đầu tư phê duyệt và ký kết phụ lục hợp đồng làm cơ sở triển khai thực hiện.

- Chi tiết giá hợp đồng được nêu trong Phụ lục: Biểu giá hợp đồng.

9.2. Loại hợp đồng: Hợp đồng đơn giá điều chỉnh.

9.3. Tạm ứng hợp đồng:

a) Tạm ứng hợp đồng: Sẽ được thực hiện như sau (trừ trường hợp nhà thầu không thực hiện đề nghị tạm ứng):

- Sau khi ký kết Hợp đồng, Nhà thầu có văn bản đề nghị tạm ứng hợp đồng; trong đó, Nhà thầu nêu rõ mục đích sử dụng tiền tạm ứng, bao gồm: khối lượng, chủng loại vật liệu, nhân công và máy móc thiết bị cần thiết (nếu có) kèm theo bảo lãnh tạm ứng hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho nhà thầu không quá 30% giá trị hợp đồng, không bao gồm dự phòng gói thầu và các khoản tạm tính (nếu có), tương ứng với giá trị: ... đồng (Bằng chữ: ... ngàn đồng). Trường hợp Chủ đầu tư tạm ứng trực tiếp cho Nhà thầu phụ thì Nhà thầu chính phải có văn bản đề nghị và Nhà thầu phụ thực hiện thủ tục đề nghị tạm ứng theo quy định tại Điều này.

Trong đó:

+ Thành viên đứng đầu Liên danh: Công ty .. được tạm ứng hợp đồng tương ứng với số tiền: .. đồng (Bằng chữ: ... ngàn đồng).

+ Thành viên thứ hai trong Liên danh: Công ty .. được tạm ứng hợp đồng tương ứng với số tiền: .. đồng (Bằng chữ: ..ngàn đồng).

- Số lần tạm ứng: không quá 02 lần.

+ Lần 1: Tạm ứng không vượt quá 10% giá trị Hợp đồng (không bao gồm dự phòng gói thầu và các khoản tạm tính) sau khi hợp đồng có hiệu lực và Chủ đầu tư đã nhận được Bảo lãnh tạm ứng;

+ Lần 2: Tạm ứng không vượt quá 20% giá trị Hợp đồng (không bao gồm dự phòng gói thầu và các khoản tạm tính), sau khi Nhà thầu đã huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chính, phòng thí nghiệm, trạm trộn, nguồn vật liệu, trình biện pháp tổ chức thi công và được TVGS/Chủ đầu tư xác nhận đủ điều kiện triển khai.

b) Hồ sơ tạm ứng hợp đồng: Gồm văn bản đề nghị tạm ứng của nhà thầu (nêu rõ mục đích sử dụng, loại, khối lượng các loại vật tư), bảo lãnh tạm ứng do Ngân hàng hoặc Tổ chức tín dụng cấp.

c) Nhà thầu phải sử dụng tiền tạm ứng theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP. Tiền tạm ứng chỉ được sử dụng cho việc trả lương cho người lao động, mua hoặc huy động thiết bị, nhà xưởng, vật tư và các chi phí huy động cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng. Nghiêm cấm việc tạm ứng mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích của hợp đồng xây dựng đã ký.

d) Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được tiền tạm ứng mà nhà thầu không cung cấp hồ sơ, tài liệu chứng minh đã huy động nhân sự, máy móc thiết bị, phòng thí nghiệm, trình chấp thuận nguồn vật liệu chính phù hợp với tiến độ đảm bảo đủ điều kiện triển khai thi công (có xác nhận của TVGS) và trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được tiền tạm ứng mà nhà thầu không cung cấp các chứng từ hợp lệ về việc sử dụng tiền tạm ứng đúng mục đích được nêu trong văn bản đề nghị tạm ứng cho Chủ đầu tư (qua bộ phận Tài chính thuộc phòng Kế hoạch Tài chính) thì Chủ đầu tư sẽ thu hồi tạm ứng theo quy định.

c) Trong mọi trường hợp, khi việc tạm ứng/thanh toán bị chậm do kế hoạch vốn ngân sách hoặc thủ tục không do lỗi Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm bố trí vốn tự có/huy động hợp pháp để triển khai thi công để đảm bảo tiến độ theo Hợp đồng và Nhà thầu không được tính lãi hoặc yêu cầu bồi thường trong trường hợp này nếu không có thỏa thuận khác trong Hợp đồng. Trường hợp Nhà thầu không triển khai thực hiện Hợp đồng thì sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định của Hợp đồng.

9.4. Thu hồi tạm ứng:

a) Thu hồi tạm ứng bắt đầu từ lần thanh toán đầu tiên và tiếp tục qua các kỳ thanh toán đến khi thu hồi hết. Số tiền tạm ứng sẽ được Chủ đầu tư thu hồi dần trong các lần thanh toán. Việc thu hồi tiền tạm ứng được bắt đầu ngay khi thanh toán lần đầu nhưng không ít hơn 30% giá trị của đợt thanh toán; tiền tạm ứng được thu hồi hết khi giá trị giải ngân (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt tối đa 80% giá trị hợp đồng hoặc không muộn hơn ngày 31/12 của năm tạm ứng, tùy theo thời điểm nào đến trước. Mức thu hồi tạm ứng tại các lần thanh toán phụ thuộc vào giá trị khối lượng thực hiện của lần thanh toán đó.

b) Trường hợp Nhà thầu chậm tiến độ, sử dụng tạm ứng sai mục đích, vi phạm nghĩa vụ huy động nguồn lực hoặc có nguy cơ ảnh hưởng quyết toán ngân sách năm, Chủ đầu tư có quyền khấu trừ tỷ lệ thu hồi cao hơn hoặc thu hồi ngay toàn bộ số tạm ứng còn lại.

c) Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt hợp đồng theo Điều 18 [Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng], hoặc Điều 20 [Rủi ro và bất khả kháng] (tùy từng trường hợp), khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư.

9.5. Thanh toán:

a) Nhà thầu lập hồ sơ thanh toán theo kỳ/tháng hoặc theo giai đoạn được nghiệm thu, bao gồm: biên bản nghiệm thu, bảng xác nhận khối lượng, hồ sơ chất lượng, thí nghiệm, hóa đơn/chứng từ, bảng tính điều chỉnh giá nếu có và các tài liệu khác theo yêu cầu.

b) Khi đến kỳ thanh toán chưa đủ dữ liệu điều chỉnh đơn giá/giá hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm thanh toán theo đơn giá hợp đồng đối với khối lượng đủ điều kiện nghiệm thu; phần điều chỉnh sẽ được xác định, bù trừ ở kỳ thanh toán sau hoặc khi quyết toán theo Điều 10.

c) Chủ đầu tư có quyền tạm dừng hoặc khấu trừ thanh toán đối với phần nghĩa vụ Nhà thầu chưa hoàn thành, bao gồm: chậm tiến độ; thiếu hồ sơ nghiệm thu/chất lượng/thí nghiệm/hoàn công; chưa khắc phục lỗi chất lượng; vi phạm ATGT, ATLĐ, VSMT, PCCC; chưa hoàn trả tạm ứng; chưa cung cấp hồ sơ phục vụ thanh tra, kiểm toán, quyết toán; hoặc có nguy cơ gây thiệt hại cho Chủ đầu tư.

d) Mọi giá trị bị xuất toán, giảm trừ theo kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán thuộc trách nhiệm hoàn trả của Nhà thầu nếu liên quan đến khối lượng, đơn giá, chất lượng, hồ sơ do Nhà thầu thực hiện. Chủ đầu tư được khấu trừ vào khoản thanh toán, bảo lãnh, bảo hành hoặc yêu cầu Nhà thầu hoàn trả.

e) Giá thanh toán được xác định trên cơ sở khối lượng thực tế được nghiệm thu, đơn giá hợp đồng, các điều chỉnh được chấp thuận theo Điều 10 và các khoản giảm trừ/khấu trừ/phạt vi phạm nếu có.

f) Số lần thanh toán: không quá 04 lần trong quá trình thực hiện hợp đồng cho nhà thầu hoặc cho từng thành viên liên danh.

g) Tiền giữ lại chờ kết quả kiểm toán độc lập và chờ phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (QTDAHT):

- Khi thanh toán hợp đồng lần cuối cùng, Chủ đầu tư được quyền giữ lại 2% giá trị hợp đồng (không bao gồm dự phòng gói thầu) cho đến khi có kết quả kiểm toán của Kiểm toán độc lập và có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (QTDAHT) của cấp có thẩm quyền. Chủ đầu tư sẽ thanh toán số tiền giữ lại này cho Nhà thầu sau khi trừ giá trị bị xuất toán theo quyết định phê duyệt QTDAHT của cấp có thẩm quyền;

- Tiền giữ lại chờ kết quả kiểm toán độc lập và chờ phê duyệt QTDAHT được gửi vào Tài khoản tiền gửi số 3751.0.111934900000 của Khu Quản lý đường bộ III tại Kho bạc nhà nước khu vực XIII - Phòng Kế toán nhà nước.

- Trường hợp giá trị bị xuất toán ở bước kiểm toán độc lập hoặc bước thẩm tra, phê duyệt QTTAHT lớn hơn giá trị Chủ đầu tư giữ lại tương ứng thì Nhà thầu phải chuyển trả cho Chủ đầu tư toàn bộ số chênh lệch giữa giá trị bị xuất toán với giá trị giữ lại theo quy định tại văn bản yêu cầu chuyển trả tiền của Chủ đầu tư.

9.7. Đồng tiền và hình thức thanh toán:

a) Đồng tiền thanh toán : Bảng đồng tiền Việt Nam (VNĐ).

b) Hình thức thanh toán : Chuyển khoản.

9.8. Hồ sơ thanh toán: Thực hiện theo quy định của tại khoản Điều 29 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP, Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công.

- Hồ sơ thanh toán: 08 bộ;

- Hồ sơ thanh toán bao gồm các tài liệu chủ yếu sau:

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Bên A hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện Bên B (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng);

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán;

+ Giấy đề nghị thanh toán của nhà thầu bao gồm: Giá trị hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này.

+ Hoá đơn Giá trị gia tăng theo giá trị được nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành lên phiếu giá.

Điều 10. Điều chỉnh khối lượng công việc, đơn giá và giá hợp đồng xây dựng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh; phương pháp điều chỉnh giá là bù trừ trực tiếp

10.1. Việc điều chỉnh khối lượng, công việc hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP; việc điều chỉnh đơn giá, giá hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP

10.2. Loại hợp đồng và nguyên tắc chung về điều chỉnh giá hợp đồng

a) Hợp đồng này là hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh. Việc điều chỉnh giá hợp đồng được thực hiện trên cơ sở khối lượng thực tế được nghiệm thu, đơn giá hợp đồng, đơn giá điều chỉnh, các thỏa thuận trong hợp đồng, E-HSMT, E-HSDT được chấp thuận và quy định pháp luật về hợp đồng xây dựng.

b) Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng áp dụng cho hợp đồng này là phương pháp bù trừ trực tiếp đối với các yếu tố chi phí được phép điều chỉnh theo quy định tại Điều này.

c) Việc điều chỉnh giá hợp đồng chỉ được thực hiện trong thời gian thực hiện hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn hợp pháp theo thỏa thuận của hợp đồng và được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản.

d) Trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng bị kéo dài do lỗi của Nhà thầu thì không điều chỉnh tăng giá đối với khối lượng thực hiện trong thời gian chậm do lỗi của Nhà thầu. Trường

hợp giá tại thời điểm thực tế thi công thấp hơn giá tại thời điểm phải thi công theo tiến độ được Chủ đầu tư chấp thuận thì áp dụng giá thấp hơn để giảm trừ.

e) Thẩm quyền quyết định điều chỉnh Giá hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

f) Mọi điều chỉnh khối lượng, đơn giá, giá hợp đồng phải có hồ sơ xác nhận của Nhà thầu, Tư vấn giám sát, Quản lý dự án và Chủ đầu tư. Trường hợp pháp luật hoặc hợp đồng yêu cầu phải phê duyệt hoặc ký phụ lục hợp đồng thì chỉ được thanh toán, quyết toán sau khi hoàn tất thủ tục theo quy định.

g) Nhà thầu có trách nhiệm chứng minh đầy đủ điều kiện được điều chỉnh giá. Trường hợp hồ sơ điều chỉnh giá không đầy đủ, không hợp lệ, không nhất quán, không được Tư vấn giám sát/Quản lý dự án xác nhận hoặc không đáp ứng điều kiện của hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền chưa xem xét điều chỉnh hoặc xác định giá trị điều chỉnh theo hồ sơ quản lý hiện có, bảo đảm nguyên tắc thận trọng, minh bạch và có lợi cho ngân sách nhà nước trong phạm vi pháp luật cho phép.

h) Trường hợp trong E-HSĐT, đơn dự thầu, thư giảm giá hoặc tài liệu giảm giá hợp lệ của Nhà thầu có tỷ lệ giảm giá so với giá dự thầu ban đầu hoặc so với giá gói thầu được duyệt thì mọi giá trị điều chỉnh tăng, giá trị bù trừ chênh lệch giá tăng, đơn giá phát sinh tăng và giá trị phát sinh tăng được thanh toán cho Nhà thầu phải tiếp tục được giảm trừ theo tỷ lệ giảm giá tương ứng, trừ trường hợp E-HSMT, hợp đồng hoặc văn bản chấp thuận của Chủ đầu tư quy định rõ phạm vi giảm giá không áp dụng cho nội dung đó.

i) Tỷ lệ giảm giá được áp dụng sau khi tính toán giá trị điều chỉnh/bù trừ là tỷ lệ giảm giá hợp lệ của Nhà thầu trong quá trình dự thầu, bao gồm tỷ lệ giảm giá theo thư giảm giá, đơn dự thầu, biên bản thương thảo/hoàn thiện hợp đồng hoặc tài liệu giảm giá hợp lệ khác được Chủ đầu tư chấp thuận. Trường hợp có nhiều tỷ lệ giảm giá hoặc nhiều cách xác định tỷ lệ giảm giá, áp dụng tỷ lệ hoặc phương pháp xác định có lợi hơn cho ngân sách nhà nước trong phạm vi pháp luật cho phép.

10.3. Các trường hợp được điều chỉnh hợp đồng

Hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Khi Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng và thuộc trường hợp được điều chỉnh theo quy định pháp luật.

b) Khi dự án, thiết kế, phạm vi công việc, giải pháp kỹ thuật hoặc khối lượng công việc được cấp có thẩm quyền điều chỉnh, làm phát sinh tăng hoặc giảm khối lượng so với hợp đồng đã ký.

c) Trường hợp phát sinh khối lượng công việc bổ sung hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng đã ký, đã được Chủ đầu tư hoặc cấp có thẩm quyền chấp thuận theo quy định.

d) Trường hợp bất khả kháng theo quy định của hợp đồng và pháp luật, được Chủ đầu tư hoặc cấp có thẩm quyền xác nhận, làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng.

e) Các trường hợp khác do văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định bắt buộc áp dụng, làm thay đổi trực tiếp chi phí thực hiện phần công việc còn lại của hợp đồng.

f) Không coi là căn cứ điều chỉnh giá hoặc gia hạn tiến độ đối với các nguyên nhân chủ quan của Nhà thầu, bao gồm nhưng không giới hạn: thiếu vốn, thiếu nhân sự, thiếu thiết bị, thiết bị hỏng, chậm huy động vật liệu, chậm nhà cung cấp, chậm nhà thầu phụ, trạm trộn không đáp ứng, phòng thí nghiệm không đáp ứng, tổ chức thi công yếu kém, khảo sát hiện trường không đầy đủ hoặc thi công chậm do lỗi của Nhà thầu.

10.4. Các trường hợp không được điều chỉnh giá hợp đồng

Không điều chỉnh giá hợp đồng đối với các trường hợp sau:

- a) Khối lượng thực hiện chậm do lỗi của Nhà thầu.
- b) Khối lượng phát sinh tăng do lỗi chủ quan của Nhà thầu, lỗi biện pháp thi công, lỗi tổ chức thi công, lỗi khảo sát hiện trường, lỗi huy động nhân sự, thiết bị, vật liệu, nhà thầu phụ, trạm trộn hoặc phòng thí nghiệm của Nhà thầu.
- c) Khối lượng phải phá dỡ, làm lại, sửa chữa, khắc phục do không bảo đảm chất lượng hoặc do lỗi của Nhà thầu.
- d) Khối lượng tự ý thực hiện khi chưa có lệnh bằng văn bản của Chủ đầu tư hoặc chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt/chấp thuận theo quy định.
- e) Phần vật liệu, nhiên liệu, cấu kiện, hàng hóa đã được Nhà thầu kê khai, cam kết hoặc thống nhất sử dụng tiền tạm ứng hợp đồng để mua, tích trữ hoặc thanh toán cho nhà cung cấp.
- f) Phần chi phí đã được bảo hiểm, bên thứ ba hoặc nguồn kinh phí khác bồi thường, chi trả hoặc cam kết chi trả.
- g) Chi phí tăng thêm do Nhà thầu thay đổi nguồn vật liệu, vị trí trạm trộn, cự ly vận chuyển, bãi đổ thải, biện pháp thi công, thiết bị thi công khi chưa được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản.
- h) Các yếu tố chi phí không thuộc danh mục được phép điều chỉnh theo hợp đồng.

10.5. Điều kiện chung để được điều chỉnh giá

Việc điều chỉnh giá hợp đồng chỉ được xem xét khi đồng thời đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- a) Khối lượng đề nghị điều chỉnh là khối lượng thực tế đã thi công, được nghiệm thu hợp lệ, phù hợp hồ sơ thiết kế, E-HSMT, E-HSDT, hợp đồng và tiến độ được Chủ đầu tư chấp thuận.
- b) Khối lượng đề nghị điều chỉnh không thuộc các trường hợp không được điều chỉnh quy định tại khoản 10.3 Điều này.
- c) Có bảng phân khai khối lượng theo tháng/kỳ thanh toán, phù hợp với nhật ký thi công, nhật ký giám sát, biên bản nghiệm thu và hồ sơ thanh toán.
- d) Có đầy đủ hồ sơ xác nhận của Nhà thầu, Tư vấn giám sát, Quản lý dự án và Chủ đầu tư.
- e) Có đầy đủ chứng từ hợp lệ về giá, hóa đơn, hợp đồng mua bán, báo giá, nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng vật liệu, nhiên liệu, cấu kiện, thiết bị theo yêu cầu của hợp đồng.
- f) Yếu tố chi phí đề nghị điều chỉnh thuộc danh mục được phép điều chỉnh giá theo hợp đồng.

g) Việc điều chỉnh không làm thay đổi bản chất của gói thầu, không làm phát sinh chuyển nhượng thầu, không làm hợp thức hóa khối lượng, vật liệu, thiết bị, nhà thầu phụ, biện pháp thi công chưa được chấp thuận.

h) Trường hợp Nhà thầu không lập hoặc không được xác nhận bằng phân khai khối lượng theo tháng/kỳ thanh toán thì Chủ đầu tư có quyền áp dụng thời điểm giá bất lợi hơn cho Nhà thầu trong phạm vi pháp luật cho phép.

i) Sau khi xác định giá trị điều chỉnh tăng hoặc giá trị bù trừ chênh lệch giá tăng theo các điều kiện nêu trên, Chủ đầu tư tiếp tục áp dụng tỷ lệ giảm giá dự thầu/thư giảm giá hợp lệ của Nhà thầu (nếu có), để xác định giá trị được thanh toán cuối cùng.

10.6. Điều chỉnh giá hợp đồng thông qua điều chỉnh khối lượng

a) Khối lượng thanh toán, điều chỉnh là khối lượng thực tế được nghiệm thu, phù hợp hồ sơ thiết kế được duyệt, hồ sơ thiết kế điều chỉnh/bổ sung được duyệt, chỉ dẫn kỹ thuật, E-HSMT, E-HSDT và hợp đồng.

b) Trường hợp khối lượng hạng mục công việc ghi trong Bảng giá hợp đồng giảm thì Chủ đầu tư chỉ thanh toán theo khối lượng thực tế được nghiệm thu. Nhà thầu không được yêu cầu bồi thường lợi nhuận, chi phí chung, chi phí gián tiếp hoặc bất kỳ khoản chi phí nào cho phần khối lượng không thực hiện, trừ trường hợp pháp luật hoặc hợp đồng có quy định khác.

c) Trường hợp khối lượng hạng mục công việc ghi trong Bảng giá hợp đồng tăng nhỏ hơn hoặc bằng 20% khối lượng công việc tương ứng trong hợp đồng thì áp dụng đơn giá trúng thầu trong Bảng giá hợp đồng cho phần khối lượng tăng hoặc giảm, kể cả đơn giá đã được điều chỉnh theo thỏa thuận của hợp đồng nếu có.

d) Trường hợp khối lượng hạng mục công việc ghi trong Bảng giá hợp đồng tăng lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng trong hợp đồng thì phần khối lượng tăng vượt 20% được áp dụng đơn giá thấp hơn giữa:

- Đơn giá trúng thầu trong Bảng giá hợp đồng đã ký, kể cả đơn giá đã được điều chỉnh theo thỏa thuận của hợp đồng nếu có;

- Đơn giá lập mới cho hạng mục công việc tương ứng; ưu tiên áp dụng giá vật liệu, nhân công, ca máy trong phân tích đơn giá chi tiết của E-HSDT nếu có.

e) Trường hợp khối lượng phát sinh tăng chưa có đơn giá trong Bảng giá hợp đồng thì đơn giá mới được lập trên cơ sở định mức, đơn giá, giá vật liệu, nhân công, máy thi công, chế độ chính sách và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm điều chỉnh; ưu tiên áp dụng giá vật liệu, nhân công, ca máy trong phân tích đơn giá chi tiết của E-HSDT nếu có.

f) Trường hợp E-HSDT không có phân tích đơn giá chi tiết, đơn giá lập mới được xác định theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại thời điểm điều chỉnh và phải được giảm theo tỷ lệ lớn hơn giữa:

- Tỷ lệ tiết kiệm qua đấu thầu;

- Tỷ lệ giảm giá trong đơn dự thầu hoặc thư giảm giá hợp lệ của Nhà thầu nếu có.

g) Tỷ lệ tiết kiệm qua đấu thầu là tỷ lệ chênh lệch giữa giá gói thầu được duyệt và giá trúng thầu so với giá gói thầu được duyệt. Tỷ lệ giảm giá là tỷ lệ giảm giá theo đơn dự thầu, thư giảm giá hoặc tài liệu giảm giá hợp lệ của Nhà thầu.

h) Đối với các đơn giá lập mới của khối lượng phát sinh tăng, Chủ đầu tư tiếp tục áp dụng tỷ lệ giảm giá trong đơn dự thầu, thư giảm giá hoặc tài liệu giảm giá hợp lệ của Nhà thầu, nếu có, để giảm trừ giá trị điều chỉnh tăng hoặc giá trị bù trừ tang để áp dụng xác định giá trị thanh toán/quyết toán.

i) Trường hợp thư giảm giá hoặc tài liệu giảm giá của Nhà thầu không nêu rõ phạm vi áp dụng thì được hiểu là tỷ lệ giảm giá áp dụng cho toàn bộ giá trị hợp đồng, bao gồm cả giá trị phát sinh tăng, giá trị điều chỉnh tăng và giá trị bù trừ tăng, trừ trường hợp Chủ đầu tư có văn bản chấp thuận khác.

k) Mọi khối lượng phát sinh chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận/lệnh thực hiện của Chủ đầu tư hoặc cấp có thẩm quyền theo quy định. Khối lượng tự ý thực hiện khi chưa được chấp thuận không được nghiệm thu, thanh toán, quyết toán.

l) Trường hợp khẩn cấp để bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình, phòng ngừa sự cố hoặc xử lý sự cố ảnh hưởng đến khai thác đường bộ, Nhà thầu chỉ được thực hiện theo lệnh bằng văn bản của Chủ đầu tư, Quản lý dự án hoặc Tư vấn giám sát; hồ sơ xác nhận khối lượng, nguyên nhân, đơn giá và trách nhiệm chi phí phải được hoàn thiện ngay sau khi xử lý.

10.7. Điều chỉnh giá hợp đồng thông qua điều chỉnh đơn giá theo phương pháp bù trừ trực tiếp

10.7.1. Danh mục nguyên, nhiên, vật liệu được bù trừ chênh lệch giá

a) Danh mục nguyên, nhiên, vật liệu được xem xét bù trừ chênh lệch giá gồm: Nhựa đường; Nhũ tương nhựa đường các loại; Đá các loại; Thép; Xi măng; Xăng; Dầu diesel; Dầu mazut; Dầu bảo ôn; Dầu hỏa.

b) Không được tính trùng chênh lệch nhiên liệu trong giá ca máy và chênh lệch nhiên liệu như vật liệu trực tiếp. Một yếu tố chi phí chỉ được điều chỉnh một lần theo một cơ chế.

c) Không xem xét bù trừ đối với vật liệu, nhiên liệu, cấu kiện, hàng hóa không thuộc danh mục được phép điều chỉnh hoặc không có đủ hồ sơ chứng minh hợp lệ.

10.7.2. Điều kiện được bù trừ chênh lệch giá nguyên, nhiên, vật liệu

Việc bù trừ chênh lệch giá nguyên, nhiên, vật liệu chỉ được xem xét khi đồng thời đáp ứng các điều kiện sau:

a) Nguyên, nhiên, vật liệu thuộc danh mục được phép điều chỉnh giá.

b) Có mức chênh lệch giá khi so sánh trên cùng mặt bằng về quy cách, tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, thuế, phí, cự ly, địa điểm giao nhận và điều kiện thương mại.

c) Đối với trường hợp tăng giá: chỉ xem xét bù tăng khi giá tại thời điểm thi công tăng từ 5% trở lên so với giá gốc được xác định theo hợp đồng.

d) Đối với trường hợp giảm giá: Chủ đầu tư được quyền điều chỉnh giảm tương ứng khi giá tại thời điểm thi công giảm so với giá gốc, không phụ thuộc ngưỡng 5%, trừ trường hợp E-HSMT hoặc hợp đồng có quy định khác.

e) Có bảng phân khai khối lượng thi công theo từng tháng/kỳ thanh toán, được Nhà thầu, Tư vấn giám sát, Quản lý dự án xác nhận và phù hợp với nhật ký thi công, nhật ký giám sát, biên bản nghiệm thu.

f) Không thuộc khối lượng vật liệu, nhiên liệu được Nhà thầu kê khai, cam kết hoặc thống nhất sử dụng tiền tạm ứng hợp đồng để mua, tích trữ hoặc thanh toán cho nhà cung cấp.

g) Không thuộc khối lượng thực hiện chậm do lỗi Nhà thầu; khối lượng phải phá dỡ/làm lại; khối lượng thi công bằng vật liệu, thiết bị, trạm trộn, phòng thí nghiệm, biện pháp thi công chưa được chấp thuận; hoặc khối lượng phát sinh do lỗi tổ chức thi công của Nhà thầu.

h) Sau khi xác định giá trị bù trừ chênh lệch giá tăng, giá trị được xem xét thanh toán phải được giảm trừ tiếp theo tỷ lệ giảm giá dự thầu/thư giảm giá hợp lệ của Nhà thầu, nếu có. Trường hợp bù trừ dẫn đến giảm giá thì Chủ đầu tư được giảm trừ toàn bộ giá trị giảm, không áp dụng cơ chế giảm nhẹ theo tỷ lệ giảm giá của Nhà thầu.

10.7.3. Xác định giá tại thời điểm thi công và giá gốc để so sánh

a) Giá nguyên, nhiên, vật liệu tại thời điểm thi công/nghiệm thu được xác định trên cơ sở hồ sơ hợp đồng, công bố/thông báo giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, báo giá, hóa đơn, chứng từ hợp lệ hoặc các nguồn giá hợp pháp khác phù hợp với điều kiện cung ứng thực tế, bảo đảm khách quan, minh bạch và tuân thủ quy định pháp luật.

b) Giá tại thời điểm thi công/nghiệm thu được xác định bằng mức giá thấp nhất trong các nguồn giá hợp lệ sau:

- Công bố giá/thông báo giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương hoặc khu vực phù hợp;
- Báo giá của nhà cung cấp hợp lệ;
- Hợp đồng mua bán nguyên, nhiên, vật liệu;
- Hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán và thuế;
- Nguồn giá hợp pháp khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

c) Không sử dụng bảng kê hoặc chứng từ viết tay làm nguồn giá chính để xác định giá bù trừ, trừ trường hợp vật liệu địa phương, vật liệu đặc thù không có hóa đơn/chứng từ thương mại phù hợp; khi đó phải có xác nhận của Tư vấn giám sát, Quản lý dự án, Chủ đầu tư và phải đáp ứng quy định pháp luật về tài chính, kế toán, thuế nếu đưa vào thanh toán, quyết toán.

d) Đối với khối lượng thực hiện chậm do lỗi của Nhà thầu, nếu giá tại thời điểm thực tế thi công cao hơn giá tại thời điểm phải thi công theo tiến độ được Chủ đầu tư chấp thuận thì không được tính phần tăng; nếu giá tại thời điểm thực tế thi công thấp hơn thì áp dụng giá thấp hơn để giảm trừ.

e) Giá gốc để so sánh tính chênh lệch giá là giá tương ứng với từng loại nguyên, nhiên, vật liệu hoặc yếu tố chi phí được phép điều chỉnh theo Hợp đồng, được xác định trong khoảng

thời gian 28 ngày trước ngày đóng thầu, phù hợp với E-HSMT, E-HSDT, dự toán gói thầu được duyệt và hồ sơ hợp đồng.

f) Trường hợp có nhiều nguồn giá gốc hợp lệ cho cùng một loại nguyên, nhiên, vật liệu hoặc yếu tố chi phí được phép điều chỉnh, giá gốc để so sánh được chọn là mức giá cao nhất trong các nguồn sau đây:

- Giá tương ứng trong Bảng giá hợp đồng, đơn giá trúng thầu hoặc phân tích đơn giá chi tiết kèm theo E-HSDT, nếu có;
- Giá theo công bố giá, thông báo giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong khoảng thời gian 28 ngày trước ngày đóng thầu;
- Giá trong dự toán gói thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đối với các loại vật liệu, nhiên liệu, máy thi công hoặc yếu tố chi phí được phép điều chỉnh nhưng không có trong công bố giá hoặc thông báo giá.

g) Việc lựa chọn giá gốc theo nguyên tắc nêu trên phải bảo đảm cùng mặt bằng so sánh về quy cách, chủng loại, tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, thuế, phí, cự ly, địa điểm giao nhận và điều kiện thương mại. Trường hợp có sự khác biệt về mặt bằng so sánh thì phải quy đổi về cùng mặt bằng trước khi xác định chênh lệch giá.

h) Đối với chi phí nhân công, chỉ xác định giá gốc để so sánh trong trường hợp E-HSMT, Hợp đồng hoặc văn bản pháp luật bắt buộc cho phép điều chỉnh chi phí nhân công. Trường hợp Hợp đồng quy định không điều chỉnh chi phí nhân công thì Nhà thầu không được yêu cầu bù trừ chi phí nhân công.

10.7.4. Công thức tính bù trừ chênh lệch giá nguyên, nhiên, vật liệu

Giá trị bù trừ chênh lệch giá nguyên, nhiên, vật liệu của gói thầu trước khi giảm trừ theo tỷ lệ giảm giá của Nhà thầu, nếu có, được xác định như sau:

$$CLVL = \sum CLVLi$$

Trong đó:

CLVL là giá trị bù trừ chênh lệch giá nguyên, nhiên, vật liệu của gói thầu trước khi áp dụng tỷ lệ giảm giá của Nhà thầu;

CLVLi là giá trị bù trừ chênh lệch giá nguyên, nhiên, vật liệu trong tháng/kỳ thanh toán thứ i.

Giá trị bù trừ chênh lệch giá nguyên, nhiên, vật liệu trong tháng/kỳ thanh toán thứ i được xác định như sau:

$$CLVLi = \sum CLVLj$$

Trong đó:

CLVLj là giá trị bù trừ chênh lệch giá của loại nguyên, nhiên, vật liệu thứ j được sử dụng để thi công trong tháng/kỳ thanh toán thứ i.

Giá trị bù trừ chênh lệch giá của loại nguyên, nhiên, vật liệu thứ j được sử dụng để thi công trong tháng/kỳ thanh toán thứ i được xác định như sau:

$$CLVLj = \sum Qjk \times CLĐGVlj$$

Trong đó:

Q_{jk} là khối lượng của loại nguyên, nhiên, vật liệu thứ j thuộc hạng mục công việc thứ k thực tế thi công, được nghiệm thu trong tháng/kỳ thanh toán thứ i ;

$CL_{\Delta GVLj}$ là chênh lệch giá của loại nguyên, nhiên, vật liệu thứ j tại thời điểm thi công/nghiệm thu so với giá gốc theo hợp đồng.

Q_{jk} không được vượt quá hao phí vật liệu theo định mức, thiết kế, phân tích đơn giá dự thầu/hợp đồng và khối lượng nghiệm thu hợp lệ. Hao hụt, lãng phí, thi công sai, làm lại, sửa chữa do lỗi Nhà thầu không được tính bù.

Giá trị bù trừ chênh lệch giá nguyên, nhiên, vật liệu là giá trị chênh lệch trực tiếp. Không tính bổ sung chi phí gián tiếp, chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước, chi phí khác trên phần chênh lệch giá, trừ trường hợp văn bản pháp luật bắt buộc hoặc E-HSMT/hợp đồng quy định rõ và được Chủ đầu tư chấp thuận.

Giá trị bù trừ chênh lệch giá tăng được thanh toán sau khi áp dụng tỷ lệ giảm giá của Nhà thầu, nếu có, được xác định như sau:

$$CL_{VLtt} = CL_{VL} \times (1 - TGG)$$

Trong đó:

CL_{VLtt} là giá trị bù trừ chênh lệch giá nguyên, nhiên, vật liệu được xem xét thanh toán sau khi giảm trừ theo tỷ lệ giảm giá;

CL_{VL} là giá trị bù trừ chênh lệch giá nguyên, nhiên, vật liệu trước khi giảm trừ theo tỷ lệ giảm giá;

TGG là tỷ lệ giảm giá hợp lệ của Nhà thầu theo đơn dự thầu, thư giảm giá, biên bản thương thảo/hoàn thiện hợp đồng hoặc tài liệu giảm giá hợp lệ khác, nếu có.

Trường hợp giá trị bù trừ là giá trị giảm, Chủ đầu tư được giảm trừ toàn bộ giá trị giảm theo kết quả tính toán, không áp dụng nhân với hệ số giảm giá theo khoản 10.6 nêu trên.

10.7.5. Điều chỉnh chi phí máy thi công, nhiên liệu trong giá ca máy và các khoản bù trừ khác

a) Chỉ xem xét bù trừ chi phí máy thi công khi đồng thời đáp ứng các điều kiện sau:

- E-HSMT/hợp đồng cho phép điều chỉnh chi phí máy thi công;
- Có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố, hướng dẫn hoặc điều chỉnh yếu tố cấu thành giá ca máy, giá nhiên liệu, giá năng lượng hoặc chính sách có liên quan làm thay đổi trực tiếp chi phí máy thi công;
- Có bảng phân khai khối lượng thi công theo tháng/kỳ thanh toán, được nghiệm thu hợp lệ;
- Có hồ sơ xác định loại máy, hao phí ca máy, khối lượng công tác tương ứng, xác nhận của Nhà thầu, Tư vấn giám sát, Quản lý dự án và Chủ đầu tư;
- Không thuộc khối lượng chậm do lỗi Nhà thầu hoặc khối lượng thi công bằng thiết bị chưa được chấp thuận.

- b) Trường hợp nhiên liệu đã được xem xét bù trừ theo danh mục nguyên, nhiên, vật liệu trực tiếp thì không tiếp tục bù trừ phần nhiên liệu đó trong giá ca máy; trường hợp điều chỉnh thông qua giá ca máy thì không bù trừ trùng phần nhiên liệu như vật liệu trực tiếp.
- c) Sau khi xác định giá trị bù trừ tăng đối với chi phí máy thi công hoặc các khoản bù trừ khác được phép, giá trị được xem xét thanh toán phải tiếp tục được giảm trừ theo tỷ lệ giảm giá hợp lệ của Nhà thầu, nếu có, tương tự nguyên tắc quy định tại khoản 10.6.4 Điều này.
- d) Bù chi phí nhân công: không áp dụng, trừ trường hợp văn bản pháp luật bắt buộc áp dụng hoặc E-HSMT/hợp đồng có quy định khác và được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản.
- e) Các khoản bù trừ khác do Nhà nước điều chỉnh chế độ, chính sách chỉ được xem xét khi văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định bắt buộc áp dụng, làm thay đổi trực tiếp chi phí thực hiện phần công việc còn lại của hợp đồng và không thuộc lỗi hoặc chậm trễ của Nhà thầu.

10.8. Giảm trừ đơn giá, giá hợp đồng khi thực tế thi công có chi phí thấp hơn

- a) Trường hợp thực tế thi công có biện pháp thi công, cự ly vận chuyển, nguồn vật liệu, trạm trộn, thiết bị, điều kiện thực hiện hoặc yếu tố đầu vào làm chi phí thấp hơn so với E-HSDT, đơn giá hợp đồng hoặc hồ sơ được Chủ đầu tư chấp thuận thì Chủ đầu tư có quyền giảm trừ đơn giá, giá hợp đồng tương ứng.
- b) Căn cứ giảm trừ gồm: hồ sơ hiện trường, nhật ký thi công, nhật ký giám sát, xác nhận của Tư vấn giám sát/Quản lý dự án, hóa đơn, chứng từ, dữ liệu trạm trộn, cự ly vận chuyển thực tế, nguồn vật liệu thực tế, biện pháp thi công thực tế và các hồ sơ quản lý khác.
- c) Nhà thầu có nghĩa vụ cung cấp hồ sơ chứng minh khi Chủ đầu tư yêu cầu. Trường hợp Nhà thầu không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, Chủ đầu tư được xác định giá trị giảm trừ theo hồ sơ quản lý hiện có và khấu trừ vào thanh toán, quyết toán.
- d) Trường hợp giá giảm hoặc phát hiện yếu tố phải giảm trừ nhưng Nhà thầu không kê khai, Chủ đầu tư có quyền tự xác định giá trị giảm trừ trên cơ sở hồ sơ hợp đồng, công bố giá, hóa đơn, chứng từ, xác nhận của Tư vấn giám sát/Quản lý dự án và khấu trừ vào thanh toán, quyết toán.
- e) Việc áp dụng tỷ lệ giảm giá của Nhà thầu theo Điều này chỉ áp dụng đối với giá trị điều chỉnh tăng hoặc bù trừ tăng được thanh toán cho Nhà thầu; không được sử dụng tỷ lệ giảm giá để làm giảm giá trị giảm trừ mà Chủ đầu tư có quyền thu hồi, khấu trừ hoặc giảm thanh toán.

10.9. Hồ sơ, thời hạn và trình tự xem xét điều chỉnh giá

- a) Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng/kỳ thanh toán, Nhà thầu phải nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giá cho Tư vấn giám sát, Quản lý dự án và Chủ đầu tư.
- b) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh giá bao gồm tối thiểu:
- Văn bản đề nghị điều chỉnh giá của Nhà thầu;
 - Bảng phân khai khối lượng theo tháng/kỳ thanh toán;
 - Nhật ký thi công, nhật ký giám sát;
 - Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành;

- Bảng tính giá trị điều chỉnh giá, trong đó phải thể hiện rõ giá trị trước giảm giá, tỷ lệ giảm giá áp dụng, giá trị giảm trừ theo tỷ lệ giảm giá và giá trị đề nghị thanh toán sau giảm giá;
- Hóa đơn, chứng từ, hợp đồng mua bán, báo giá, công bố giá hoặc nguồn giá hợp lệ;
- Hồ sơ nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng vật liệu;
- Xác nhận của Tư vấn giám sát, Quản lý dự án;
- Các tài liệu khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

c) Quá thời hạn nêu trên, nếu Nhà thầu không nộp hồ sơ hoặc hồ sơ không đủ căn cứ kiểm tra, Chủ đầu tư có quyền chuyển việc xem xét sang kỳ thanh toán sau hoặc không xem xét điều chỉnh nếu không còn đủ căn cứ xác minh.

d) Việc chưa hoàn tất điều chỉnh giá không phải là lý do để Nhà thầu dừng thi công, thi công cầm chừng, chậm tiến độ hoặc từ chối thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

e) Giá trị điều chỉnh giá được xác định tạm trong từng kỳ thanh toán trên cơ sở hồ sơ được xác nhận; việc tổng hợp, chuẩn xác và ký phụ lục hợp đồng được thực hiện trước khi quyết toán hoặc tại thời điểm Chủ đầu tư yêu cầu theo quy định.

f) Mọi giá trị điều chỉnh giá tạm thanh toán phải chịu kiểm tra, kiểm toán, thanh tra, quyết toán và điều chỉnh/thu hồi nếu phát hiện sai sót, không đủ điều kiện hoặc không được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

10.10. Trách nhiệm của Nhà thầu và quyền thu hồi của Chủ đầu tư

a) Nhà thầu chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật về tính chính xác, trung thực, hợp lệ của toàn bộ hồ sơ, số liệu, chứng từ, bảng tính điều chỉnh giá.

b) Trường hợp phát hiện hồ sơ điều chỉnh giá không trung thực, kê khai trùng, kê khai sai, kê khai vượt khối lượng, sử dụng chứng từ không hợp lệ, xác định sai thời điểm giá, sai nguồn giá, không áp dụng tỷ lệ giảm giá theo quy định tại Điều này hoặc tính toán không đúng quy định, Chủ đầu tư có quyền:

- Từ chối thanh toán phần giá trị điều chỉnh;
- Khấu trừ vào các kỳ thanh toán tiếp theo;
- Thu hồi giá trị đã thanh toán;
- Xử lý vi phạm hợp đồng theo Điều 18 và Điều 21 của Hợp đồng;
- Báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý theo quy định pháp luật nếu có dấu hiệu gian lận, thông thầu, chuyển nhượng thầu, kê khai không trung thực hoặc vi phạm pháp luật đấu thầu, xây dựng, tài chính.

c) Mọi giá trị điều chỉnh giá đã thanh toán là giá trị tạm thanh toán cho đến khi được quyết toán, kiểm toán, thanh tra hoặc cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. Nhà thầu phải hoàn trả ngay mọi khoản bị giảm trừ, xuất toán hoặc thanh toán vượt; Chủ đầu tư được khấu trừ vào các khoản thanh toán, bảo lãnh, tiền giữ lại, bảo hành hoặc nghĩa vụ tài chính còn lại của Nhà thầu.

d) Nhà thầu không được yêu cầu lãi, phí tài chính, chi phí cơ hội hoặc bất kỳ khoản bồi thường nào do việc Chủ đầu tư chưa xem xét điều chỉnh giá khi hồ sơ của Nhà thầu chưa

đầy đủ, chưa hợp lệ, chưa được xác nhận hoặc đang trong quá trình kiểm tra, kiểm toán, quyết toán.

10.11. Phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá

a) Mọi điều chỉnh giá hợp đồng phải được thể hiện trong hồ sơ thanh toán, hồ sơ quyết toán và phụ lục hợp đồng theo quy định.

b) Phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá phải thể hiện tối thiểu:

- Căn cứ điều chỉnh;
- Khối lượng được điều chỉnh;
- Đơn giá, giá gốc và giá tại thời điểm điều chỉnh;
- Giá trị điều chỉnh trước khi giảm giá;
- Tỷ lệ giảm giá hợp lệ của Nhà thầu, nếu có;
- Giá trị giảm trừ theo tỷ lệ giảm giá;
- Giá trị điều chỉnh sau khi giảm giá;
- Trách nhiệm của các bên;
- Nguồn vốn và giới hạn thanh toán;
- Các nội dung khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư và quy định pháp luật.

c) Phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá không được làm thay đổi bản chất của hợp đồng, không làm thay đổi kết quả lựa chọn nhà thầu, không làm hợp thức hóa khối lượng tự ý thực hiện, không làm hợp thức hóa chuyển nhượng thầu, nhà thầu phụ chưa được chấp thuận hoặc các hành vi vi phạm hợp đồng của Nhà thầu.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ chung của Chủ đầu tư

Trách nhiệm của Chủ đầu tư theo quy định Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

11.1. Quyền của Chủ đầu tư:

a) Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, giám sát nhưng không được gây cản trở hoạt động thi công bình thường của Nhà thầu và bất kỳ chậm trễ, trì hoãn hay yêu cầu bổ sung kéo dài nào trong việc kiểm tra/kiểm định của Chủ đầu tư thì đều không được tính vào tiến độ thi công của Nhà thầu;

b) Nếu Nhà thầu vi phạm về chất lượng, tiến độ, an toàn giao thông và các nghĩa vụ khác của Nhà thầu thì Chủ đầu tư có quyền xử lý như quy định tại Điều 21 của Hợp đồng.

c) Tạm dừng thi công xây dựng công trình và yêu cầu khắc phục hậu quả khi bên nhận thầu vi phạm các quy định về chất lượng công trình, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ;

d) Tạm giữ tiền thanh toán hợp đồng của Nhà thầu trong thời gian chờ kết quả kiểm toán độc lập và chờ phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (QTDAHT) theo quy định tại Khoản 9.4 Điều 9 của hợp đồng;

e) Yêu cầu Nhà thầu chuyển trả số tiền mà Chủ đầu tư đã thanh toán vượt so với số tiền Nhà thầu được thanh toán theo quyết định phê duyệt QTDHHT của cấp có thẩm quyền hoặc số chênh lệch giữa giá trị bị xuất toán và giá trị Chủ đầu tư tạm giữ lại để chờ kết quả kiểm toán độc lập và chờ phê duyệt QTDHHT theo quy định tại Khoản 9.4 và Khoản 9.6 Điều 9 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] của hợp đồng;

f) Nếu Chủ đầu tư xét thấy mình có quyền với bất kỳ khoản thanh toán nào theo bất cứ Điều nào hoặc các quy định khác liên quan đến hợp đồng thì phải thông báo và cung cấp các chi tiết cụ thể cho nhà thầu.

g) Trường hợp Chủ đầu tư nhận thấy vấn đề hoặc tình huống dẫn tới khiếu nại phải thông báo cho Nhà thầu càng sớm càng tốt. Các thông tin chi tiết phải xác định cụ thể điều khoản hoặc cơ sở khiếu nại khác và phải bao gồm chứng minh của số tiền và sự kéo dài mà Chủ đầu tư tự cho mình có quyền được hưởng liên quan đến hợp đồng. Chủ đầu tư sau đó phải quyết định:

+ Số tiền (nếu có) mà Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu thanh toán;

+ Kéo dài (nếu có) thời hạn thông báo sai sót.

Chủ đầu tư có thể khấu trừ số tiền này từ bất kỳ khoản nợ hay sẽ nợ nào của nhà thầu. Chủ đầu tư chỉ được quyền trừ hoặc giảm số tiền từ tổng số được xác nhận khoản nợ của nhà thầu hoặc theo một khiếu nại nào khác đối với Nhà thầu theo khoản này.

h) Kiểm tra chất lượng thực hiện công việc, cơ sở gia công chế tạo vật liệu của Nhà thầu nhưng không được làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu;

i) Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Chủ đầu tư nhận thấy khả năng cung ứng tài chính của Nhà thầu độc lập hoặc bất kỳ thành viên liên danh nào cho gói thầu không đáp ứng, không đủ dòng tiền để triển khai thi công thì Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu mở một tài khoản tại một Ngân hàng do Chủ đầu tư chỉ định để chi cho gói thầu này.

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

11.2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

Chủ đầu tư còn có các nghĩa vụ sau:

a) Bàn giao mặt bằng xây dựng cho nhà thầu quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thỏa thuận của hợp đồng;

b) Tạm ứng và thanh toán cho Nhà thầu theo kế hoạch vốn hàng năm của Cục ĐBVN ghi cho công trình (bao gồm thanh toán tiền giữ lại chờ kết quả kiểm toán độc lập và chờ phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Khoản 9.6 Điều 9 của hợp đồng và hoàn trả tiền bảo hành công trình theo quy định tại Điểm 19.2.f Điều 19 của hợp đồng);

c) Thuê Tư vấn giám sát và quản lý dự án (hoặc giao nhiệm vụ thực hiện quản lý dự án) cho công trình;

d) Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan cho nhà thầu theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Kiểm tra biện pháp bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ của nhà thầu;

- e) Xem xét và chấp thuận kịp thời bằng văn bản các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của nhà thầu trong quá trình thi công xây dựng công trình;
- f) Nếu phát hiện thấy nhà thầu không sử dụng vốn tạm ứng vào việc thi công xây dựng công trình thì Chủ đầu tư sẽ thu hồi lại vốn tạm ứng của nhà thầu;
- d) Bố trí đủ nguồn vốn để thanh toán cho Nhà thầu theo tiến độ thanh toán trong hợp đồng;
- f) Nghiệm thu, thanh toán, quyết toán hợp đồng đúng thời hạn theo quy định.
- g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ chung của Nhà thầu thi công xây dựng

12.1. Quyền của Nhà thầu

- a) Được quyền đề xuất với Chủ đầu tư về khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng theo quy định; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.
- b) Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được Chủ đầu tư chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá hợp đồng đã ký kết.

12.2. Nghĩa vụ của Nhà thầu

- a) Nhà thầu phải huy động các nhân sự chủ chốt và sử dụng các thiết bị đã kê khai trong HSDT (HSĐX) hoặc đã bổ sung để thực hiện công trình. Việc không thực hiện huy động theo quy định (E-HSMT, E-HSDT và Hợp đồng) ảnh hưởng đến tiến độ công trình ngoài bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nhà thầu được coi là không đạt về yêu cầu năng lực, kinh nghiệm, sẽ bị xử lý vi phạm hợp đồng tại Điều 21. Chủ đầu tư chỉ chấp thuận đề xuất thay thế nhân sự chủ chốt và thiết bị trong trường hợp kinh nghiệm, năng lực của nhân sự thay thế và chất lượng, tính năng của thiết bị thay thế là tương đương hoặc cao hơn so với đề xuất trong HSDT, đảm bảo đúng quy định và xét thấy nguyên nhân đề xuất của Nhà thầu là phù hợp với cam kết của nhà thầu và trong trường hợp gây ảnh hưởng đến gói thầu đang thực hiện.
- b) Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu không sử dụng nhân sự của Nhà thầu cho việc thực hiện hợp đồng của Chủ đầu tư với lý do chính đáng, Nhà thầu phải bảo đảm rằng người đó sẽ rời khỏi công trường trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư và không còn được thực hiện bất kỳ công việc nào liên quan đến hợp đồng. Trong trường hợp cần thiết, Nhà thầu phải bổ sung ngay một nhân sự thay thế có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn.
- c) Nhà thầu phải thi công xây dựng công trình đúng thiết kế, tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.
- d) Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán hợp đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định, thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của hợp đồng.

e) Nhà thầu phải giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng hoặc pháp luật có quy định liên quan đến bảo mật thông tin.

g) Nhà thầu phải trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 05 ngày, nếu trong khoảng thời gian này mà Nhà thầu không trả lời thì được coi như Nhà thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư.

h) Trường hợp gói thầu xây dựng có sử dụng lu rung để thi công lu lèn phải có biện pháp phòng ngừa trường hợp người dân khiếu nại hư hỏng công trình, nứt nhà: Đề cơ sở xác định việc hư hỏng công trình, nứt nhà (nếu có) xảy ra trước hay sau khi thi công gói thầu, Nhà thầu thi công chủ trì và Tư vấn giám sát tham gia (trường hợp gói thầu có Tư vấn Quản lý dự án thì Tư vấn Quản lý dự án chủ trì) mời UBND cấp xã và các hộ dân trong phạm vi thi công có tuyến đường đi qua để kiểm tra, xác nhận tình trạng công trình, nhà dân và lập biên bản làm việc (kèm theo hình ảnh, video) trước khi tiến hành thi công ngoài hiện trường. Trường hợp xảy ra hư hỏng, thiệt hại do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công thì nhà thầu chịu hoàn toàn trách nhiệm theo pháp luật hiện hành.

i) Nhà thầu phải chấp hành việc xuất toán giá trị thanh toán (kể cả trường hợp đã thanh lý Hợp đồng) khi có văn bản yêu cầu của Chủ đầu tư trên cơ sở kết quả Báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành hoặc Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành hoặc Kết luận của Cơ quan có thẩm quyền (Kiểm toán Nhà nước hoặc Cơ quan thanh tra). Trường hợp Nhà thầu không chấp hành, Chủ đầu tư sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét cấm Nhà thầu tham gia đấu thầu các công trình do Khu Quản lý đường bộ III làm chủ đầu tư và thông báo rộng rãi trên mạng đấu thầu quốc gia theo quy định hiện hành.

k) Nhà thầu phải thực hiện đúng cam kết không sử dụng xe quá khổ, quá tải để thi công; không coi nới thành thùng xe để chở hàng quá tải trọng; xếp hàng, chở hàng đúng trọng tải quy định; lựa chọn cách xếp hàng hoá và loại hình vận tải phù hợp để đảm bảo kinh doanh có hiệu quả, không vi phạm theo quy định tại Thông tư số 39/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ GTVT quy định về xếp hàng hoá trên xe ô tô khi tham gia giao thông trên đường bộ. Nếu vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Ngành GTVT (trừ trường hợp có giấy phép lưu hành đặc biệt).

l) Không tiếp nhận vật tư, vật liệu của các xe vi phạm về kích thước thùng hàng và chở hàng vượt quá tải trọng quy định do các đơn vị cung cấp; không bốc xúc, xếp vật tư, vật liệu cho xe quá tải, xe vi phạm kích thước thùng hàng (trừ trường hợp có giấy phép lưu hành đặc biệt).

m) Các phương tiện vận chuyển của nhà thầu trên công trường (kể cả các phương tiện của nhà cung cấp vật tư, vật liệu) phải đăng ký biển số xe, trọng lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông với TVGS, Chủ đầu tư.

n) Định kỳ báo cáo với bên giao thầu về tiến độ thi công, nhân lực và thiết bị chính để thi công xây dựng công trình.

o) Di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và những tài sản khác của mình ra khỏi công trường trong thời hạn quy định sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao hoặc hợp đồng bị chấm dứt.

p) Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng hợp đồng vào việc phục vụ thi công gói thầu này, nghiêm cấm nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng hợp đồng vào mục đích khác.

q) Cung cấp cho Chủ đầu tư 01 đĩa DVD hoặc USB ghi bản chụp các bản vẽ hoàn công được sao chụp với độ phân giải tối thiểu 300ppi.

r) Cung cấp bản chụp hợp đồng thi công xây dựng này và các hồ sơ liên quan khác cho các nhà thầu tư vấn do Chủ đầu tư lựa chọn và Văn phòng Quản lý đường bộ khu vực để tham gia quản lý, giám sát việc thực hiện hợp đồng của nhà thầu.

s) Thực hiện công tác bảo vệ môi trường của dự án theo các phụ lục đính kèm hợp đồng này (phụ lục 1 đến phụ lục 4).

t) Nhà thầu phải thi công công trình đúng thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn giao thông, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

u) Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán hợp đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định thiết bị, sản phẩm xây dựng theo hợp đồng và đúng các quy định hiện hành.

v) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Nhà thầu phải có phòng thí nghiệm hợp chuẩn tại hiện trường. Đối với các thí nghiệm thực hiện ở hiện trường theo yêu cầu của E-HSMT và quy định hiện hành của Nhà nước, Nhà thầu phải trình hồ sơ năng lực và tổ chức nghiệm thu phòng thí nghiệm hiện trường (Nhân sự, thiết bị...) với TVGS và trình Ban điều hành dự án chấp thuận trước khi đưa vào hoạt động. Trường hợp một số công tác thí nghiệm không có khả năng thực hiện tại phòng thí nghiệm hiện trường thì cho phép Nhà thầu thực hiện tại phòng thí nghiệm có năng lực. Trước khi tiến hành thí nghiệm phải đệ trình phòng thí nghiệm và phải được Chủ đầu tư/TVGS chấp thuận. Các chi phí phát sinh phục vụ công tác thí nghiệm thì Nhà thầu phải chịu mọi chi phí.

- Trong vòng 07 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực: Nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn tất thủ tục và gửi cơ quan chức năng biết để kiểm tra, giám sát công tác đảm bảo ATGT khi thi công trên đường đang khai thác; Nhà thầu phải đảm bảo hoàn thành công tác chuẩn bị, huy động thiết bị, vật tư, nhân lực, biện pháp tổ chức thi công ...theo E-HSDT để đáp ứng điều kiện khởi công; việc Nhà thầu không đáp ứng các điều kiện khởi công làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng sẽ bị coi là Nhà thầu đang vi phạm hợp đồng với Chủ đầu tư. Nếu Nhà thầu không huy động đầy đủ thiết bị theo E-HSDT, Chủ đầu tư sẽ xem xét đánh giá về năng lực của Nhà thầu và có biện pháp xử lý Hợp đồng khi Nhà thầu không có sự chuyển biến, khắc phục.

- Tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản tim, cốt, mốc giới công trình, phối hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư và các bên liên quan để đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng cho thi công.
- Trường hợp Chủ đầu tư xác định một nhân sự của Nhà thầu tham gia các hành vi tham nhũng, gian lận, thông đồng, ép buộc hoặc gây trở ngại trong quá trình thực hiện công trình, các hành vi vi phạm pháp luật khác thì nhân sự đó sẽ không được tiếp tục tham gia gói thầu.
- Thí nghiệm vật liệu, kiểm định thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy chuẩn xây dựng.
- Quản lý người lao động trên công trường, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự, không gây ảnh hưởng đến các khu dân cư xung quanh.
- Thí nghiệm vật liệu, kiểm định thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy chuẩn xây dựng.
- Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán hợp đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định, thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của hợp đồng.
- Nhà thầu phải giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng hoặc pháp luật có quy định liên quan đến bảo mật thông tin.
- Nhà thầu phải trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian theo yêu cầu của Chủ đầu tư, nếu trong khoảng thời gian này mà Nhà thầu không trả lời thì được coi như đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Chịu trách nhiệm về chất lượng thi công xây dựng công trình do mình đảm nhận. Sửa chữa sai sót trong công trình đối với những công việc do mình thi công.
- Nhà thầu phải tuyệt đối chấp hành sử dụng phương tiện cơ giới đường bộ đúng tải trọng, kích thước thùng hàng theo giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về hành vi vi phạm chở hàng hóa quá khổ quá tải.
- Phối hợp với các nhà thầu khác cùng thực hiện trên công trường. Định kỳ (hàng tuần, hàng tháng..) báo cáo cho Chủ đầu tư về khối lượng thi công chi tiết, chất lượng công trình, tiến độ thi công, nhân lực, thiết bị chính để thi công xây dựng công trình. Mẫu báo cáo do Chủ đầu tư đề xuất. Ngoài ra, Nhà thầu có nghĩa vụ nộp các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và những tài sản khác của mình ra khỏi công trường trong thời hạn quy định sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng hoặc hợp đồng bị chấm dứt, trừ trường hợp trong hợp đồng có thỏa thuận khác.

- Hoàn trả lại mặt bằng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có). Giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng hoặc pháp luật có quy định;
- Nhà thầu cam kết bố trí đủ nguồn lực tài chính như đã cam kết trong E-HSĐT để đáp ứng tiến độ thi công xây lắp của gói thầu. Nếu việc bố trí nguồn lực tài chính không đáp ứng đầy đủ làm ảnh hưởng đến tiến độ gói thầu, Chủ đầu tư xem xét năng lực của Nhà thầu trong việc xử lý thực hiện các điều kiện Hợp đồng và tham gia các gói thầu khác do Khu QLDB III làm Chủ đầu tư.
- Trường hợp, nguồn vốn bố trí cho dự án chưa kịp thời, còn thiếu, Nhà thầu vẫn phải triển khai thực hiện hoàn thành toàn bộ khối lượng gói thầu theo tiến độ Hợp đồng.
- Nhà thầu phải tuân thủ thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Mục 12 Chương V của E-HSMT (về các nội dung trong quá trình thi công và trong giai đoạn bảo hành như: Cập nhật lại Biểu tiến độ thi công, Phòng thí nghiệm và kiểm soát vật tư, vật liệu, Tổ chức đảm bảo giao thông theo thiết kế được duyệt và quy định tại TCCS 14:2016/TCĐBVN, Cam kết về đánh giá uy tín thực hiện hợp đồng; Bảo hành; ...);
- Cùng Chủ đầu tư giải trình, bảo vệ số liệu quyết toán công trình với thanh tra, kiểm toán, cơ quan thẩm tra phê duyệt quyết toán và các cơ quan khác có liên quan. Trường hợp khi thực hiện quyết toán hoặc cả sau khi dự án đã được quyết toán hoàn thành, nếu cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, thanh tra, kiểm toán dự án phát hiện các yếu tố cần phải giảm trừ, xuất toán một số chi phí không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, giá cả, chế độ chính sách của Nhà nước,... kể cả giảm giá dự toán của gói thầu được duyệt thì Nhà thầu chấp thuận thực hiện giảm trừ hoặc hoàn trả cho Ngân sách Nhà nước trong vòng 20 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản thu hồi. Trong trường hợp Nhà thầu không thực hiện sau 03 lần Chủ đầu tư có văn bản yêu cầu chấp hành kết luận thanh tra, kiểm toán, quyết toán của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì Chủ đầu tư sẽ đệ trình cơ quan pháp luật xử lý, khi đó Nhà thầu không được đưa ra các lý do để kháng nghị chấp hành các kết luận nêu trên.
- Nhà thầu cam kết có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ tài liệu đầy đủ và phối hợp, cung cấp các hồ sơ tài liệu theo yêu cầu của thanh tra, kiểm toán, quyết toán; thời hạn cung cấp trong vòng 05 ngày kể từ ngày Bên A có văn bản thông báo.
- Nhà thầu cam kết tuân thủ thực hiện đầy đủ các kết luận thanh tra, kết luận kiểm toán, phê duyệt quyết toán; việc giảm trừ tài chính nếu có kể cả giá dự toán gói thầu bị giảm, sẽ được Bên A thực hiện giảm trừ tại các kỳ thanh toán, quyết toán hợp đồng hoặc phải nộp hoàn trả lại Ngân sách Nhà nước đầy đủ theo kết luận nêu trên.
- Trong trường hợp Nhà thầu không phối hợp, không tuân thủ kết luận thanh tra, kết luận kiểm toán, phê duyệt quyết toán, Chủ đầu tư sẽ thực hiện tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng hoặc tiền giữ lại của Nhà thầu nếu còn để thực hiện các kết luận liên quan trên.
- Nhà thầu phải đệ trình hồ sơ hoàn công công trình trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thi công theo quy định của hợp đồng. Nếu trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc

thời gian thi công theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu không nộp hồ sơ hoàn thành công trình thì được coi là không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng và sẽ bị xem xét xử lý vi phạm hợp đồng.

12.3. Nhân lực của Nhà thầu

- Nhân lực của Nhà thầu phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sa thải (hay tác động để sa thải) bất cứ nhân lực nào ở công trường hay công trình, kể cả đại diện của Nhà thầu nếu những người đó: có thái độ sai trái hoặc thiếu cẩn thận, thiếu năng lực hoặc thiếu trách nhiệm, không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng dẫn đến gây nguy cơ mất an toàn giao thông hoặc chậm trễ tiến độ hoặc vi phạm về chất lượng, phương hại đến an toàn, sức khỏe hoặc bảo vệ môi trường.

- Khi đó, Nhà thầu sẽ chỉ định (hoặc buộc phải chỉ định) một người khác thích hợp để thay thế; trường hợp nhà thầu không thay thế thì chủ đầu tư quyết định tạm dừng thi công và chủ đầu tư sẽ không nghiệm thu hạng mục, khối lượng mà nhà thầu thi công vẫn tiếp tục thi công trong thời gian nhân sự không được thay thế; nếu thời gian chậm trễ vì nguyên nhân này thì nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm. Nhà thầu phải luôn đảm bảo trật tự, an toàn cho người và tài sản trên công trường.

- Nhà thầu phải cung cấp nhân lực, vật liệu, máy móc, thiết bị thi công và các điều kiện vật chất liên quan khác với đủ số lượng và chủng loại theo hồ sơ dự thầu để thực hiện các công việc theo hợp đồng đã ký kết cụ thể như sau:

♦ Nhân sự chủ chốt tham gia thực hiện gói thầu:

STT	Chức danh đảm nhận	Họ và tên	Ghi chú
1	Chỉ huy trưởng công trình		Công ty ..
			Công ty CP CE Việt Nam
			Công ty ..
			Công ty ..
2	Kỹ thuật thi công		Công ty ..
			Công ty ..
			Công ty ..
			Công ty ..
3	Giám sát kỹ thuật, chất lượng (KCS)		Công ty ..
4	Cán bộ phụ trách ATLĐ, VSMT, ATGT		Công ty ..
			Công ty ..

STT	Chức danh đảm nhận	Họ và tên	Ghi chú
			Công ty ..
			Công ty ..
5	Cán bộ nội nghiệp kiêm cán bộ theo dõi vật tư, thiết bị		Công ty ..
6	Cán bộ phụ trách hồ sơ thanh quyết toán		Công ty ..
			Công ty ..

- Khi thay đổi nhân sự chủ chốt hoặc thiết bị thi công nêu trên nhà thầu phải báo cáo bằng văn bản cho Chủ đầu tư và khi được Chủ đầu tư chấp thuận mới được triển khai thực hiện, nếu không sẽ bị xử lý theo quy định tại khoản 21.1 - Điều 21 [Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại do vi phạm] của Hợp đồng này. Trường hợp nhà thầu không bố trí nhân sự chủ chốt hoặc nhân sự thay thế không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì nhà thầu bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Ngoài ra, đối với trường hợp nhân sự chủ chốt trong quá trình tham gia gói thầu xây lắp có vi phạm mà Chủ đầu tư có văn bản yêu cầu thay thế thì nhân sự này sẽ không được Chủ đầu tư chấp thuận tham gia dự thầu, thực hiện các gói thầu do Khu QLDB III làm chủ đầu tư trong năm sau liền kề (01 năm) kể từ ngày Khu QLDB III có văn bản từ chối.

12.4. Báo cáo về nhân lực và thiết bị của Nhà thầu

Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư những chi tiết về số lượng nhân lực tối thiểu, thiết bị chủ yếu của Nhà thầu trên công trường.

12.5. Hợp tác

- Nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện việc hợp tác trong công việc đối với: nhân lực của Chủ đầu tư; các Nhà thầu khác do Chủ đầu tư thuê;
- Các dịch vụ cho những người này và các Nhà thầu khác có thể bao gồm việc sử dụng thiết bị của Nhà thầu, các công trình tạm hoặc việc bố trí đường vào công trường là trách nhiệm của Nhà thầu. Trường hợp các dịch vụ này làm phát sinh chi phí ngoài giá hợp đồng thì các bên xem xét thỏa thuận bổ sung chi phí này.
- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công xây lắp của mình trên công trường, phải phối hợp các hoạt động của mình với hoạt động của các Nhà thầu khác ở phạm vi (nếu có) được nêu rõ trong hồ sơ mời thầu (hoặc hồ sơ yêu cầu) của Chủ đầu tư.

12.6. Định vị các mốc

- Nhà thầu phải định vị công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác định trong hợp đồng. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình.

- Chủ đầu tư sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót nào về việc cung cấp thông tin trong các mục được chỉ ra trên đây hoặc các thông báo để tham chiếu đó (các điểm mốc, tuyến và cao trình chuẩn), nhưng Nhà thầu phải cố gắng để kiểm chứng độ chính xác của chúng trước khi sử dụng.

- Trường hợp, Nhà thầu bị chậm trễ và phải chịu chi phí mà không phải do lỗi của mình gây ra, thì Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư và có quyền thực hiện theo Điều 22 của hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

12.7. Điều kiện về công trường

- Nhà thầu được coi là đã thẩm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin có sẵn nêu trên và đã được thỏa mãn trước khi nộp thầu, bao gồm:

+ Địa hình của công trường, bao gồm cả các điều kiện địa chất công trình khi mà trong HSMIT (HSYC) hoặc tài liệu làm rõ đã có báo cáo khảo sát địa chất công trình;

+ Điều kiện địa chất thủy văn và khí hậu;

+ Mức độ và tính chất của công việc và vật liệu cần thiết cho việc thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót.

+ Các quy định của pháp luật về lao động;

+ Các yêu cầu của Nhà thầu về đường vào, ăn, ở, phương tiện, nhân lực, điều kiện giao thông, nước và các dịch vụ khác.

- Nhà thầu được coi là đã thỏa mãn về tính đúng, đủ của điều kiện công trường để xác định giá hợp đồng.

- Nếu Nhà thầu gặp phải các điều kiện địa chất bất lợi mà Nhà thầu cho là không lường trước được, thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết một cách sớm nhất có thể. Thông báo này sẽ mô tả các điều kiện địa chất sao cho Chủ đầu tư có thể kiểm tra được và phải nêu lý do tại sao Nhà thầu coi các điều kiện địa chất đó là không lường trước được. Nhà thầu phải tiếp tục thi công xây dựng công trình, sử dụng các biện pháp thỏa đáng và hợp lý và thích ứng với điều kiện địa chất đó và phải tuân theo bất kỳ chỉ dẫn nào mà Chủ đầu tư có thể đưa ra. Nếu một chỉ dẫn tạo ra sự thay đổi, thì các bên xem xét tiêu chí để thống nhất áp dụng theo Điều 20 của hợp đồng [Rủi ro và bất khả kháng].

12.8. Đường đi và phương tiện

- Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng hoặc tạm thời mà Nhà thầu cần có, bao gồm lối vào công trường. Nhà thầu cũng phải có thêm các phương tiện khác bên ngoài công trường cần cho công việc bằng kinh phí của mình.

- Nhà thầu phải nỗ lực để tránh làm hư hỏng đường, cầu do việc sử dụng, đi lại của Nhà thầu hoặc người của Nhà thầu gây ra. Những nỗ lực này phải bao gồm việc sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp.

- Trừ khi được quy định khác trong các điều kiện và điều khoản này:

- + Nhà thầu không được sử dụng và chiếm dụng toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Chủ đầu tư hoặc những người khác;
- + Nhà thầu (trong quan hệ giữa các bên) sẽ phải chịu trách nhiệm sửa chữa nếu Nhà thầu làm hỏng khi sử dụng các tuyến đường đó;
- + Nhà thầu phải lắp đặt các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn;
- + Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại;
- + Chủ đầu tư không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào;
- + Chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường cho yêu cầu sử dụng của Nhà thầu sẽ do Nhà thầu chịu.

12.9. Vận chuyển vật tư thiết bị (trừ khi có quy định khác)

a) Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn 05 ngày, trước ngày mà mọi vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường (bao gồm cả đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ vật tư thiết bị);

b) Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Chủ đầu tư đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả lệ phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển vật tư thiết bị của Nhà thầu.

12.10. Thiết bị Nhà thầu

♦ Thiết bị huy động để thực hiện gói thầu:

STT	Tên thiết bị (đầu thiết bị)	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng thí nghiệm hợp chuẩn <i>Phòng thí nghiệm kiểm định vật liệu xây dựng và địa kỹ thuật LAS-XD...</i>	01 phòng	Đi thuê: Công ty ..
2	Trạm trộn BTN nóng $\geq 90T/h$ <i>Địa chỉ ..</i>	01 Trạm	Đi thuê: Công ty ..
..	...	..	...

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của mình. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Nhà thầu phải dùng riêng cho việc thi công công trình. Nhà thầu không được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một loại thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý của Chủ đầu tư đối với các xe cộ vận chuyển vật tư, thiết bị hoặc nhân lực của Nhà thầu ra khỏi công trường. Trường hợp nhà thầu không huy động, bố trí thiết bị thi công yếu để triển khai thi công hoặc thiết bị thay thế không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì nhà thầu bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

- Chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ các phương tiện vận chuyển của mình trên công trường (kể cả phương tiện của các đơn vị cung ứng vật liệu), phương tiện đi thuê, mượn đảm bảo việc luân chuyển theo các quy định về kích thước thùng hàng, tải trọng quy định đối với phương tiện vận chuyển.

12.11. Vật liệu do Chủ đầu tư cấp (nếu có)

a) Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm đối với vật liệu của mình cấp cho Nhà thầu.

b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với vật liệu của Chủ đầu tư trong khi người của Nhà thầu vận hành, lái, điều khiển, sử dụng, quản lý hoặc kiểm soát nó.

- Số lượng thích hợp và số tiền phải trả (với giá đã nêu) để sử dụng thiết bị của Chủ đầu tư đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Nhà thầu phải thanh toán số tiền này cho Chủ đầu tư.

- Chủ đầu tư phải cung cấp, miễn phí “các vật liệu do mình cung cấp” (nếu có) theo các chi tiết nêu trong các yêu cầu của Chủ đầu tư. Chủ đầu tư phải chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp những vật tư này tại thời điểm và địa điểm được quy định trong hợp đồng. Nhà thầu phải kiểm tra những vật liệu này và phải thông báo kịp thời cho Chủ đầu tư về sự thiếu hụt, sai sót hoặc không có của những vật liệu này. Trừ khi hai bên có thỏa thuận khác, Chủ đầu tư phải xác định ngay sự thiếu hụt, sai sót như đã được thông báo.

- Sau khi được kiểm tra, vật liệu do Chủ đầu tư cấp sẽ phải được Nhà thầu bảo quản và giám sát cẩn thận. Trách nhiệm kiểm tra, bảo quản của Nhà thầu không làm giảm trách nhiệm của Chủ đầu tư đối với sự thiếu hụt, sai sót, lỗi không thấy rõ khi kiểm tra.

12.12. Hoạt động của Nhà thầu trên công trường

- Nhà thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và khu vực bổ sung mà Nhà thầu có và được Chủ đầu tư đồng ý là nơi làm việc. Nhà thầu phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Nhà thầu và nhân lực của Nhà thầu chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận. Trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Nhà thầu phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.

- Sau khi biên bản nghiệm thu công trình đã được cấp, Nhà thầu phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị của Nhà thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác và công trình tạm. Nhà thầu phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Nhà thầu có thể để lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những vật tư thiết bị cần để Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

- Nếu tất cả những vật tư, thiết bị này không được dọn khỏi công trường trong vòng 07 ngày sau khi Chủ đầu tư cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; Chủ đầu tư có thể xử lý theo quy định.

- Các vị trí công trường có nguy cơ gây mất an toàn đối với người, thiết bị thi công và nhân dân khu vực dự án phải được bố trí rào chắn, bảo vệ, cảnh báo và các biện pháp đảm bảo an toàn trong suốt quá trình thi công

- Tổ chức giao thông cho các phương tiện giao thông đường bộ, người tham gia giao thông cũng như bố trí các trang thiết bị tổ chức giao thông, dẫn hướng, rào chắn tại các vị trí thực hiện các hoạt động thi công trên đường bộ đang khai thác nhằm đảm bảo ATGT, bảo vệ sức khỏe, tính mạng con người, bảo vệ tài sản nhà nước, nhân dân và bảo vệ môi trường. Trang thiết bị tổ chức giao thông, dẫn hướng, rào chắn, sơ đồ tổ chức giao thông và các yêu cầu khác phải tuân thủ theo thiết kế được duyệt và các quy định Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 14:2016/TCĐBVN - Tiêu chuẩn về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường đang khai thác.

12.13. Các vấn đề khác có liên quan

- Tất cả các cổ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thẩm quyền của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này.

- Khi phát hiện ra những đồ vật này, Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư để hướng dẫn giải quyết. Nếu Nhà thầu gặp phải sự chậm trễ và phải chịu chi phí để thực hiện hướng dẫn thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư và có quyền theo Điều 22 của hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Quản lý dự án

13.1. QLDA thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng/ủy quyền của Chủ đầu tư, bao gồm kiểm tra tiến độ, chất lượng, khối lượng, hồ sơ thanh toán, hồ sơ điều chỉnh giá, hồ sơ phát sinh, hồ sơ hoàn công, quyết toán và các nội dung khác được giao.

13.2. Ý kiến, xác nhận của QLDA là căn cứ để Chủ đầu tư xem xét quyết định nhưng không thay thế thẩm quyền quyết định cuối cùng của Chủ đầu tư đối với các nội dung thuộc thẩm quyền Chủ đầu tư.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Tư vấn giám sát

14.1. TVGS thực hiện giám sát thi công theo hợp đồng tư vấn giám sát, quy định pháp luật và yêu cầu của Chủ đầu tư; kiểm tra, xác nhận điều kiện thi công, nhân sự, thiết bị, vật liệu, thí nghiệm, chất lượng, khối lượng, tiến độ, ATGT, ATLĐ, VSMT.

14.2. TVGS có quyền yêu cầu Nhà thầu dừng thi công, khắc phục, làm lại, thí nghiệm bổ sung, thay thế vật liệu/thiết bị/nhân sự không đạt yêu cầu và báo cáo Chủ đầu tư xử lý khi Nhà thầu vi phạm.

14.3. Việc TVGS xác nhận không làm giảm trách nhiệm của Nhà thầu về chất lượng, tiến độ, an toàn và tính trung thực của hồ sơ.

Điều 15. Nhà thầu phụ, kiểm soát chuyển nhượng thầu

15.1. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ trong phạm vi, giá trị, nội dung đã nêu trong E-HSDT/Hợp đồng hoặc được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản.

Danh sách, phạm vi, giá trị nhà thầu phụ:

* Nhà thầu phụ xây lắp:

- Tên giao dịch : Công ty ...
- Người đại diện : Ông ... - Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ :
- Tài khoản : .. tại Ngân hàng ...
- Điện thoại : ...
- Mã số thuế : ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số ... đăng ký lần đầu ngày .., đăng ký thay đổi lần thứ: 6 ngày ...

* Công việc được giao:

-...;

- ...

* Giá trị : ..đồng (chiếm khoảng ... giá trị hợp đồng).

15.2. Khi ký hợp đồng thầu phụ, Nhà thầu phải thực hiện theo các quy định sau:

- a) Đối với các Nhà thầu phụ không có trong danh sách thầu phụ kèm theo hợp đồng thì phải được Chủ đầu tư chấp thuận;
- b) Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, giám sát công tác thi công của Nhà thầu phụ. Nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, các sai sót và các công việc/nghĩa vụ khác đối với phần việc do các Nhà thầu phụ thực hiện.
- c) Nhà thầu không được giao cho Nhà thầu phụ thực hiện vượt quá 35% giá trị hợp đồng.

15.3. Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định (nếu có)

- a) Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định là một Nhà thầu được Chủ đầu tư chỉ định cho Nhà thầu thuê làm Nhà thầu phụ để thực hiện một số phần việc chuyên ngành có yêu cầu kỹ thuật cao hoặc khi Nhà thầu không đáp ứng được tiến độ thực hiện hợp đồng sau khi Chủ đầu tư đã yêu cầu.
- b) Nhà thầu có quyền từ chối Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định nếu công việc Nhà thầu đang thực hiện vẫn tuân thủ đúng các thỏa thuận trong hợp đồng hoặc có đầy đủ cơ sở cho rằng Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định không đáp ứng được các yêu cầu theo hợp đồng.

15.4. Chủ đầu tư có thể tạm ứng, thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ trong phạm vi pháp luật cho phép nếu có đề nghị hợp lệ của Nhà thầu chính, hợp đồng thầu phụ, hồ sơ nghiệm thu được TVGS/QLDA/Chủ đầu tư xác nhận và việc thanh toán không làm thay đổi trách nhiệm của Nhà thầu chính.

15.5. Hợp tác với Nhà thầu khác.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phải hợp tác với các Nhà thầu khác và các đơn vị liên quan cùng làm việc trên công trường trong khoảng thời gian làm việc của các Nhà thầu, đơn vị liên quan đó theo kế hoạch. Trường hợp thay đổi kế hoạch làm việc của các Nhà thầu khác, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về những thay đổi đó.

Trường hợp có quy định trong thông số kỹ thuật hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải hợp tác và tạo điều kiện phù hợp cho nhân sự của Chủ đầu tư và các nhân sự khác tiến hành đánh giá tác động môi trường và xã hội. Chủ đầu tư phải thông báo trước cho Nhà thầu về việc này.

15.6. Hợp đồng thầu phụ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 210/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan. Các nội dung trong hợp đồng thầu phụ có thể tham khảo các mẫu hợp đồng tại phụ lục kèm theo Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

15.7. Mọi hành vi giao, khoán, bán lại, chuyển nhượng công việc trái phạm vi, vượt giá trị tối đa, hoặc sử dụng nhà thầu phụ không được chấp thuận đều được coi là chuyển nhượng thầu trái quy định, là vi phạm nghiêm trọng hợp đồng và là căn cứ tạm dừng, chấm dứt hợp đồng, thu bảo đảm thực hiện hợp đồng, báo cáo xử lý theo pháp luật đấu thầu, cụ thể:

15.7.1. Định nghĩa Hành vi Chuyển nhượng thầu trái phép

Nhà thầu bị coi là chuyển nhượng thầu trái phép cho bên thứ ba (sau đây gọi là "Bán thầu") khi vi phạm một trong các tình huống cụ thể được quy định tại Khoản 2 Điều này. Mọi hình thức chuyển nhượng thầu trái phép đều cấu thành hành vi vi phạm hợp đồng nghiêm trọng.

15.7.2. Các tình huống cụ thể xác định Nhà thầu vi phạm chuyển nhượng thầu

Chủ đầu tư, Quản lý dự án (QLDA), Tư vấn giám sát (TVGS) có quyền lập biên bản và xác định Nhà thầu vi phạm lỗi chuyển nhượng thầu nếu phát hiện một trong các tình huống sau trên công trường:

- **Tình huống 1: Chuyển nhượng hạng mục cốt lõi/chính của gói thầu**
 - *Chi tiết:* Nhà thầu giao cho bên thứ ba (hoặc nhà thầu phụ) thực hiện một trong các hạng mục thi công chính bao gồm: *Cào bóc tái sinh nguội/nóng, Thảm bê tông nhựa mặt đường (hạt mịn, hạt thô, polyme), thi công lớp móng cấp phối đá dăm*, mà trong Hồ sơ dự thầu (HSDT) Nhà thầu đã cam kết tự thực hiện.
- **Tình huống 2: Vượt tỷ lệ phần trăm khối lượng giao thầu phụ**
 - *Chi tiết:* Tổng giá trị khối lượng công việc mà Nhà thầu giao cho các nhà thầu phụ (đã được Chủ đầu tư chấp thuận) vượt quá [**Ví dụ: 35%**] giá trị hợp đồng (hoặc vượt quá tỷ lệ tối đa quy định trong Hồ sơ mời thầu).
- **Tình huống 3: Sử dụng nhà thầu phụ "chui" (chưa được phê duyệt)**
 - *Chi tiết:* Nhà thầu tự ý đưa một đơn vị khác vào thi công sửa chữa mặt đường, vỉa hè, rãnh thoát nước hoặc hệ thống an toàn giao thông khi **chưa có văn bản chấp thuận** về danh tính và năng lực của nhà thầu phụ đó từ Chủ đầu tư.
- **Tình huống 4: Biến tướng dưới dạng thuê thiết bị/nhân công khoán trắng**
 - *Chi tiết:* Nhà thầu ký hợp đồng thuê máy móc chuyên dụng (máy cào bóc, xe rải, tổ hợp lu) kèm theo toàn bộ nhân công điều khiển và cán bộ kỹ thuật của bên cho thuê, nhưng thực tế **buông lỏng quản lý**, giao đứt quyền điều hành biện pháp thi công, kiểm soát cao độ, độ dốc và chất lượng mặt đường cho bên cho thuê máy.

- **Tình huống 5: Thay thế toàn bộ nhân sự chủ chốt cấu thành bán thầu**
 - *Chi tiết:* Tại hiện trường, Chỉ huy trưởng công trường, Đội trưởng đội thi công bê tông nhựa và các Cán bộ kỹ thuật chịu trách nhiệm chính **không phải là nhân sự thuộc biên chế** (hoặc không có hợp đồng lao động dài hạn) của Nhà thầu chính, mà thuộc nhân sự của một đơn vị khác đang trực tiếp điều hành công trường, trừ trường hợp các nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSDT của Nhà thầu hoặc nhân sự được Chủ đầu tư chấp thuận.
- **Tình huống 6: Chia nhỏ tuyến đường để khoán trắng cho các cá nhân/đội nhóm độc lập**
 - *Chi tiết:* Nhà thầu chia nhỏ gói thầu bảo trì (theo số Km hoặc theo các tuyến đường khác nhau trong cùng gói thầu) để giao cho các cá nhân, tổ đội tự huy động vốn vật tư (nhựa đường, đá), tự thi công và tự chịu lỗ lãi, còn Nhà thầu chính chỉ đứng tên thu phí quản lý.

15.7.3. Quy trình Kiểm tra và Xác minh của Chủ đầu tư/QLDA/Tư vấn giám sát

Để làm căn cứ xử lý các tình huống trên, hợp đồng cần quy định rõ quyền kiểm tra của TVGS, QLDA và Chủ đầu tư:

1. **Kiểm tra nhân sự:** QLDA, TVGS có quyền kiểm tra đột xuất căn cước công dân, hợp đồng lao động, quyết định bổ nhiệm và chứng chỉ hành nghề của bất kỳ nhân sự quản lý nào trên công trường. Nếu nhân sự không đúng với HSDT hoặc văn bản thay thế đã được duyệt, Nhà thầu phải giải trình trong vòng 24 giờ.
2. **Kiểm tra dòng tiền và hóa đơn vật liệu:** Để làm rõ tình huống khoán trắng vật liệu, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu chính cung cấp hóa đơn mua bê tông nhựa nóng, mua cấp phối đá dăm đứng tên Nhà thầu chính, và chứng từ chuyển tiền cho các trạm trộn. Nếu hóa đơn xuất cho một đơn vị khác đang thi công trên tuyến, Nhà thầu bị coi là đã chuyển nhượng thầu.

15.7.4.. Chế tài xử lý vi phạm đối với Nhà thầu

Nếu Nhà thầu vi phạm một trong các tình huống chuyển nhượng thầu nêu tại Khoản 2, Chủ đầu tư sẽ áp dụng các biện pháp phạt cuốn chiếu nghiêm khắc sau:

- **Biện pháp 1: Đình chỉ thi công ngay lập tức** đối với hạng mục hoặc toàn bộ gói thầu đang có dấu hiệu chuyển nhượng thầu trái phép để làm rõ. Nhà thầu chịu toàn bộ chi phí phát sinh và không được gia hạn tiến độ do việc đình chỉ này.
- **Biện pháp 2: Phạt vi phạm hợp đồng** ở mức tối đa theo quy định pháp luật: **Phạt 8% giá trị phần phần công việc bị chuyển nhượng trái phép** (hoặc 8% tổng giá trị hợp đồng tùy theo thỏa thuận khung).
- **Biện pháp 3: Tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng** và đơn phương chấm dứt hợp đồng đối với phần khối lượng chưa thực hiện.
- **Biện pháp 4: Chế tài bổ sung:** Chủ đầu tư sẽ gửi văn bản báo cáo Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền (Bộ Xây Dựng, Cục Đường bộ, Sở Xây dựng...) để đăng tải thông tin vi phạm lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, làm cơ sở **cấm tham gia**

đấu thầu đối với Nhà thầu này từ 1 đến 3 năm trên phạm vi toàn quốc hoặc trong hệ thống các dự án của Chủ đầu tư.

15.8. Nhà thầu chính chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ đầu tư về mọi công việc do nhà thầu phụ thực hiện, bao gồm chất lượng, tiến độ, an toàn, thanh toán, bảo hành, hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ hoàn công, quyết toán và các nghĩa vụ khác.

15.9. Trường hợp Nhà thầu chậm tiến độ hoặc vi phạm nghiêm trọng, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu huy động nhà thầu phụ đã kê khai hoặc đề xuất bổ sung/thay thế nhà thầu phụ đủ năng lực để thực hiện phần việc chậm, sau khi được Chủ đầu tư và TVGS chấp thuận theo quy định. Nếu Nhà thầu không đề xuất, không hợp tác hoặc việc bổ sung vượt giới hạn pháp luật/hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền chấm dứt một phần/toàn bộ hợp đồng và tổ chức lựa chọn đơn vị thay thế theo quy định.

15.10. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu cung cấp chứng từ thanh toán cho Nhà thầu phụ định kỳ. Nếu Nhà thầu chậm thanh toán quá 15 ngày làm ảnh hưởng tiến độ của gói thầu, Chủ đầu tư có quyền thanh toán trực tiếp cho Nhà thầu phụ và khấu trừ vào kỳ thanh toán của Nhà thầu chính với phí quản lý 5% giá trị thanh toán đó.

Điều 16. An toàn lao động, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

16.1. An toàn lao động

a) Nhà thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận.

b) Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn.

c) Các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

d) Bên B có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động (theo danh mục các công việc được ban hành theo Thông tư 06/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20/8/2020 của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội) thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động.

e) Nhà thầu có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động.

Khi có sự cố về an toàn lao động, Nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

f) Bên B có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động. Công nhân và cán bộ thi công tại công trường phải mặc trang phục có tên hoặc logo của Nhà thầu, có đầy đủ trang bị bảo hộ lao động đáp ứng các yêu cầu về an toàn lao động theo quy định (giày, mũ, dây an toàn, găng tay...).

16.2. Bảo vệ môi trường

a) Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

b) Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

c) Các bên phải có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp Nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì Chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu Nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

d) Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

16.3. Phòng chống cháy nổ

Các bên tham gia hợp đồng xây dựng phải tuân thủ các quy định của nhà nước về phòng chống cháy nổ.

16.4. An toàn giao thông:

a) Nhà thầu tuyệt đối không được để xảy ra tình trạng mất ATGT do yếu tố kỹ thuật của công trình trong phạm vi do mình thi công. Nếu để xảy ra tình trạng mất ATGT do yếu tố kỹ thuật của công trình thì nhà thầu phải tìm mọi biện pháp để khắc phục nhằm đảm bảo ATGT, đồng thời phải chịu mọi thiệt hại về vật chất để khắc phục.

b) Đại diện theo pháp luật của nhà thầu thi công phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật của nhà nước về việc để xảy ra tai nạn giao thông trong phạm vi do mình thi công do lỗi hoặc sai sót trong việc tổ chức đảm bảo giao thông tại khu vực đang thi công; đồng thời phối hợp với các đơn vị liên quan về vấn đề đảm bảo an toàn giao thông cho người và các phương tiện tham gia giao thông trên phạm vi công trường của mình, chịu trách nhiệm giải quyết các hậu quả cho các bên liên quan nếu để xảy ra mất an toàn giao thông.

c) Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm và thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành về công tác đảm bảo an toàn giao thông trong suốt quá trình thi công và phối hợp với các đơn vị liên quan về vấn đề đảm bảo an toàn giao thông cho người và các phương tiện tham gia giao thông trên phạm vi công trường của mình (trừ trường hợp bất khả kháng).

d) Trước khi khởi công xây dựng: Nhà thầu có trách nhiệm bố trí đầy đủ các biển báo về ATGT, đặt biển báo ở đầu tuyến và cuối tuyến: thông báo phạm vi thi công, đơn vị thi công; có thông báo tới địa phương, các khu vực dân cư về thời gian, phạm vi thi công và các loại phương tiện thi công sử dụng, bố trí kho bãi; đặt mua các loại biển báo thi công có phản quang, sử dụng để điều khiển giao thông theo quy cách của biển báo hiện hành...

e) Trong quá trình thi công: Đặt đầy đủ các biển báo hiệu Công trường, hạn chế tốc độ, hướng đi, rào chắn barie, cọc tiêu... tại các điểm thi công; cử người hướng dẫn, điều khiển giao thông bằng cờ hiệu ở tất cả vị trí công trường thi công gây cản trở giao thông, người điều khiển giao thông được trang bị báo bảo hộ, bộ đàm hai chiều... Đối với các đoạn tuyến vừa thi công vừa đảm bảo giao thông qua khu đô thị, dân cư, cần có thêm các biển cảnh báo từ xa, phải bố trí người điều khiển giao thông qua phạm vi công trường liên tục trong suốt thời gian thi công;

f) Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Nhà thầu để xảy ra mất an toàn giao thông, gây thiệt hại về tài sản, con người... do nguyên nhân chủ quan thì Nhà thầu sẽ phải chi trả toàn bộ kinh phí bồi thường thiệt hại cho các bên liên quan và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Chủ đầu tư.

g) Tăng cường công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong tình hình mới theo chỉ đạo tại Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 19/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 17. Điện, nước và an ninh công trường

17.1. Điện, nước trên công trường

Trừ trường hợp quy định ở dưới đây, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Nhà thầu cần.

Nhà thầu có quyền sử dụng việc cung cấp điện, nước và dịch vụ khác có thể có trên công trường cho mục đích thi công công trình mà các chi tiết và giá đã được đưa ra trong các yêu cầu của Chủ đầu tư; Nhà thầu có trách nhiệm bảo vệ nguồn điện, nước để phục vụ thi công công trình. Nhà thầu phải tự mình chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và để đo số lượng tiêu thụ. Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả cho các dịch vụ trên Nhà thầu phải thanh toán theo quy định của hợp đồng.

17.2. An ninh công trường

Trừ khi có quy định khác trong những điều kiện riêng:

a) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường;

b) Những người có nhiệm vụ được vào công trường gồm nhân lực của Nhà thầu và của Chủ đầu tư và những người khác do Chủ đầu tư (hoặc người thay mặt) thông báo cho Nhà thầu biết.

Điều 18. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

18.1. Tạm dừng thực hiện công việc của hợp đồng bởi Chủ đầu tư:

Nếu Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể ra thông báo yêu cầu Nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, cụ thể: Chủ đầu tư quyết định dừng thực hiện công việc trong hợp đồng và yêu cầu khắc phục hậu quả khi Nhà thầu không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng công trình, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ và tiến độ theo hợp đồng đã ký kết.

Trước khi tạm dừng, Chủ đầu tư thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu không ít hơn 03 ngày và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm dừng. Khoảng thời gian tạm dừng thi công do lỗi của nhà thầu sẽ không được tính bù thời gian thực hiện hợp đồng.

18.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng nếu Nhà thầu:

- a) Không thực hiện theo bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc một thông báo theo khoản 18.1 của hợp đồng này [Tạm dừng thực hiện công việc của Hợp đồng bởi Chủ đầu tư];
- b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong Hợp đồng. Nhà thầu B chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong Hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất mà không được Bên A chấp thuận;
- c) Vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 8 Điều 16 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 hoặc điểm i khoản 2 Điều 20 hoặc các quy định tại Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025;
- d) Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này;
- e) Nhà thầu bị Chủ đầu tư xử lý chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 21 của Hợp đồng.

Nếu có ở một trong những trường hợp này, Chủ đầu tư có thể bằng cách thông báo cho Nhà thầu trước 03 ngày, chấm dứt hợp đồng và trục xuất Nhà thầu ra khỏi công trường. Tuy nhiên, trong trường hợp của điểm (c) Chủ đầu tư có thể thông báo chấm dứt hợp đồng ngay lập tức.

Sự lựa chọn của Chủ đầu tư trong việc quyết định chấm dứt hợp đồng không ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Chủ đầu tư theo hợp đồng.

Nhà thầu phải rời công trường và chuyển các vật tư, vật liệu cần thiết, các tài liệu của Nhà thầu và các hồ sơ thiết kế khác của Nhà thầu cho Chủ đầu tư. Tuy nhiên, Nhà thầu sẽ cố gắng hết mức để tuân thủ ngay lập tức các hướng dẫn hợp lý được nêu trong thông báo, bảo vệ tính mạng và tài sản hay cho sự an toàn của công trình.

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể hoàn thành công trình và thực hiện thủ tục để lựa chọn nhà thầu khác. Chủ đầu tư và các đơn vị này khi đó có thể sử dụng bất cứ

vật tư, vật liệu, tài liệu nào của Nhà thầu và các tài liệu thiết kế khác do Nhà thầu thực hiện hoặc do đại diện Nhà thầu thực hiện.

Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu giải phóng các thiết bị, công trình tạm của nhà thầu ở tại hoặc gần công trường. Ngay khi nhận được thông báo, trong thời gian 03 ngày, Nhà thầu phải tiến hành tháo dỡ, di chuyển các thiết bị, công trình tạm này.

f) Không thực hiện trách nhiệm bảo hành công trình theo quy định.

18.3. Xác định giá vào ngày chấm dứt hợp đồng

Ngay khi thông báo chấm dứt theo khoản 18.2 của hợp đồng [Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư] có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ xem xét đồng ý hoặc xác định giá trị của công trình, vật tư, vật liệu và tài liệu của Nhà thầu và các khoản tiền phải thanh toán cho Nhà thầu cho các công việc được thực hiện theo đúng hợp đồng.

18.4. Thanh toán sau khi chấm dứt hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng theo khoản 18.2 của hợp đồng này [Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư] có hiệu lực, Chủ đầu tư có thể:

a) Không thanh toán thêm cho Nhà thầu cho đến khi chi phí thi công, hoàn thành và sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong thời gian hoàn thành (nếu có) và các chi phí khác mà Chủ đầu tư chấp thuận đã được xác định;

b) Thu lại từ Nhà thầu các phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Chủ đầu tư phải chịu và các chi phí thêm khác của việc hoàn thành công trình, sau khi tính đến bất kỳ một khoản nợ nào đối với Nhà thầu. Sau khi đã thu hồi lại từ các mất mát, hư hỏng và các chi phí thêm, Chủ đầu tư sẽ thanh toán phần tiền cân đối còn lại cho Nhà thầu.

18.5. Xử lý sau khi chấm dứt hợp đồng:

Sau khi chấm dứt hợp đồng, căn cứ mức độ vi phạm Chủ đầu tư sẽ thực hiện xử lý vi phạm: (i) theo quy định tại Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; (ii) Các quy định hướng dẫn khác của Luật, Nghị định, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn...được cấp thẩm quyền ban hành trong thời gian thực hiện hợp đồng nhằm điều chỉnh, bổ sung và thay thế cho phù hợp với thực tiễn.

Điều 19. Bảo hiểm, bảo hành và xử lý khiếm khuyết

19.1. Bảo hiểm:

- Nhà thầu có trách nhiệm phải mua và duy trì bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự... đối với bên thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu. Nhà thầu phải tự chủ động nghiên cứu điều kiện thực tế để có giải pháp thi công phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro ảnh hưởng đến công trình lân cận trong suốt quá trình thi công như thi công khoan cọc, lu rung, hoạt động của máy móc thiết bị,... gây ra chấn động, dịch chuyển kết cấu có thể dẫn đến nứt, sụt lún, hư hỏng nhà ở, công trình lân cận. Để đảm bảo chất lượng và tiến độ công trình, trong trường hợp thi công qua các khu dân cư, các thiết bị thi công có gây chấn động như lu rung, đóng cọc, khoan nhồi,... làm ảnh hưởng đến các công trình liền kề thì Nhà thầu phải có giải pháp thi

công và tự huy động các thiết bị thi công thay thế khác có tính năng phù hợp. Trường hợp nếu có phát sinh hư hỏng, tổn thất phải bồi thường do các yếu tố và nguyên nhân trên, Nhà thầu phải có trách nhiệm bồi thường cho bên bị thiệt hại (nếu có) bằng nguồn kinh phí của mình để đảm bảo tiến độ thi công liên tục và không bị gián đoạn, hoặc Nhà thầu có giải pháp khắc phục trong quá trình thực hiện thi công dự án.

- Việc ảnh hưởng do hoạt động thi công xây dựng của Nhà thầu gây ra phải chủ động giải quyết, xử lý kịp thời, không được làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện gói thầu (trừ trường hợp bất khả kháng).

- Nhà thầu đảm bảo rằng Chủ đầu tư không phải chịu trách nhiệm mọi yêu cầu bồi thường từ bất kỳ một bên thứ ba nào, cho tất cả mọi tai nạn hoặc rủi ro nào xảy ra trên công trường trong phạm vi thực hiện hợp đồng của Nhà thầu.

19.2. Bảo hành công trình:

a) Bên thi công xây dựng có trách nhiệm thực hiện bảo hành công trình sau khi bàn giao cho Chủ đầu tư. Nội dung bảo hành công trình bao gồm khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết hoặc khi công trình vận hành, sử dụng không bình thường do lỗi của nhà thầu gây ra;

b) Thời hạn bảo hành công trình:

- Là **24 tháng** kể từ ngày công trình nghiệm thu đưa vào sử dụng và phải được Chủ đầu tư xác nhận hoàn thành trách nhiệm bảo hành; trong thời gian bảo hành, nhà thầu có trách nhiệm thực hiện bảo hành công trình và thời gian bảo hành công trình kéo dài so với quy định là 24 tháng nếu chất lượng công tác sửa chữa, khắc phục được các bên có liên quan đánh giá không đạt yêu cầu theo quy định.

- Đối với các hạng mục công trình trong quá trình thi công có khiếm khuyết về chất lượng hoặc xảy ra sự cố đã được nhà thầu sửa chữa, khắc phục thì thời gian bảo hành của các hạng mục công trình này thực hiện theo quy định.

c) Mức tiền bảo hành công trình là: **5%** giá trị hợp đồng (không bao gồm chi phí dự phòng);

d) Hình thức bảo hành công trình: Chủ đầu tư giữ lại 5% giá trị hợp đồng (không bao gồm dự phòng gói thầu) gửi vào Tài khoản bảo hành công trình của Khu Quản lý đường bộ III 699997777999 tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sông Hàn khi thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành đợt cuối cho Nhà thầu;

e) Nội dung, yêu cầu và xử lý vi phạm về bảo hành công trình:

- Nội dung bảo hành công trình thực hiện theo quy định tại Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ;

- Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện ngay việc bắt đầu và hoàn thành sửa chữa bảo hành công trình, hạng mục công trình sau khi nhận được thông báo yêu cầu Văn phòng quản lý đường bộ sở tại hoặc Chủ đầu tư đối với các hư hỏng phát sinh trong thời gian bảo hành và phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc thực hiện bảo hành.

- Trong quá trình thi công hoặc thời gian bảo hành có hư hỏng, khiếm khuyết về chất lượng (do lỗi của nhà thầu), các nhà thầu phải thực hiện việc sửa chữa, bảo hành khi nhận được thông báo sửa chữa của Chủ đầu tư (thời gian phải hoàn thành cụ thể trên cơ sở thực trạng hư hỏng của công trình, yêu cầu về công tác đảm bảo giao thông, an toàn công trình, được quy định tại văn bản của Văn phòng quản lý đường bộ sở tại hoặc Khu QLDB III). Nếu nhà thầu không tiến hành sửa chữa, bảo hành thì Chủ đầu tư có quyền thuê tổ chức, cá nhân khác sửa chữa ngay. Các nhà thầu chỉ được hoàn trả bảo đảm bảo hành công trình sửa chữa, bảo trì đường quốc lộ sau khi kết thúc bảo hành và được chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành (kể cả thời hạn bảo hành kéo dài thêm đối với các hạng mục có hư hỏng, khiếm khuyết về chất lượng đã được nhà thầu sửa chữa trong thời gian bảo hành chính); trường hợp khối lượng hư hỏng cần khắc phục, sửa chữa bảo hành vượt quá giá trị kinh phí giữ lại thì Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành phải tự bỏ kinh phí để khắc phục, sửa chữa hoặc để thuê đơn vị khác thực hiện.

- Trường hợp hư hỏng phát sinh trong thời gian bảo hành của dự án, gây mất an toàn giao thông, cần phải khắc phục để ĐBGTT khẩn cấp; nếu sau 24 giờ nhận được thông báo của Văn phòng Quản lý đường bộ sở tại hoặc Chủ đầu tư mà Nhà thầu thi công không kịp thời thực hiện, Văn phòng quản lý đường bộ sở tại có trách nhiệm yêu cầu Nhà thầu QL, BDTX thực hiện ngay công tác khắc phục bằng vật liệu phù hợp để đảm bảo an toàn giao thông (việc thực hiện được lập Biên bản giữa Nhà thầu QL, BDTX với Văn phòng QLDB khu vực và được quay phim hoặc chụp ảnh), chi phí này sẽ được lập dự toán để phê duyệt và thanh toán từ nguồn kinh phí bảo hành dự án của Nhà thầu thi công do Chủ đầu tư tạm giữ.

- Trường hợp là Nhà thầu liên danh:

+ Các thành viên liên danh có trách thực hiện trách nhiệm bảo hành công trình, hạng mục công trình tương ứng phần công việc do mình đảm nhận. Các thành viên trong liên danh có thể thực hiện trách nhiệm bảo hành của thành viên khác khi được các thành viên thống nhất, thoả thuận bằng văn bản và được Chủ đầu tư chấp thuận;

+ Trường hợp 02 Nhà thầu thi công trong liên danh cùng tham gia thi công 1 kết cấu (Ví dụ: Nhà thầu A thi công lớp cào bóc tái sinh bên dưới, Nhà thầu B thi công lớp BTN bên trên ở cùng một vị trí, đoạn tuyến), nếu phát sinh hư hỏng kết cấu mà 02 Nhà thầu không thống nhất được trách nhiệm bảo hành thì 02 Nhà thầu phải hợp đồng thuê đơn vị tư vấn kiểm định độc lập để đánh giá nguyên nhân hư hỏng và xác định trách nhiệm bảo hành (thuộc về trách nhiệm của Nhà thầu A hoặc B hoặc cả hai), làm cơ sở để Nhà thầu thực hiện trách nhiệm bảo hành. Trường hợp cả 02 Nhà thầu không thất nhất được đơn vị tư vấn kiểm định thì Chủ đầu tư sẽ lựa chọn đơn vị kiểm định hoặc đã xác định được nguyên nhân hư hỏng mà Nhà thầu thoái thác, không công nhận trách nhiệm thì Chủ đầu tư có quyền xác định trách nhiệm dựa vào kết quả kiểm định. Kinh phí thuê đơn vị kiểm định do nhà thầu thi công chi trả.

+ Trường hợp một trong số các thành viên liên danh vi phạm hợp đồng trong việc chậm trễ hoặc không tiến hành khắc phục, sửa chữa theo yêu cầu của Chủ đầu tư, thành viên liên

danh còn lại của Nhà thầu có trách nhiệm sửa chữa bảo hành phạm vi trách nhiệm của thành viên vi phạm hợp đồng. Chủ đầu tư được quyền sử dụng tiền bảo hành công trình được giữ lại của thành viên vi phạm hợp đồng để thanh toán giá trị khối lượng thực hiện của thành viên liên danh còn lại.

+ Trường hợp tất cả các thành viên liên danh vi phạm hợp đồng trong việc chậm trễ hoặc không tiến hành khắc phục, sửa chữa theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư được quyền sử dụng tiền bảo hành công trình được giữ lại của cả liên danh để thuê đơn vị khác thực hiện; sau khi xác nhận hết thời gian bảo hành công trình, Chủ đầu tư hoàn trả giá trị bảo hành công trình còn lại cho từng thành viên liên danh tương ứng tỷ lệ giá trị thực hiện gói thầu của từng thành viên.

+ Trường hợp khối lượng hư hỏng cần khắc phục, sửa chữa bảo hành vượt quá giá trị kinh phí được giữ lại thì từng thành viên liên danh của Nhà thầu phải tự bỏ kinh phí để khắc phục, sửa chữa hoặc thuê đơn vị khác thực hiện theo phạm vi trách nhiệm của mình.

+ Trường hợp có hạng mục không đảm bảo chất lượng mà các thành viên liên danh không phân định được trách nhiệm giữa các thành viên liên danh, Chủ đầu tư sẽ thuê Tư vấn độc lập để kiểm định chất lượng, thí nghiệm, đánh giá nguyên nhân và kết luận của Tư vấn độc lập là cơ sở để các thành viên liên danh xác định trách nhiệm phải khắc phục. Chi phí chi trả cho Tư vấn độc lập sẽ được khấu trừ qua kinh phí của Nhà thầu (theo tỷ lệ giữa các thành viên liên danh).

+ Trong mọi trường hợp Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ bảo hành sẽ bị đánh giá không hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, đăng tải trên mạng đấu thầu quốc gia theo quy định hiện hành.

f) Sau khi hết thời hạn bảo hành, Nhà thầu phải phối hợp nghiệm thu hết bảo hành trong vòng 28 ngày. Nếu Nhà thầu không phối hợp hoặc chưa khắc phục xong khiếm khuyết, Chủ đầu tư có quyền tiếp tục giữ/thu bảo lãnh bảo hành tương ứng với giá trị nghĩa vụ chưa hoàn thành, chi phí kiểm tra, sửa chữa, quản lý phát sinh và chỉ hoàn trả phần còn lại sau khi nghĩa vụ bảo hành hoàn tất. Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ các khoản tiền bảo hành công trình hoặc hoàn trả Bảo lãnh bảo hành cho nhà thầu khi các bên đã đủ căn cứ để xác định giá trị của các lần thanh toán và khi nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình theo quy định (sau khi ký biên bản nghiệm thu hết bảo hành công trình).

g) Trường hợp Nhà thầu có thực hiện công việc sửa chữa bảo hành hạng mục mặt đường, mặt cầu, Chủ đầu tư kiểm tra để xác nhận hết bảo hành sau 03 tháng kể từ thời điểm hoàn thành công tác sửa chữa bảo hành hạng mục công việc này nhằm có thời gian kiểm chứng chất lượng sửa chữa bảo hành (kể cả khi đã kết thúc thời gian bảo hành). Ngoài ra, xác nhận hết bảo hành còn phải tuân thủ theo chỉ dẫn kỹ thuật tại hồ sơ thiết kế được duyệt để kiểm tra, đánh giá chất lượng.

h) Ngoài ra, trong quá trình thực hiện công tác bảo hành, nhà thầu (bao gồm cả Liên danh) vi phạm các hành vi quy định về kết cấu hạ tầng đường bộ, nhà thầu sẽ bị xử phạt theo

quy định tại Điều 8 Nghị định số 336/2025/NĐ-CP ngày 22/12/2025 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đường bộ.

Điều 20. Rủi ro và bất khả kháng

Rủi ro, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP và quy định dưới đây.

20.1. Rủi ro là khả năng xảy ra các sự kiện hoặc tình huống trong quá trình thực hiện Hợp đồng, có thể gây thiệt hại, phát sinh chi phí, kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng hoặc ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện nghĩa vụ của các Bên.

Đối với các rủi ro có thể lường trước tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên thỏa thuận cụ thể trách nhiệm về quản lý và xử lý, khắc phục rủi ro của mỗi bên. Các trường hợp rủi ro có thể lường trước quy định tại [ĐKCT].

20.2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước khi ký kết hợp đồng và không thể khắc phục được mặc dù đã áp mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, như: động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác..

20.3. Hoàn cảnh thay đổi cơ bản là sự thay đổi hoàn cảnh do nguyên nhân khách quan xảy ra sau khi giao kết hợp đồng lớn đến mức các bên biết trước thì đã không được giao kết và hoặc được giao kết với nội dung hoàn toàn khác; việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không có sự thay đổi nội dung hợp đồng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên; bên có lợi ích bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, phù hợp với tính chất của hợp đồng mà không thể ngăn chặn, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng đến lợi ích; có thể gồm các trường hợp: Nhà nước thay đổi chính sách, pháp luật; các điều kiện bất thường về địa chất không lường trước được và các trường hợp khác đáp ứng được các điều kiện nêu tại điểm này.

20.2. Hậu quả của các rủi ro

Nếu và trong chừng mực nào đó mọi rủi ro được liệt kê trong khoản 20.1 của hợp đồng này dẫn đến mất mát hay hư hỏng cho công trình, bất động sản, vật tư thiết bị hay các tài liệu của Nhà thầu, thì Nhà thầu phải ngay lập tức gửi thông báo cho Chủ đầu tư và sửa chữa những mất mát, hư hỏng trong phạm vi Chủ đầu tư yêu cầu.

20.3. Trách nhiệm của Nhà thầu đối với rủi ro

Nhà thầu sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc bảo đảm công trình và hàng hóa từ ngày khởi công cho đến ngày phát hành biên bản nghiệm thu hoặc coi như được phát hành theo khoản 7.5 của hợp đồng [Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình] cho công trình, khi trách nhiệm được chuyển qua Chủ đầu tư. Nếu biên bản nghiệm thu được phát hành (hoặc coi như đã phát hành) cho bất cứ hạng mục hay công trình nào, thì trách nhiệm bảo đảm bất kỳ hạng mục nào của công trình đó được chuyển cho Chủ đầu tư.

Sau khi trách nhiệm được chuyển một cách phù hợp cho Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ nhận trách nhiệm bảo đảm đến bất kỳ công việc nào còn tồn tại chưa giải quyết xong vào ngày được nêu trong biên bản nghiệm thu cho đến khi các công việc này được hoàn thành.

Nếu bất cứ việc mất mát hay hư hỏng nào xảy ra cho công trình, vật tư, thiết bị hoặc tài liệu của Nhà thầu nào trong khoảng thời gian Nhà thầu đang chịu trách nhiệm bảo đảm, được liệt kê trong khoản 20.1 của hợp đồng [Trách nhiệm của Nhà thầu đối với rủi ro], Nhà thầu sẽ phải sửa những mất mát hay hư hỏng bằng sự rủi ro và chi phí của Nhà thầu, để công trình, vật tư, thiết bị và tài liệu của Nhà thầu đúng với hợp đồng.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ một hỏng hóc hay mất mát xảy ra sau khi biên bản nghiệm thu đã được phát hành và cả những việc xảy ra trước đó thuộc trách nhiệm của Nhà thầu và quy định tại Nghị định số 210/2026/NĐ-CP.

Bên B chịu trách nhiệm rủi ro về tổn thất, hư hỏng, thiệt hại đối với công trình liên kế kể từ ngày khởi công đến ngày công trình thi công hoàn thành, mà nguyên nhân do quá trình thi công gây nên như: gây nứt nhà của rung lắc thiết bị đầm lèn, hư hại công trình hạ tầng khi thi công...

20.4. Bồi thường rủi ro

Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan đến:

a) Tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hay chết của bất cứ người nào xảy ra do nguyên nhân thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót, trừ khi có thể quy cho việc cầu thả, cố ý làm hoặc vi phạm hợp đồng bởi Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư hoặc bất kỳ đại diện riêng nào của họ;

b) Hỏng hóc hay mất mát của bất cứ tài sản nào, là bất động sản hay của cá nhân (không phải là công trình), ở phạm vi mà những hỏng hóc hay mất mát này:

- Phát sinh từ hoặc trong quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân của thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót;

- Được quy cho sự bất cẩn, cố ý làm hoặc vi phạm hợp đồng bởi Nhà thầu, nhân lực của Nhà thầu hoặc bất cứ người nào trực tiếp hay gián tiếp được họ thuê.

- Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường, khắc phục thiệt hại cho các bên liên quan về các “Rủi ro của Nhà thầu” bằng nguồn kinh phí của mình. Bên B cần phải có cảnh báo sớm để đưa ra các giải pháp thích hợp nhằm tránh các rủi ro gây thiệt hại cho mình.

20.5. Thông báo về bất khả kháng

Nếu một bên bị cản trở thực hiện bất cứ nghĩa vụ của mình theo hợp đồng do tình trạng bất khả kháng, bên đó phải gửi thông báo cho bên kia về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng và phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc đã và sẽ bị cản trở. Thông báo phải được gửi sớm nhất sau khi bên đó nhận biết được tình trạng hoặc lẽ ra đã nhận biết được về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng.

Bên đó, khi đã thông báo, phải được miễn cho việc thực hiện công việc thuộc nghĩa vụ trong thời gian mà tình trạng bất khả kháng cản trở việc thực hiện của họ.

Dẫu cho có các quy định nào khác của khoản này, thì bất khả kháng cũng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

20.6. Các hậu quả của bất khả kháng

Nếu Nhà thầu bị cản trở thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo khoản 20.5 của hợp đồng [Thông báo về bất khả kháng] và chịu sự chậm trễ và chịu chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu sẽ có quyền theo Điều 22 của hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp]:

a) Kéo dài thời gian do sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị và sẽ bị chậm trễ theo khoản 8.5 của hợp đồng [Điều chỉnh tiến độ hợp đồng thi công xây dựng];

b) Nếu sự việc hay trường hợp thuộc loại được mô tả trong khoản 20.1 của hợp đồng [Rủi ro và bất khả kháng] được thanh toán các chi phí này.

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư phải xem xét để nhất trí hay quyết định các vấn đề này.

20.7. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm nếu việc thực hiện công trình cơ bản đang được tiến hành bị cản trở liên tục trong thời gian 07 ngày do bất khả kháng đã được thông báo theo khoản 20.5 của hợp đồng [Thông báo về bất khả kháng] hoặc trong nhiều khoảng thời gian mà tổng số là trên 15 ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia. Trong trường hợp này, việc chấm dứt hợp đồng sẽ có hiệu lực 01 ngày sau khi có thông báo.

20.8 . Sửa đổi hợp đồng do hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Nếu một Bên rơi vào trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản thì phải thông báo cho Bên kia nêu rõ các công việc bị ảnh hưởng, mức độ bị ảnh hưởng và đề xuất giải pháp khắc phục hoặc sửa đổi hợp đồng. Bên nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng phải trả lời đồng ý hoặc không đồng ý hoặc ý kiến khác trong thời gian quy định về đề nghị sửa đổi hợp đồng.

Điều 21. Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại do vi phạm

21.1. Vi phạm nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu:

Nhà thầu bố trí nhân sự, thiết bị chủ chốt theo đúng nhân sự trong E-HSĐT hoặc nhân sự, thiết bị đã được bổ sung, thay thế trong quá trình đánh giá, thẩm định LCNT và không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện thi công gói thầu. Trường hợp các nhân sự, thiết bị trong E-HSĐT vì trường hợp bất khả kháng không thể tham gia gói thầu mà nhân sự, thiết bị chủ chốt (ví dụ: trạm trộn BTN hoặc thiết bị, máy móc thi công chủ chốt phục vụ của dự án) không có lý do chính đáng, nhà thầu không chứng minh được qua thực tế theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì không được thay thế hoặc bổ sung. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, sau 02 lần bị Chủ đầu tư có văn bản yêu cầu nhà thầu bố trí nhân sự chủ chốt hoặc thiết bị thi công chủ yếu hoặc cả nhân sự chủ chốt và thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu xây lắp theo cam kết trong đơn dự thầu nhưng nhà thầu không thực hiện hoặc huy động không đáp ứng thì Nhà thầu sẽ bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, đồng thời sẽ xem xét bị coi là hành vi gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có).

Đối với việc chậm huy động/không huy động nhân sự chủ chốt theo quy định thì Tư vấn giám sát đình chỉ thi công ngay (thời gian chậm trễ do việc đình chỉ thi công không được

gia hạn). Trong vòng 03 (ba) ngày, nếu nhân sự chủ chốt không có mặt tại công trường, biện pháp xử lý: (i) Lần 1: phê bình; (ii) Lần 2, nếu trong vòng 05 (năm) ngày không có mặt tại công trường: cảnh cáo; (iii) Lần 3, nếu quá 07 (bảy) ngày vẫn không có mặt: được xem như dừng thi công liên tục quá 07 ngày, thì chấm dứt hợp đồng áp dụng theo điểm d, e mục 18.2 Điều 18 Hợp đồng.

Ngoài quy định nêu trên, sẽ bị phạt tiền nếu nhân sự chủ chốt không có mặt tại công trường tại thời điểm kiểm tra mà công trường đang thi công (được Tư vấn giám sát hoặc Quản lý dự án báo cáo bằng văn bản, hoặc Chủ đầu tư (Khu QLDB III hoặc Văn phòng Quản lý đường bộ) kiểm tra hiện trường và phát hiện: Lần 1, không phạt tiền; lần 2, tiếp tục phạt 0,1% giá trị hợp đồng; từ lần thứ 3, cứ mỗi lần vi phạm, phạt 0,2% giá trị hợp đồng.

21.2. Vi phạm về chất lượng: Nhà thầu thi công vi phạm về chất lượng sẽ bị xử phạt theo quy định Pháp luật hiện hành. Ngoài ra, tùy theo mức độ vi phạm, Nhà thầu sẽ bị xử lý cụ thể như sau:

a) Vi phạm về chất lượng lần thứ nhất: Chủ đầu tư có văn bản nhắc nhở hoặc chấn chỉnh vi phạm) Nhà thầu thi công và yêu cầu Nhà thầu triển khai công tác khắc phục vi phạm về chất lượng theo tiến độ yêu cầu của Chủ đầu tư; Ngoài ra, tùy theo mức độ vi phạm, Chủ đầu tư yêu cầu tháo dỡ hạng mục không đảm bảo chất lượng để làm lại và có thể yêu cầu Nhà thầu thi công thay thế nhân sự chủ chốt (Chỉ huy trưởng hoặc cán bộ kỹ thuật).

b) Vi phạm về chất lượng lần thứ hai: Nhà thầu không thực hiện khắc phục vi phạm lần thứ nhất theo nội dung yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc khắc phục không đạt yêu cầu hoặc tiếp tục vi phạm: Chủ đầu tư có văn bản đình chỉ thi công, yêu cầu khắc phục đạt yêu cầu mới tiếp tục triển khai thi công; thời gian chậm trễ do Nhà thầu thi công chịu trách nhiệm; đồng thời, yêu cầu Nhà thầu thi công thay thế Chỉ huy trưởng;

c) Vi phạm về chất lượng lần thứ ba: Nhà thầu tiếp tục không thực hiện khắc phục vi phạm về chất lượng lần thứ 2 theo nội dung yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc tiếp tục vi phạm về chất lượng công trình: Phạt vi phạm hợp đồng với mức phạt: 01% giá trị gói thầu xây lắp; yêu cầu nhà thầu thi công có biện pháp khắc phục và được Chủ đầu tư chấp thuận;

d) Trường hợp nhà thầu tiếp tục vi phạm về chất lượng: Cứ mỗi lần vi phạm kể từ lần thứ tư trở đi: Phạt vi phạm hợp đồng với mức phạt: 02% giá trị gói thầu xây lắp/mỗi lần vi phạm. Hoặc trong quá trình thực hiện hợp đồng để xảy ra các sai phạm được Chủ đầu tư hoặc cơ quan chức năng đánh giá là sai phạm nghiêm trọng về chất lượng thì chủ đầu tư xử lý chấm dứt hợp đồng.

21.3. Vi phạm về ATLĐ, môi trường: Nhà thầu thi công không tuân thủ biện pháp bảo vệ môi trường, đồ vật liệu thừa không đúng nơi quy định thì sẽ bị xử lý, xử phạt theo quy định pháp luật hiện hành. Trong mọi trường hợp, nhà thầu để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

21.4. Vi phạm về công tác đảm bảo ATGT trong quá trình thi công: Nhà thầu thi công không tuân thủ biện pháp đảm bảo giao thông, môi trường trên đường đang khai thác, đồ vật liệu thừa không đúng nơi quy định để xảy ra nguy cơ mất an toàn lao động, mất ATGT, tai nạn

giao thông, làm tổn hại đến môi trường căn cứ các lỗi thể hiện trong Biên bản làm việc Nhà thầu sẽ bị xử phạt vi phạm hợp đồng, cụ thể như sau:

- a) Nhà thầu sẽ bị xử phạt vi phạm theo quy định tại Nghị định số 336/2025/NĐ-CP ngày 22/12/2025 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong hoạt động đường bộ
- b) Trường hợp Nhà thầu tiếp tục vi phạm lần thứ ba hoặc nhà thầu để xảy ra các sai phạm dẫn đến tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng (gây thiệt hại về người) trên công trình mà được xác định do lỗi của nhà thầu thì nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, đồng thời Chủ đầu tư xem xét xử lý chấm dứt hợp đồng.

21.5. Vi phạm tiến độ:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nhà thầu có vi phạm tiến độ tùy theo mức độ sẽ bị xử lý như sau:

- a) Trường hợp đã đủ điều kiện nghiệm thu lớp vật liệu cáo bóc tái sinh (CBTS) và bàn giao mặt bằng mà nhà thầu không tham bê tông nhựa (BTN) sau 48 giờ thì Tư vấn giám sát báo cáo để Chủ đầu tư chỉ định nhà thầu khác thi công tham BTN (có thể nhà thầu trong thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ không tham gia gói thầu), và phần khối lượng, giá trị này xem như giảm trừ vào hợp đồng của nhà thầu thi công BTN do vi phạm quy định hợp đồng. Đồng thời, phạt vi phạm hợp đồng với mức phạt: 0,2% giá trị gói thầu xây lắp/mỗi lần vi phạm tương ứng của Nhà thầu thi công hạng mục BTN;
- b) Trường hợp nhà thầu vi phạm chậm tiến độ từ 10% giá trị khối lượng thực hiện thực tế (theo báo cáo của Điều hành dự án, Tư vấn giám sát) so với biểu tiến độ thi công trong hồ sơ trúng thầu hoặc biểu tiến độ thi công của Nhà thầu đã được Chủ đầu tư chấp thuận: Chủ đầu tư nhắc nhở, yêu cầu Nhà thầu thi công, Tư vấn giám sát, Điều hành dự án chủ động triển khai ngay các giải pháp khắc phục tiến độ chậm trễ đáp ứng biểu tiến độ thi công trong hồ sơ trúng thầu hoặc biểu tiến độ thi công của Nhà thầu đã được Chủ đầu tư chấp thuận;
- c) Trường hợp nhà thầu vi phạm chậm tiến độ từ 30% giá trị khối lượng thực hiện thực tế (theo báo cáo của Điều hành dự án, Tư vấn giám sát) so với biểu tiến độ thi công trong hồ sơ trúng thầu hoặc biểu tiến độ thi công của Nhà thầu đã được Chủ đầu tư chấp thuận: Chủ đầu tư có văn bản cảnh cáo nhà thầu; thay thế nhân sự chủ chốt của nhà thầu (nếu cần thiết); toàn quyền chỉ định Nhà thầu phụ hoặc chấp thuận Nhà thầu phụ đáp ứng điều kiện về năng lực và kinh nghiệm do Nhà thầu đề xuất để tham gia thực hiện gói thầu nhằm hoàn thành gói thầu đúng chất lượng và tiến độ;
- d) Trường hợp nhà thầu vi phạm chậm tiến độ từ 50% trở lên giá trị khối lượng thực hiện thực tế so với biểu tiến độ thi công trong hồ sơ trúng thầu hoặc biểu tiến độ thi công của Nhà thầu lập điều chỉnh trong quá trình thi công đã QLDA, TVGS xem xét và được Chủ đầu tư chấp thuận: Ngoài việc cảnh cáo, Chủ đầu tư xem xét, quyết định việc xử lý chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu theo quy định.

Trường hợp là nhà thầu liên danh: Nếu có một hoặc nhiều nhà thầu trong liên danh bị chậm tương ứng với giá trị như trên, thì Chủ đầu tư có quyền chuyển toàn bộ khối lượng ngay cho nhà thầu khác trong liên danh/do Chủ đầu tư chỉ định có đủ năng lực thực hiện mà cần/không cần có ý kiến của nhà thầu trong liên danh bị chậm trễ. Trường hợp nhà thầu vi phạm không

chấp hành/hoặc không hợp tác để xử lý các thủ tục điều chuyển khối lượng cho nhà thầu khác thì bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu và xử lý theo quy định tại Điều 20, Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

e) Trường hợp vi phạm tiến độ dẫn đến thời gian thực hiện gói thầu kéo dài so với thời gian thực hiện gói thầu theo Hợp đồng đã ký kết thì ngoài việc xử lý vi phạm nêu trên, Chủ đầu tư xử phạt về kinh tế được thực hiện theo nguyên tắc và cụ thể như sau:

- Số ngày chậm tiến độ càng nhiều thì mức phạt áp dụng càng cao;
- Tổng số ngày bị chậm tiến độ rơi vào khung thời gian nào thì áp dụng mức phạt quy định cho khung thời gian đó để tính cho tất cả các ngày bị chậm;
- Số tiền bị phạt được xác định bằng tổng số ngày chậm tiến độ nhân với mức phạt cho 01 ngày bị chậm của khung thời gian mà tổng số ngày bị chậm rơi vào;
- Số ngày bị chậm tiến độ được xác định theo công thức:

Số ngày bị chậm tiến độ = Tổng số ngày dương lịch được đếm từ ngày bàn giao mặt bằng đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình, đưa vào khai thác sử dụng. -

Thời gian thực hiện gói thầu theo hợp đồng đã ký.

Nếu kết quả phép tính ≤ 0 : Nhà thầu không vi phạm tiến độ hợp đồng;

Nếu kết quả phép tính > 0 : Nhà thầu vi phạm tiến độ hợp đồng và kết quả của phép tính là số ngày bị chậm tiến độ của nhà thầu.

- Mức phạt áp dụng cho từng khung thời gian chậm tiến độ như sau:
 - Chậm từ 1 - 5 ngày: Bị phạt 0,025% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm/ 01 ngày;
 - Chậm từ 6 - 10 ngày: Bị phạt 0,05% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm/ 01 ngày;
 - Chậm từ 11 - 20 ngày: Bị phạt 0,075% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm / 01 ngày;
 - Chậm từ 21 ngày trở lên: Bị phạt 0,1% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm / 01 ngày.
 - Tổng số tiền phạt hợp đồng không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

Trong đó:

+ Giá trị phần hợp đồng bị vi phạm là giá trị hạng mục công việc được nghiệm thu thực hiện ngoài thời gian thực hiện gói thầu.

+ Trường hợp nhà thầu vi phạm tiến độ bàn giao công trình xây dựng đưa vào khai thác, sử dụng quy định tại khoản 8.3 Điều 8 và vi phạm tiến độ quyết toán hợp đồng theo quy định tại khoản 23.1 Điều 23 của Hợp đồng thì giá trị phần hợp đồng bị vi phạm là giá trị quyết toán Hợp đồng.

f) Ngoài việc xử lý vi phạm tiến độ kéo dài so với thời gian thực hiện gói thầu theo Hợp đồng theo quy định tại điểm e, việc nhà thầu tiếp tục vi phạm không hoàn thành mốc thời gian tiếp theo do Chủ đầu tư ấn định nhằm hoàn thành công trình đưa vào khai thác, sử dụng; chủ đầu tư xử lý chấm dứt hợp đồng đối với nhà thầu có hành vi vi phạm và xử lý theo các quy định tại Điều 20, Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

21.6. Quy định về việc bổ sung Nhà thầu phụ, xử lý điều chuyển khối lượng cho nhà thầu khác hoặc chấm dứt hợp đồng:

a) Bổ sung Nhà thầu phụ tham gia thực hiện gói thầu:

Khi nhà thầu vi phạm về tiến độ theo quy định tại điểm c khoản 21.4 của Điều này, Chủ đầu có quyền yêu cầu Nhà thầu đề xuất Nhà thầu phụ hoặc chỉ định Nhà thầu phụ để tham gia thực hiện gói thầu theo quy định. Trong trường hợp này:

- + Chủ đầu tư được quyền thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ đối với các khối lượng công việc điều chuyển;
- + Nhà thầu phải tiến hành các thủ tục để điều chuyển khối lượng, bổ sung thầu phụ theo quy định và phải đề nghị Chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ;
- + Trường hợp Nhà thầu không thực hiện các nội dung nêu trên thì Nhà thầu sẽ được coi là vi phạm Hợp đồng và Chủ đầu tư sẽ tiến hành xử lý vi phạm Hợp đồng theo quy định. Đồng thời bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

b) Xử lý điều chuyển khối lượng:

- Khi nhà thầu vi phạm Hợp đồng dẫn đến phải điều chuyển khối lượng cho nhà thầu khác thực hiện thì Chủ đầu tư toàn quyền quyết định điều chuyển khối lượng công việc còn lại để giao cho nhà thầu khác thực hiện.
- Khi điều chuyển khối lượng, trường hợp Chủ đầu tư không lựa chọn được đơn vị (thành viên liên danh còn lại hoặc nhà thầu khác đáp ứng năng lực từ chối thực hiện) thực hiện phần hạng mục công việc bị điều chuyển theo đơn giá của Hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ lập, phê duyệt dự toán phần khối lượng điều chuyển tương ứng với đơn giá của Nhà nước tại thời điểm điều chuyển làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định hiện hành. Toàn bộ chi phí tăng thêm (chênh lệch) so với đơn giá trúng thầu, nhà thầu chính phải chịu và chủ đầu tư sẽ khấu trừ khi thực hiện thanh quyết toán với nhà thầu bị xử lý vi phạm.

c) Xử lý chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư:

- Khi Nhà thầu vi phạm các nội dung quy định tại Khoản 18.2 Điều 18 và vi phạm Hợp đồng dẫn đến phải chấm dứt Hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ ban hành Quyết định chấm dứt Hợp đồng. Chủ đầu tư đăng tải thông tin Nhà thầu vi phạm Hợp đồng trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định chấm dứt Hợp đồng, nêu rõ lý do Nhà thầu vi phạm Hợp đồng dẫn đến phải chấm dứt Hợp đồng; gửi Quyết định chấm dứt hợp đồng và các tài liệu xử lý vi phạm khác (nếu có) đến Bộ Tài chính để tổng hợp, theo dõi. Nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bị coi là không hoàn thành hợp đồng.
- Khi chấm dứt hợp đồng, trường hợp Chủ đầu tư không lựa chọn được đơn vị (thành viên liên danh còn lại hoặc nhà thầu khác đáp ứng năng lực từ chối thực hiện) thực hiện phần hạng mục công việc còn lại theo đơn giá của Hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ lập, phê duyệt dự toán phần khối lượng còn lại tương ứng với đơn giá của Nhà nước tại thời điểm chấm dứt Hợp đồng làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định hiện hành. Toàn bộ chi phí tăng thêm (chênh lệch) so với đơn giá trúng thầu, nhà thầu bị xử lý vi phạm phải chịu và chủ đầu tư sẽ khấu trừ khi thực hiện thanh quyết toán với nhà thầu bị xử lý vi phạm.

- Khi chấm dứt Hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ thanh lý hợp đồng với Nhà thầu vi phạm và triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định hiện hành.

c) Xử lý chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu:

Trong trường hợp Nhà thầu tự ý chấm dứt Hợp đồng không có lý do chính đáng, Chủ đầu tư sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét để xử lý cấm nhà thầu vi phạm tham gia đấu thầu các công trình do Khu Quản lý đường bộ III làm chủ đầu tư và thông báo rộng rãi trên mạng đấu thầu quốc gia.

21.7. Xử lý vi phạm trong bảo hành công trình:

Chủ đầu tư (Khu hoặc Văn phòng QLDB trực thuộc) sẽ có văn bản yêu cầu nhà thầu thi công triển khai sửa chữa, khắc phục và có mốc thời gian yêu cầu phải hoàn thành cụ thể tùy theo tính chất hư hỏng. Nếu nhà thầu không tiến hành sửa chữa, bảo hành sau khi Chủ đầu tư có 02 (hai) văn bản thì Chủ đầu tư có quyền sử dụng nguồn kinh phí bảo hành và nguồn kinh phí giữ lại chờ quyết toán của công trình này và các công trình khác do Nhà thầu thực hiện để thuê đơn vị khác thực hiện; trường hợp khối lượng hư hỏng cần khắc phục, sửa chữa bảo hành vượt quá giá trị kinh phí giữ lại thì Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành phải tự bỏ kinh phí để khắc phục, sửa chữa hoặc để thuê đơn vị khác thực hiện. Trường hợp Nhà thầu từ chối thực hiện trách nhiệm bảo hành, Chủ đầu tư sẽ chấm dứt thực hiện Hợp đồng theo quy định. Đồng thời bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

- Trường hợp là Nhà thầu liên danh:

+ Trường hợp một trong số các thành viên liên danh chậm trễ hoặc không tiến hành khắc phục, sửa chữa theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư được quyền sử dụng tiền bảo hành công trình được giữ lại của thành viên liên danh đó để yêu cầu thành viên liên danh khác hoặc thuê đơn vị khác thực hiện;

+ Trường hợp tất cả các thành viên liên danh chậm trễ hoặc không tiến hành khắc phục, sửa chữa theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư được quyền sử dụng tiền bảo hành công trình được giữ lại của cả liên danh để thuê đơn vị khác thực hiện; sau khi xác nhận hết thời gian bảo hành công trình, Chủ đầu tư hoàn trả giá trị bảo hành công trình còn lại cho từng thành viên liên danh tương ứng tỷ lệ giá trị thực hiện gói thầu của từng thành viên.

+ Trường hợp khối lượng hư hỏng cần khắc phục, sửa chữa bảo hành vượt quá giá trị kinh phí được giữ lại thì từng thành viên liên danh của Nhà thầu phải tự bỏ kinh phí để khắc phục, sửa chữa hoặc để thuê đơn vị khác thực hiện theo phạm vi trách nhiệm của mình. Trường hợp một thành viên liên danh của Nhà thầu từ chối thực hiện trách nhiệm bảo hành, thành viên liên danh còn lại của Nhà thầu có trách nhiệm sửa chữa bảo hành phạm vi trách nhiệm của thành viên vi phạm hợp đồng. Trường hợp Nhà thầu liên danh hoặc một thành viên liên danh từ chối thực hiện trách nhiệm bảo hành bị coi là vi phạm không hoàn thành Hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ chấm dứt thực hiện Hợp đồng theo quy định. Đồng thời bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

21.8. Bồi thường thiệt hại do vi phạm:

Bằng kinh phí của mình, nhà thầu phải hoàn thành khắc phục các sai sót do vi phạm về chất lượng trong khoảng thời gian phù hợp theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Ngoài ra, nếu nhà thầu vi phạm hợp đồng gây ra các tổn thất, thiệt hại cho Chủ đầu tư và bên thứ ba (nếu có) thì nhà thầu có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng theo quy định tại Luật Xây dựng số 135/202/QH15

21.9. Việc Chủ đầu tư áp dụng một biện pháp chế tài không loại trừ quyền áp dụng đồng thời hoặc tiếp tục các biện pháp khác theo Hợp đồng và pháp luật, bao gồm phạt, bồi thường, khấu trừ, thu bảo lãnh, tạm dừng, chấm dứt hợp đồng, báo cáo đánh giá uy tín/năng lực trong hoạt động đấu thầu.

21.10 Trong mọi trường hợp, Nhà thầu vi phạm hợp đồng bị Chủ đầu tư xử phạt về kinh tế đến ngưỡng 12% giá trị phần hợp đồng vi phạm mà nhà thầu vẫn không khắc phục và tiếp tục vi phạm, Chủ đầu tư sẽ xử lý điều chuyển khối lượng cho nhà thầu khác hoặc chấm dứt hợp đồng theo quy định.

Điều 22. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

22.1. Mọi khiếu nại, kiến nghị phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng phải được lập bằng văn bản, nêu rõ nội dung, căn cứ, hồ sơ chứng minh, yêu cầu xử lý và gửi cho bên còn lại trong thời hạn phù hợp với Hợp đồng.

22.2. Các bên ưu tiên thương lượng, hòa giải để giải quyết tranh chấp. Trường hợp không giải quyết được, tranh chấp được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật Việt Nam.

22.3. Trong thời gian giải quyết tranh chấp, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ không bị tranh chấp và các yêu cầu hợp pháp của Chủ đầu tư/TVGS nhằm bảo đảm tiến độ, chất lượng, an toàn công trình, trừ khi Chủ đầu tư có chỉ đạo khác bằng văn bản.

Điều 23. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

23.1. Quyết toán hợp đồng xây dựng theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP, Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công; Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/6/2026 của Chính phủ quy định quyết toán vốn đầu tư dự án và các quy định pháp luật khác có liên quan. Để thực hiện quyết toán, Nhà thầu phải nộp đầy đủ hồ sơ quyết toán hợp đồng, hồ sơ hoàn công, hồ sơ chất lượng, bản vẽ hoàn công, hồ sơ điều chỉnh giá, hồ sơ phát sinh và các tài liệu liên quan. Hồ sơ quyết toán hợp đồng theo mẫu mà Chủ đầu tư đã chấp thuận, bao gồm các tài liệu như sau:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi hợp đồng và công việc phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng (nếu có);
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có);
- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng xây dựng (gọi là quyết toán A-B), trong đó nêu rõ giá trị công việc hoàn thành theo hợp đồng; giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã ký, giá trị đã thanh toán hoặc tạm thanh toán và giá trị còn lại đề nghị Chủ đầu tư thanh toán.

23.2. Nếu Nhà thầu không nộp hồ sơ quyết toán đúng hạn, nộp không đầy đủ hoặc không phối hợp sau 02 lần Chủ đầu tư nhắc bằng văn bản, Chủ đầu tư có quyền lập/xác định giá trị quyết toán trên cơ sở hồ sơ hiện có, khấu trừ chi phí, giữ lại thanh toán/bảo lãnh và Nhà thầu chịu bất lợi, chi phí phát sinh do việc không phối hợp. Nhà thầu không có quyền khiếu nại và phải chịu mọi rủi ro về giảm trừ từ cơ quan thanh tra, kiểm toán sau này.

22.3 Nhà thầu triển khai quyết toán chậm so với quy định hợp đồng mà không có lý do chính đáng sẽ bị xử phạt chậm tiến độ quyết toán theo mức phạt chậm tiến độ tại khoản 21.4 Điều 21.

23.4. Nhà thầu có nghĩa vụ phối hợp giải trình, cung cấp hồ sơ trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi Chủ đầu tư, cơ quan thanh tra, kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán yêu cầu. Giá trị bị giảm trừ/xuất toán do lỗi của Nhà thầu sẽ được Chủ đầu tư khấu trừ hoặc yêu cầu hoàn trả.

23.5. Hợp đồng được thanh lý khi các bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ, bao gồm thanh toán, quyết toán, bảo hành, xử lý khiếu nại, tranh chấp, hoàn trả bảo lãnh và các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng.

Điều 24. Hiệu lực của hợp đồng

24.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày các bên ký kết và Nhà thầu nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng hợp lệ.

24.2. Hợp đồng hết hiệu lực khi các bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng, bao gồm nghĩa vụ quyết toán, thanh lý, bảo hành, xử lý tồn tại, khiếu nại, tranh chấp và các nghĩa vụ tài chính liên quan.

24.3. Tính pháp lý của hợp đồng xây dựng:

a) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý mà Chủ đầu tư, Nhà thầu và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện;

b) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định, của pháp luật có liên quan.

Điều 25. Điều khoản chung

25.1. Các phụ lục kèm theo là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

25.2. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng phải được lập bằng văn bản, được người có thẩm quyền của các bên ký kết và tuân thủ quy định pháp luật, E-HSMT, E-HSDT, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

25.3. Trường hợp một điều khoản của Hợp đồng vô hiệu hoặc không thể thực hiện, các điều khoản còn lại vẫn có hiệu lực; các bên sẽ thay thế điều khoản đó bằng điều khoản hợp pháp, có hiệu lực và gần nhất với mục đích ban đầu.

25.4. Hợp đồng được lập thành [] bản gốc có giá trị pháp lý như nhau; Chủ đầu tư giữ [] bản, Nhà thầu giữ [] bản và các bên liên quan giữ theo nhu cầu quản lý hồ sơ.

ĐẠI DIỆN CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)
--	--

--	--

PHỤ LỤC 1. THÔNG TIN NHÀ THẦU/ LIÊN DANH VÀ PHÂN CHIA PHẠM VI CÔNG VIỆC

I. Thông tin nhà thầu: LIÊN DANH NHÀ THẦU THI CÔNG ĐƯỜNG QUỐC LỘ 1, TỈNH ĐẮK LẮK

I.1 Tên thành viên liên danh thứ nhất: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ NĂNG BAN MAI

Đại diện Ông: **Đào Văn Ngọc** - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Số 01 Hoa Cau, phường Cầu Kiệu, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.62926595

Tài khoản: 04074392801 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tp. HCM

Mã số thuế: 0313121193 Cơ quan quản lý thuế: Thuế Tp. Hồ Chí Minh 01

Mã chương: 554; Mã NDKT: 1701.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0313121193 đăng ký lần đầu ngày 30/01/2015; đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 18/06/2026

I.2 Tên thành viên liên danh thứ hai: CÔNG TY CỔ PHẦN INFRASOL

Đại diện Ông: **Nguyễn Hữu Trọng** - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ: Phòng 33, Lầu 3, Số 6 Phùng Khắc Khoan, Phường Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.38.251.018

Tài khoản: 5668.7968.7979 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB)

- Chi nhánh Sài Gòn

Mã số thuế: 0307261065 - Cơ quan quản lý thuế: Thuế Thành phố Hồ Chí Minh

Mã chương: 554; Mã NDKT: 1701

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0307261065 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21/11/2007, cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 04/05/2026.

II. Phạm vi công việc: Toàn bộ công việc của gói thầu. Cụ thể:

TT	Tên nhà thầu	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ thực hiện
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Năng Ban Mai	- Thi công toàn bộ các hạng mục (trừ các hạng mục từ 1.1.1 đến hạng mục 1.1.5) trong Bảng kê hạng mục công việc của E-HSMT; - Một phần hạng mục Đảm bảo an toàn giao thông khi thi công tương ứng với tỷ lệ phân chia	≈ 85,34%
2	Công ty Cổ phần Infracol	- Thi công hạng mục công việc từ hạng mục từ 1.1.1 đến hạng mục 1.1.5 (trong Bảng kê hạng mục công việc của E-HSMT); - Một phần hạng mục Đảm bảo an toàn giao thông khi thi công tương ứng với tỷ lệ phân chia	≈ 14,66%
Tổng cộng:		Toàn bộ công việc của gói thầu:	100%

**PHỤ LỤC 4. NHÂN SỰ CHỦ CHỐT, THIẾT BỊ CHÍNH, PHÒNG THÍ NGHIỆM,
TRẠM TRỘN VÀ NGUỒN VẬT LIỆU**

I. Nhân sự chủ chốt:

STT	Chức danh đảm nhận	Họ và tên	Ghi chú
1	Chỉ huy trưởng công trình	Lê Văn Cư	Công ty Cổ phần Infracol
		Đặng Minh Hoàng	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Năng Ban Mai
2	Kỹ thuật thi công	Đinh Văn Trường	Công ty Cổ phần Infracol
		Phan Tấn Huy	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Năng Ban Mai

II. Thiết bị chính, phòng thí nghiệm, trạm trộn:

STT	Tên thiết bị (đầu thiết bị)	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng thí nghiệm hợp chuẩn	2	+ Đi thuê Công ty TNHH tư vấn Khảo sát Xây dựng Thế Kỷ + Đi thuê Công ty TNHH SX-XD và TM Huy Phương
2	Trạm trộn BTN nóng công suất $\geq 90T/h$	1	Đi thuê Công ty Cổ phần TM-DV Huy Thiên Phú
3	Máy rải bê tông nhựa $\geq 90kW$	1	Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Năng Ban Mai thuê tài chính của Công ty CTTC TNHH MTV Quốc tế Chailease
4	Lu bánh thép có trọng lượng 6-8 tấn	1	Đi thuê Công ty Cổ phần TM-DV Huy Thiên Phú
5	Lu bánh thép có trọng lượng 10-12 tấn	1	Sở hữu của Công ty Cổ phần Infracol
6	Lu bánh hơi có trọng lượng ≥ 16 tấn	1	Đi thuê Công ty CP QL và XD Đường bộ Phú Yên
7	Lu bánh hơi có trọng lượng ≥ 25 tấn	2	+ Đi thuê Công ty Cổ phần TM-DV Huy Thiên Phú + Sở hữu của Công ty Cổ phần Infracol
8	Máy cào bóc (loại tương tự Wirtgen C1000)	1	Sở hữu của Công ty Cổ phần Infracol
9	Máy đào $\geq 0,7 m^3$	1	Sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Năng Ban Mai
10	Máy tái chế (có công suất không nhỏ hơn 450HP)	1	Sở hữu của Công ty Cổ phần Infracol
11	Lu bánh hơi có trọng lượng tĩnh $\geq 13T$	1	Sở hữu của Công ty Cổ phần Infracol
12	Lu rung 01 bánh thép (Lu có trọng lượng tĩnh $\geq 11T$; tải trọng động khi rung $\geq 30T$)	1	Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Năng Ban Mai thuê tài chính của Công ty CTTC TNHH MTV Quốc tế Chailease

13	Lu rung 02 bánh thép (Lu bánh thép có trọng lượng tĩnh $\geq 9T$)	1	Sở hữu của Công ty Cổ phần Infracol
14	Lu rung chân cừ (Lu có trọng lượng tĩnh $\geq 11T$; tải trọng động khi rung $\geq 30T$)	1	Sở hữu của Công ty Cổ phần Infracol
15	Máy tưới nhũ tương (Phù hợp với tính chất công việc)	1	Đi thuê Công ty CP ĐT XD 886 – Thành Nam
16	Máy san tự hành, có công suất $\geq 108CV$	1	Sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Năng Ban Mai
17	Xe bồn chở nước	1	Sở hữu của Công ty Cổ phần Infracol
18	Máy đóng cọc tự hành (Phù hợp với tính chất công việc)	1	Đi thuê Công ty TNHH sản xuất và thương mại Phương Tuấn
19	Thiết bị sơn dẻo nhiệt là máy tự động (dạng phun hoặc ép đẩy sơn dẻo nhiệt, phun áp lực hạt thủy tinh)	1	Đi thuê Công ty CP ĐT Hạ tầng giao thông Đèo Cả

III. Nguồn vật liệu:

Stt	Loại vật liệu	Nguồn gốc, xuất xứ	Đơn vị cung cấp	Ghi chú
1	Bê tông nhựa nóng (BTN)	Trạm BTN thôn Phú Thạnh, xã An Chấn, huyện Tuy An	Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Huy Thiên Phú	
2	Sơn dẻo nhiệt phản quang	Công ty Cổ phần V-Mark	Công ty Cổ phần GCM	
3	Xi măng	Sông Gianh	Công ty Cổ phần XD TM và DV HATACO	
4	Nhũ tương	1. Công ty Cổ phần BachChambard Đà Nẵng 2. Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường (ADCo)	1. Công ty Cổ phần BachChambard Đà Nẵng - CN Bình Định 2. Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường (ADCo)	
5	Nhựa đường 60/70	Petrolimex, Tratimex/Singapore	1. Chi nhánh Nhựa đường Petrolimex Sài Gòn - Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	

			2. Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao thông (Tratimex) 3. Công ty CP Cảng Đoạn Xá	
6	Nhựa đường Polyme	Tratimex, I.C.T / Singapore	1. Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao thông (Tratimex) 2. Công ty CP Đầu tư xây dựng và TM Quốc tế (I.C.T)	
7	Cát	Mỏ cát VLXD thông thường sông Đà Rằng, thôn Cẩm Thạch, xã Phú Hòa 1, tỉnh Đắk Lắk	Công ty CP TĐĐT Năng Ban Mai	
8	Đá các loại	1. Mỏ đá thôn Hòa Mỹ, xã Xuân Cảnh, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên (Nay là Thôn Hòa Mỹ, xã Xuân Cảnh, tỉnh Đắk Lắk) 2. Mỏ đá thôn Suối Biều, xã Sơn Giang, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên (Nay là thôn Suối Biều, Xã Đức Bình, Đắk Lắk)	1. Công ty TNHH Xây dựng Hòa Mỹ 2. Công ty Cổ phần 3.2	
9	Bột khoáng	Việt Nam	1. Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại Hà Nam Ninh 2. Công ty TNHH Khoáng Sản Bình Dung	
10	Phụ gia tăng độ dính bám đá nhựa	Công ty TNHH Taiyu Việt Nam	Công ty TNHH Taiyu Việt Nam	

PHỤ LỤC 5

(Kèm theo Hợp đồng số: /2026/HĐXD ngày tháng năm 2026)

**LIÊN DANH NHÀ THẦU THI CÔNG
ĐƯỜNG QUỐC LỘ 1, TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa điểm, ngày tháng năm 2026

BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Gói thầu số 4: Thi công xây dựng công trình: Sửa chữa hư hỏng mặt đường đoạn Km1350+00 - Km1353+185; Sửa chữa tăng cường hệ thống ATGT đảm bảo QCVN41:2024/BGTVT đoạn Km1342+00 Km1366+546 Quốc lộ 1, tỉnh Đắk Lắk

Dự án: Sửa chữa hư hỏng mặt đường đoạn Km1303+600 - Km1304+910; Km1337+1650 - Km1338+00; Km1338+00 - Km1339+00 (T); Km1339+100 - Km1339+500 (P); Km1339+500 - Km1342+00; Km1350+00 - Km1353+185; Sửa chữa tăng cường hệ thống ATGT đảm bảo QCVN41:2024/BGTVT đoạn Km1265+00 - Km1366+546, Quốc lộ 1, tỉnh Đắk Lắk.

1. Thông tin chung:

Tên Nhà thầu thi công : **LIÊN DANH NHÀ THẦU THI CÔNG ĐƯỜNG QUỐC LỘ 1, TỈNH ĐẮK LẮK**

I.1 Tên thành viên liên danh thứ nhất: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ NĂNG BAN MAI

Đại diện Ông: **Đào Văn Ngọc** - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Số 01 Hoa Cau, phường Cầu Kiệu, Tp. Hồ Chí Minh.

I.2 Tên thành viên liên danh thứ hai: CÔNG TY CỔ PHẦN INFRASOL

Đại diện Ông: **Nguyễn Hữu Trọng** - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ: Phòng 33, Lầu 3, Số 6 Phùng Khắc Khoan, Phường Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Tên công trình: Sửa chữa hư hỏng mặt đường đoạn Km1350+00 - Km1353+185; Sửa chữa tăng cường hệ thống ATGT đảm bảo QCVN41:2024/BGTVT đoạn Km1342+00 Km1366+546 Quốc lộ 1, tỉnh Đắk Lắk.

2. Nội dung cam kết bảo vệ môi trường của Nhà thầu thi công trong quá trình thi công công trình:

a) Cam kết thực hiện các biện pháp đảm bảo về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm cả biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu gom hiện trường. Thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

b) Cam kết trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

c) Cam kết chấp hành việc kiểm tra giám sát thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng của Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trong trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về môi trường thì Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngưng thi công xây dựng và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

d) Trong trường hợp để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng Nhà thầu thi công xin chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường Nhà thầu thi công áp dụng trong quá trình thi công:

a) Giảm thiểu ô nhiễm do bụi, khí thải: Các loại xe vận chuyển vật liệu được che đậy cẩn thận để tránh rơi vãi trên đường; bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển vật liệu, không vận chuyển vật liệu vào giờ cao điểm; Xe máy thiết bị thi công cơ giới đạt tiêu chuẩn quy định về an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường, thường xuyên được bảo trì để giảm ô nhiễm do khói xe; Không đun nhựa đường bằng phương pháp thủ công, phải dùng thiết bị chuyên dụng để đun nhựa đường với chất đốt là dầu hoặc năng lượng sạch thân thiện môi trường. quá trình nấu nhựa, trải nhựa: chọn vị trí nấu nhựa nơi thông thoáng, ít dân cư, trên mặt cầu, gần khu vực cháy nổ, thu gom vệ sinh sạch sẽ phần tro bụi (nếu có) tránh để phát tán vào môi trường xung quanh.

b) Giảm thiểu ô nhiễm do tiếng ồn, độ rung: Thường xuyên bảo trì các thiết bị thi công và phương tiện vận chuyển; hạn chế vận hành đồng thời những thiết bị gây ồn, bố trí và sắp xếp hoạt động thi công hợp lý, hạn chế làm việc từ 22h đến 6 giờ sáng tại khu vực dân cư; sử dụng thiết bị chuyên dụng phù hợp cho từng hạng mục thi công.

c) Giảm thiểu tác động nước thải trong quá trình thi công: nước thải chủ yếu là nước rửa máy móc, xe chở đất,... nước thải phát sinh khi tiến hành vệ sinh định kỳ tại nhà kho tập kết được tách riêng và dẫn vào hố lắng. Giảm thiểu tác động nước mưa chảy tràn: bố trí các nhà kho tạm thời chứa nguyên vật liệu, hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn chất bẩn xuống cống thoát nước của khu vực.

d) Thu gom xử lý dầu mỡ thải (nếu có): chủ yếu sử dụng cho xe máy thi công, thiết bị, được thu gom hàng quý.

đ) Thu gom xử lý nước thải (nếu có): Nước thải từ khu vực rửa cốt liệu, khu vực làm bê tông, nước rửa xe,... được tách riêng và dẫn vào hố lắng đặt trong công trường.

e) Thu gom và xử lý chất thải thi công xây dựng: đất đào, bùn thải một phần tận dụng để đắp bờ vây, phần còn lại cho người dân tận dụng san lấp, trồng cây. Thực hiện tập kết chất thải xây dựng thông thường đúng quy định và có hồ sơ theo dõi đảm bảo tập kết chất thải đúng vị trí, phương pháp và khối lượng quy định.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG

PHỤ LỤC 6

(Kèm theo Hợp đồng số: /2026/HĐXD ngày tháng 01 năm 2026)

MẪU BIÊN BẢN GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN**Tên Chủ Đầu tư/
chủ dự án****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Địa điểm, ngày tháng năm**BIÊN BẢN GIÁM SÁT SỰ TUÂN THỦ MÔI TRƯỜNG****I. Thông tin chung:**

1. Dự án :

.....

2. Gói thầu :

.....

3. Hạng mục công việc.....

4. Nhà thầu thi công.....

5. Tư vấn giám sát:

II. Hoạt động thi công:

1. Hạng mục công việc:.....

2. Thiết bị thi công:.....

3. Số lượng công nhân:.....

III. Đánh giá sự tuân thủ môi trường

Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nội dung của kế hoạch quản lý môi trường và các biện pháp xử lý chất thải, các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong báo cáo ĐTM/KHBVMT của dự án.

Nội dung	Đánh giá		
	Tốt	Trung bình	Kém
1. Quản lý chất thải			
+ Nhà vệ sinh tại công trường:			
+ Số lượng thùng rác:			
+ Lưu giữ chất thải thi công:			
+ Lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:			
+ Lưu giữ vật liệu:			
2. Kiểm soát nước thải			
+ Hệ thống thoát nước công trường:			
+ Hệ thống hồ thu nước:			
+ Các nội dung khác:			
3. Giảm thiểu các tác động do bụi, tiếng ồn và độ rung:			

Nội dung	Đánh giá		
	Tốt	Trung bình	Kém
+ Phun nước giảm bụi:			
+ Thu gom chất thải rơi vãi trên công trường và đường tiếp cận:			
+ Các nội dung khác:			
4. Hệ thống biển báo, hàng rào, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy:			
+ Hệ thống biển báo, hàng rào:			
+ Thiết bị phòng cháy chữa cháy:			
+ Dụng cụ bảo hộ lao động:			
+ Các nội dung khác:			
5. Tác động tới khu vực nhạy cảm xung quanh công trường và dọc các đường tiếp cận:			
+ Kế hoạch thi công của nhà thầu:			
+ Các tác động đến khu vực nhạy cảm xung quanh công trường:			
6. Khu vực đổ thải:			
+ Vị trí đổ thải:			
+ Hiện trạng khu vực đổ thải:			
+ Tác động tới môi trường xung quanh khu vực đổ thải:			

IV. Kết luận:

NHÀ THẦU THI CÔNG

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

TƯ VẤN GIÁM SÁT

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

PHỤ LỤC 7

(Kèm theo Hợp đồng số: /2026/HĐXD ngày tháng năm 2026)

HỒ SƠ THEO DÕI VIỆC VẬN CHUYỂN, ĐỔ CHẤT THẢI THI CÔNG

Công trình:

Địa điểm/ Lý trình:.....

Vị trí bãi thải:.....

TT	Ngày	Hạng mục công việc	Khối lượng vận chuyển (m3, cái...)	Số lượt vận chuyển	Tổng khối lượng vận chuyển (m3, cái)	Biển số xe	Vị trí nhận chất thải	Vị trí đổ thải	Chữ ký nhà thầu	Chữ ký xác nhận của bãi thải (nếu có)	Chữ ký tư vấn giám sát

(Mẫu theo dõi này được trích từ Sổ tay Hướng dẫn kỹ thuật về Bảo vệ môi trường trong công tác bảo trì đường bộ và tham khảo Thông tư 08/2017/TT-BXD quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng)

PHỤ LỤC 8

(Kèm theo Hợp đồng số: /2026/HĐXD ngày tháng năm 2026)

**LIÊN DANH NHÀ THẦU THI
CÔNG ĐƯỜNG QUỐC LỘ 1,
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN**Dự án: (Tên dự án)**

Năm:

I. Thông tin về dự án

1. Tên dự án:
2. Tiến độ thực hiện:
3. Địa điểm thực hiện dự án:
4. Qui mô dự án: (Tóm tắt về: các hạng mục công trình kèm khối lượng chính, tiêu chuẩn thiết kế, công nghệ áp dụng, tổng mức đầu tư v.v...).....

II. Hiện trạng công tác bảo vệ môi trường của dự án

1. Quản lý môi trường chung dự án: Dự án sửa chữa, bảo trì đường bộ không thuộc diện phải lập ĐTC, ĐTM hoặc KHBVMT

2. Quản lý chất thải dự án:

(Các mục từ a đến d dưới đây phải lập riêng cho từng gói thầu trong trường hợp dự án có nhiều gói thầu thi công xây dựng)

a) Hồ sơ quản lý chất thải:

+ Số đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại:	Có	•	Không	•
+ Hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại:	Có	•	Không	•
+ Hợp đồng thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt:	Có	•	Không	•
+ Thỏa thuận vị trí đổ chất thải thi công xây dựng:	Có	•	Không	•
+ Các loại văn bản khác (như giấy phép về: khai thác nước ngầm, xả thải vào nguồn nước v.v...):	Có	•	Không	
b) Công trình xử lý chất thải:	Có	•	Không	•

Loại công trình xử lý chất thải:

c) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi, ồn, rung,

+ Quy định chi tiết về việc sử dụng còi xe, vận hành thiết bị thi công, lái xe vận chuyển vật liệu, quy định việc che chắn trong quá trình vận chuyển vật liệu.

+ Phun nước tưới ẩm bề mặt các tuyến đường vận chuyển.

+ Thu gom bụi mặt đường cấp phối, bề mặt công trường thi công.

+ Lựa chọn thiết bị có độ rung động cho phép.

d) Biện pháp giảm thiểu Tác động ồn tắc, cản trở giao thông, nguy cơ gây tai nạn đã áp dụng:

+ Có giải pháp an toàn giao thông trong quá trình thi công, biện pháp thi công được phê duyệt

d) Biện pháp thoát nước, phòng, chống ngập đã áp dụng:

+ Có thiết kế hệ thống thoát nước, các cửa thoát trong biện pháp thi công

3. Thống kê nguyên nhiên vật liệu chính/chủ yếu:

TT	Tên gói thầu thi công	Loại nguyên nhiên vật liệu	Lượng sử dụng (theo tấn hoặc m ³)	
			Tấn	m ³
		Tổng số:		

4. Thống kê chất thải thi công xây dựng:

TT	Tên gói thầu thi công	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Lượng phát sinh (theo tấn hoặc m ³)		Vị trí đổ thải
				Tấn	m ³	
		Tổng số:				

5. Thống kê rác thải sinh hoạt:

TT	Tên gói thầu thi công	Lượng phát sinh (theo kg hoặc m ³)		Tổ chức tiếp nhận, xử lý
		kg	m ³	

	Tổng số:			

6. Thống kê chất thải nguy hại:

TT	Tên gói thầu thi công	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Lượng phát sinh (theo kg hoặc m ³)		Tổ chức tiếp nhận, xử lý
				kg	m ³	
		Tổng số:				

7. Hiện trạng, diễn biến môi trường khu vực dự án:

(Môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội; các tác động môi trường, tai biến, sự cố, các vấn đề bức xúc về môi trường và nguyên nhân, dự báo thách thức về môi trường)

NHÀ THẦU THI CÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

PHỤ LỤC 9

(Kèm theo Hợp đồng số: /2026/HĐXD ngày tháng năm 2026)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: (Địa danh), ngày ... tháng ... năm

BẢN CAM KẾT⁷

Về việc: Huy động và bố trí đúng và đầy đủ trạm trộn bê tông nhựa là thiết bị quan trọng, đặc chủng, đặc thù phục vụ thi công gói thầu sửa chữa mặt đường đáp ứng theo qui định tại E-HSMT và các pháp luật có liên quan.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: [Ghi tên Chủ đầu tư]

Căn cứ vào việc [Ghi tên NT tham dự thầu], sau đây gọi là “NT”, sẽ tham dự thầu gói thầu [Ghi tên gói thầu].

Nếu trúng thầu, chúng tôi xin cam kết huy động đúng và đầy đủ trạm trộn bê tông nhựa phục vụ thi công gói thầu theo qui định tại Mục 9, Chương V thuộc EHSMT.

Trường hợp, trong quá trình thực hiện Hợp đồng, chúng tôi không huy động đúng và đầy đủ trạm trộn như đã đề xuất mà không thuộc trường hợp bất khả kháng, không có lý do khách quan (kể cả trường hợp do bên thứ 3 cung cấp thiết bị) kể cả sau khi đã được Chủ đầu tư cho phép bổ sung, thay thế theo qui định thì Chủ đầu tư được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng với chúng tôi, chúng tôi không có khiếu kiện nào và chúng tôi sẽ bị đánh giá không đạt yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, đồng thời bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Ngoài ra còn bị coi là không trung thực và gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có).

Bản cam kết này có hiệu lực ngay từ thời điểm đóng thầu và trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng./.

Đại diện hợp pháp của NT

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

⁹ Khi trúng thầu và ký kết hợp đồng, Nhà thầu tham dự thầu phải có Bản Cam kết trong quá trình thực hiện hợp đồng đối với thiết bị là Trạm trộn BTN đã được quy định tại Mục 10, Chương V thuộc E-HSMT để làm cơ sở triển khai thực hiện theo quy định.